



DSPACE

<https://dspace.org/>

**Nhng vn lý lun và thc tin v ngun chng c là d liu in t trong
T tng hình s: Sách tham kho - Lu hành ni b**

D Hoàng Châu; Nguyn Tin Nam; V Th Hng Phng

2025

Trng i hc CSND

<https://library.dhcsnd.edu.vn/handle/123456789/59>

ThS DƯ HOÀNG CHÂU

SÁCH THAM KHẢO

**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
VỀ NGUỒN CHỨNG CỨ LÀ DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ
TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – 2025

BAN BIÊN SOẠN

Chủ biên: ThS Dư Hoàng Châu

Giảng viên chính - Khoa Luật – Trường Đại học CSND

Tham gia biên soạn

- 1. ThS Dư Hoàng Châu – *Giảng viên chính - Phần 1, 2 Chương II***
- 2. TS Nguyễn Tiến Nam – *Giảng viên chính – Phần 1, 2 Chương I***
- 3. ThS Vũ Thị Hồng Phương – *Giảng viên - Phần 3, Chương I, II***

LỜI NÓI ĐẦU

Việc nhận thức đầy đủ và chính xác các quy định của Bộ luật TTHS về chứng cứ và chứng minh là yêu cầu cần thiết của sinh viên khi nghiên cứu, học tập học phần Luật Tố tụng hình sự; thể hiện kết quả nhận thức và áp dụng các quy định của pháp luật tố tụng hình sự vào thực tiễn hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm, hướng đến mục tiêu không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội. Song thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm trong thời đại cách mạng khoa học công nghệ hiện nay cho thấy các đối tượng phạm tội đang dần có xu hướng sử dụng công nghệ cao trong quá trình gây án, điều đó đòi hỏi chủ thể có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải nghiên cứu và áp dụng chính xác các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về chứng cứ và chứng minh, nhất là phải nắm vững các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử. Tuy nhiên, vấn đề liên quan đến nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử chưa được xây dựng thành một nội dung độc lập trong chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần, mà chỉ được lồng ghép trong quá trình nghiên cứu, học tập môn Luật TTHS. Do đó, nhằm bổ sung nguồn tài liệu tham khảo phục vụ cho việc nghiên cứu và học tập học phần Luật Tố tụng hình sự thuộc Chương trình đào tạo trình độ Đại học Cảnh sát nhân dân, hệ chính quy 4 năm theo tín chỉ, Trường Đại học Cảnh sát nhân dân tổ chức biên soạn sách tham khảo “*Những vấn đề lý luận và thực tiễn về nguồn chứng cứ là Dữ liệu điện tử trong tố tụng hình sự*” theo Quyết định số 2404/QĐ-T05, ngày 21/10/2024, của Hiệu trưởng Trường Đại học Cảnh sát nhân dân, về việc giao biên soạn tài liệu dạy học năm 2024 - 2025. Nội dung sách tham khảo tập trung làm rõ một số vấn đề nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử trong tố tụng hình sự (khái niệm, đặc điểm, vai trò, ý nghĩa, thu thập, bảo quản, giám định, sử dụng nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử, đánh giá thuận lợi, cũng như khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử và định hướng hoàn thiện).

Với những nội dung đó, sách tham khảo được kết cấu gồm 02 chương:

- Chương 1: Những vấn đề lý luận về nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử trong tố tụng hình sự.

- Chương 2: Thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử trong tố tụng hình sự và kiến nghị hoàn thiện.

Trong quá trình biên soạn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Tác giả rất mong nhận được những góp ý về chuyên môn để nội dung được hoàn thiện vì phục vụ tốt hơn cho việc nghiên cứu, học tập của sinh viên.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CSND

MỤC LỤC

Chương 1	NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGUỒN CHỨNG CỨ LÀ DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ	1
I.	NHẬN THỨC CHUNG VỀ DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ	1
1.	Khái niệm dữ liệu điện tử, phương tiện điện tử	1
2.	Đặc điểm nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử	6
3.	Vai trò của nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử trong giải quyết vụ án hình sự	14
4.	Phân loại nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử	15
5.	Điều kiện đảm bảo giá trị chứng minh của dữ liệu điện tử	20
6.	Cơ sở quy định về nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử	23
II.	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ THU THẬP, BẢO QUẢN, GIÁM ĐỊNH, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN CHỨNG CỨ LÀ DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ	26
1.	Thu thập nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử	26
2.	Bảo quản nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử	34
3.	Giám định dữ liệu điện tử	37
4.	Kiểm tra, đánh giá chứng cứ có nguồn là dữ liệu điện tử	40
5.	Sử dụng chứng cứ có nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử	45
III.	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VỀ NGUỒN CHỨNG CỨ LÀ DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ	47

1.	Quy định của pháp luật quốc tế về nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử	47
2.	Quy định của pháp luật một số quốc gia về nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử	51
3.	Nhận xét, đánh giá các quy định của pháp luật quốc tế và một số nước trên thế giới về nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử	59
Chương 2	THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ NGUỒN CHỨNG CỨ LÀ DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN	62
I.	TÌNH HÌNH TỘI PHẠM THUỘC THẨM QUYỀN ĐIỀU TRA CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA TRONG NĂM 2024	62
1.	Tình hình tội phạm hình sự	62
2.	Tình hình tội phạm kinh tế	71
3.	Tình hình tội phạm ma túy	74
II.	THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ NGUỒN CHỨNG CỨ LÀ DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ	78
1.	Thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật TTHS về hoạt động thu thập, bảo quản nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử	78
2.	Thực tiễn hoạt động giám định, bảo quản, kiểm tra, đánh giá chứng cứ có nguồn là dữ liệu điện tử	101
3.	Thực tiễn hoạt động sử dụng chứng cứ có nguồn là dữ liệu điện tử	109

4.	Nguyên nhân của những khó khăn, hạn chế trong hoạt động thu thập, kiểm tra, đánh giá, sử dụng nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử	110
III	KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT TTHS VIỆT NAM VỀ NGUỒN CHỨNG CỨ LÀ DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ	118
1.	Kiến nghị hoàn thiện quy định của Bộ luật TTHS 2015 về nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử	118
2.	Kiến nghị xây dựng Thông tư liên tịch hướng dẫn chi tiết một số quy định của Bộ luật TTHS đối với nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử	124
3.	Kiến nghị đảm bảo thực hiện quy định pháp luật TTHS Việt Nam về nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử	128

Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGUỒN CHỨNG CỨ LÀ DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

I. NHẬN THỨC CHUNG VỀ DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

1. Khái niệm dữ liệu điện tử, phương tiện điện tử

- Khái niệm dữ liệu điện tử

Chứng cứ, nguồn chứng cứ là một phương tiện quan trọng để chứng minh trong việc giải quyết vụ án hình sự (VAHS). Vai trò chủ chốt của chứng cứ, nguồn chứng cứ được thể hiện xuyên suốt để làm rõ tình tiết khách quan, phủ định những gì không xảy ra trong hiện thực cũng như phác họa bức tranh toàn cảnh vụ việc. Trước diễn biến phức tạp của tội phạm công nghệ cao hiện nay cũng như sự phổ biến của nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử (DLĐT) trong việc giải quyết các tội phạm khác, việc hệ thống hoá các quy định về nguồn chứng cứ là DLĐT trong Bộ luật Tố tụng hình sự (TTHS) là hoàn toàn phù hợp. Vậy “*Dữ liệu điện tử*” là gì?

Khoản 1 Điều 87 Bộ luật TTHS năm 2015 có quy định bảy (07) nguồn chứng cứ, trong đó có “*Dữ liệu điện tử*”. Như vậy, từ các DLĐT các cơ quan có thẩm quyền tố tụng có thể có được các chứng cứ dùng để chứng minh có hay không có hành vi phạm tội, ai là người thực hiện hành vi phạm tội và giải quyết những vấn đề khác có liên quan đến VAHS.

Điều 99 Bộ luật TTHS số 101/2015/QH13 ngày 22 tháng 07 năm 2015 lần đầu quy định khái niệm “*Dữ liệu điện tử*”: “*DLĐT là ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự được tạo ra, lưu trữ, truyền đi hoặc nhận được bởi phương tiện điện tử (PTĐT). DLĐT được thu thập từ PTĐT, mạng máy tính, mạng viễn thông, trên đường truyền và các nguồn điện tử khác.*”. Ngoài ra, “*dữ liệu*” được định nghĩa trong luật chuyên ngành là Luật

Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11.¹ Tại khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 10/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BTT&TT-VKSNDTC-TANDTC về Hướng dẫn áp dụng quy định của BLHS về một số tội phạm trong lĩnh vực thông tin, viễn thông cũng đã làm rõ khái niệm DLĐT.² Sự hợp thức hoá quy định về nguồn chứng cứ là DLĐT là hoàn toàn phù hợp và tạo nền tảng cho việc chứng minh sự thật khách quan trong VAHS. DLĐT có thể tồn tại dưới các dạng dữ liệu mang tính đa dạng cao. Vì vậy, chúng có thể được lưu trên máy tính, một số thiết bị kỹ thuật và DLĐT có thể được truyền, nhận thông qua mạng không dây hoặc mạng có dây giữa các thiết bị điện tử với nhau. Mặt khác, để thông tin trong DLĐT được sử dụng là chứng cứ thì phải bảo đảm ba thuộc tính của chứng cứ: tính khách quan, tính liên quan, tính hợp pháp.

Theo quy định tại Điều 99 Bộ luật TTHS thì DLĐT là ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự được tạo ra, lưu trữ, truyền đi hoặc nhận được bởi PTĐT. DLĐT được thu thập từ PTĐT, mạng máy tính, mạng viễn thông, trên đường truyền và các nguồn điện tử khác. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng DLĐT là các ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự mà con người có thể nhận biết được thông qua các thiết bị, PTĐT, phần mềm thích hợp bởi nó tồn tại dưới dạng kỹ thuật số bằng các đơn vị byte, bit, các sóng điện từ, hạt điện tử... mà ở trạng thái tự nhiên chúng ta không thể nhìn thấy, nghe thấy hoặc nhận biết những dữ liệu trong các thiết bị chứa đựng nó. Ví dụ: Một chiếc thẻ nhớ, bằng trực quan chúng ta không thể thấy được hình ảnh, âm thanh, ký tự... nhưng khi lắp vào máy tính, sử dụng phần mềm thích hợp để

¹ Khoản 7 Điều 3 Luật Giao dịch điện tử năm 2023 ngày 22 tháng 6 năm 2023 (Luật GDĐT 2023) quy định: “*ữ liệu điện tử là dữ liệu được tạo ra, xử lý, lưu trữ bằng PTĐT*”.

² Khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 10/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BTT&TT-VKSNDTC-TANDTC ngày 10 tháng 09 năm 2012 Hướng dẫn áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự về tội phạm trong lĩnh vực CNTT và viễn thông (Thông tư liên tịch số 10/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BTT&TT-VKSNDTC-TANDTC) quy định: “*DLĐT là thông tin chứa trong PTĐT. DLĐT có thể coi là chứng cứ. Để bảo đảm giá trị chứng cứ, cần thực hiện đúng trình tự, thủ tục TTHS đối với việc khám xét, thu giữ, tạm giữ, bảo quản vật chứng có lưu DLĐT như: Ổ cứng máy tính, bộ nhớ trong của điện thoại di động, máy ảnh, máy ghi hình, máy fax, máy ghi âm, máy đọc thẻ, thẻ từ, thẻ chip, thẻ nhớ, USB, đĩa CD, đĩa VCD, đĩa DVD và các loại PTĐT khác*”.

đọc thẻ nhớ chúng ta có thể thấy, nhận biết được các âm thanh, hình ảnh, ký tự... Hoặc nếu sử dụng phần mềm không thích hợp thì mặc dù vẫn máy tính đó, thẻ nhớ đó nhưng cũng không thể thấy, nhận biết được các âm thanh, hình ảnh...

Như vậy, dưới góc độ TTHS, có thể đưa ra khái niệm “Dữ liệu điện tử” như sau: *DLĐT là một trong các nguồn chứng cứ được quy định trong Bộ luật TTHS ở trạng thái tự nhiên, DLĐT có trong các thiết bị, PTĐT hoặc được truyền đi, tiếp nhận từ các thiết bị, PTĐT, khi thông qua một phần mềm thích hợp (tương thích) thì các DLĐT sẽ biểu hiện dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự mà con người có thể nhận biết được bằng các giác quan.*

- Khái niệm phương tiện điện tử

Về bản chất, “phương tiện điện tử” là môi trường tạo ra, chứa đựng DLĐT. Để DLĐT truyền đi hoặc nhận được, lưu trữ, khai thác phải thông qua PTĐT và thông qua phương tiện này khai thác, sử dụng nguồn chứng cứ là DLĐT. Con người có thể cài đặt, lập trình cũng như điều khiển PTĐT vận hành theo ý muốn chủ quan của bản thân. Vì vậy, DLĐT có thể dễ dàng bị xóa hoặc bị thay đổi trong quá trình thực hiện các thao tác trên PTĐT. Điều này là một lợi thế song cũng gây ra nhiều mặt trái trong quá trình áp dụng các biện pháp để sử dụng nội dung trong những phương tiện này. Trong Bộ luật TTHS năm 2015 không có quy định thế nào là PTĐT, tuy nhiên tại khoản 2 Điều 3 Luật Giao dịch điện tử năm 2023 ngày 22 tháng 6 năm 2023 quy định: *“PTĐT là phần cứng, phần mềm, hệ thống thông tin hoặc phương tiện khác hoạt động dựa trên công nghệ thông tin (CNTT), công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện từ hoặc công nghệ khác tương tự.”*

Từ định nghĩa trên có thể thấy dữ liệu tồn tại trong môi trường điện tử gồm DLĐT và dữ liệu kỹ thuật số, chúng có thể được lưu tại chính PTĐT đó hoặc được nhận từ PTĐT khác truyền đến thông qua mạng có dây hoặc không dây. Các DLĐT không tồn tại một cách độc lập mà luôn phải gắn với ít nhất

là một thiết bị, PTĐT nào đó bởi thông qua các thiết bị, phương tiện này mà các DLĐT được khởi tạo, được chứa đựng, phát đi hoặc thu nhận. Những thiết bị, PTĐT có bộ nhớ kỹ thuật số luôn thay đổi và phát triển không ngừng như Smart Cards, Smart Media, thiết bị định vị GPS, máy đọc thẻ có vạch, máy vi tính, máy quét, máy in, điện thoại di động, máy quay, máy ảnh, máy Photocopy, máy tiếp sóng vệ tinh, máy lưu trữ HD, USD, ổ cứng di động, đĩa mềm, đĩa CD, DVD, VCD...

Ngoài ra, DLĐT có thể được sao chép từ DLĐT gốc thành nhiều DLĐT khác có cùng thuộc tính, nội dung. Khi thông qua thiết bị, PTĐT có cùng thuộc tính, tiêu chuẩn với cùng một loại phần mềm thì sẽ có các thông điệp chứa đựng thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự mà con người có thể nhận biết, cảm nhận được là như nhau. Chỉ khi nào thông qua các thiết bị, PTĐT và phần mềm thích hợp (tương thích) thì các DLĐT mới được chuyển hóa thành thông tin biểu hiện dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự mà con người có thể nhận biết được bằng các giác quan. Nếu không có các thiết bị, PTĐT và phần mềm này thì con người không thể nhận biết các thông điệp có chứa đựng thông tin được truyền tải.

Từ việc nghiên cứu về PTĐT đặt ra yêu cầu với các chủ thể có thẩm quyền trong quá trình thu thập DLĐT phải chú ý thu thập cả PTĐT để đảm bảo giá trị chứng minh, tính khách quan, tính liên quan và tính hợp pháp của DLĐT.

- Nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử

Hiện nay, tình hình các tội phạm đang diễn biến rất phức tạp về cả quy mô, tính chất lẫn mức độ nghiêm trọng. Các hành vi phạm tội thể hiện từ nhiều mặt của xã hội và ngày càng xuất hiện nhiều hành vi phạm tội ẩn danh trên không gian điện tử. Điều này để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng và gây ra nhiều khó khăn trong công tác xử lý, phòng chống tội phạm. Bên cạnh đó, nhằm mục đích thu thập các thông tin, tài liệu, chứng cứ cần thiết phục vụ công tác phát hiện, điều tra, xử lý và phòng ngừa tội phạm, kỹ thuật phòng chống tội phạm

đóng vai trò quan trọng trong công tác đấu tranh và phòng ngừa tội phạm của ngành công an.³ Do đó, vấn đề sử dụng khoa học - công nghệ một cách hiệu quả ngày càng được chú trọng và khai thác triệt để. Bởi trên thực tế, một số các tội phạm hoạt động chủ yếu trên không gian ảo với sự đa dạng trong thủ đoạn phạm tội, còn được biết đến với tên gọi tội phạm công nghệ cao.⁴

Vì vậy, việc BLHS 2015 bổ sung quy định về các tội phạm trong lĩnh vực CNTT, mạng viễn thông từ Điều 285 đến Điều 294 cũng như việc Bộ luật TTHS 2015 đồng thời thêm nguồn chứng cứ là DLĐT làm cơ sở chứng minh các tội phạm không chỉ trong lĩnh vực CNTT, mạng viễn thông nói chung mà còn là cơ sở vững chắc trong các vụ án khác mà khi đó, nguồn chứng cứ là DLĐT đóng vai trò cốt lõi trong việc xác định dấu hiệu của các tội phạm này, mang một ý nghĩa chủ chốt.⁵

³ Minh Hiền (2018), “Biện pháp kỹ thuật phòng, chống tội phạm trong tình hình mới”, *Báo Công an Nhân dân Online*, [<http://bocongan.gov.vn/tintuc/Pages/lists.aspx?ItemID=24093>] (truy cập ngày 22/06/2021).

⁴ Tội phạm công nghệ cao là tội phạm sử dụng tri thức, kỹ năng, công cụ, phương tiện công nghệ ở trình độ cao tác động trái pháp luật đến thông tin, dữ liệu, tín hiệu được lưu trữ, xử lý, truyền tải trong hệ thống mạng máy tính, mạng viễn thông, thiết bị số, xâm phạm đến trật tự an toàn thông tin, có thể gây tổn hại tới quyền và các lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, quốc gia. Tội phạm công nghệ cao có thể được biết đến dưới những dạng như tội phạm trong lĩnh vực CNTT, mạng viễn thông (BLHS 2015) hay tội phạm mạng, tội phạm điện tử, tội phạm máy tính trong pháp luật của các quốc gia khác. Khái niệm này tuy không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật tuy nhiên vẫn được thừa nhận và sử dụng rộng rãi trên các phương tiện truyền thông như báo đài, truyền hình. Bên cạnh đó, thuật ngữ này còn được sử dụng bởi chính những cơ quan nhà nước như Công an Nhân dân, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội. Điều này được thể hiện rất rõ nét qua các buổi báo cáo, hội thảo hay thậm chí là qua tên gọi của các bộ phận trong lực lượng Công an Nhân dân như Cục An ninh mạng và Phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao.

Nguồn: Trần Đoàn Hạnh (2016), “Những vướng mắc trong đấu tranh, xử lý vi phạm pháp luật về tội phạm công nghệ cao”, *Tap chí Nghiên cứu lập pháp*, 2+3(306+307), tr. 108–109.

Hoàng Việt Quỳnh (2016), “Một số trao đổi về tội phạm sử dụng Công nghệ cao theo quy định của pháp luật Việt Nam”, *Tap chí Khoa học Giáo dục Cảnh sát nhân dân*, 08/2016.

Trần Linh (2021), “Tội phạm công nghệ cao: Thủ đoạn cũ, nạn nhân mới”, *Báo Công an Nhân dân Online*, [<http://cand.com.vn/Phap-luat/Toi-pham-cong-nghe-cao-Thu-doan-cu-nan-nhan-moi-627769/>] (truy cập ngày 23/06/2021).

Định Thế Hưng, Lê Thị Hồng Xuân (2021), “Tội phạm công nghệ cao trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng ở Việt Nam hiện nay”, *Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam*, [<https://vass.gov.vn/nguyen-cuu-khoa-hoc-xa-hoi-va-nhan-van/Toi-pham-cong-nghe-cao-trong-linh-vuc-tai-chinh-h-124>] (truy cập ngày 30/03/2021).

Quang Minh (2020), “Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao chung sức cùng cộng đồng trong phòng, chống dịch bệnh Covid-19”, *Báo Công an Nhân dân Online*, [<http://bocongan.gov.vn/tin-tuc-su-kien/cuc-an-ninh-mang-va-phong-chong-toi-pham-su-dung-cong-nghe-cao-chung-suc-cung-cong-dong-tron-g-phong-chong-dich-benh-covid-19-d17-t27923.html>] (truy cập ngày 23/06/2021).

Nguồn chứng cứ là nơi chứa đựng, cung cấp chứng cứ cho các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng (THTT) để giải quyết đúng đắn VAHS.⁶ Chứng cứ và nguồn của chứng cứ có quan hệ mật thiết với nhau, trong đó chứng cứ là nội dung phản ánh những thông tin về vụ án còn nguồn chứng cứ là hình thức chứa đựng các nội dung bên trong nó.⁷ Từ những khái niệm về DLĐT, PTĐT đã được phân tích ở trên, nhóm tác giả đúc kết khái niệm nguồn chứng cứ là DLĐT có thể được hiểu như sau:

“Nguồn chứng cứ là DLĐT là thông tin được tạo ra, lưu trữ, truyền đi, hoặc nhận được và thu thập bởi PTĐT, mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet, trên đường truyền và các nguồn điện tử khác. Nguồn chứng cứ này được biểu hiện dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc các dạng tương tự khác”.

2. Đặc điểm nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử

So với các nguồn chứng cứ khác, DLĐT mặc dù mang các đặc điểm chung của nguồn chứng cứ nhưng vẫn có những đặc điểm riêng biệt, cụ thể:

Thứ nhất, DLĐT không tồn tại độc lập mà phải thông qua ứng dụng, thiết bị phù hợp để thể hiện thành thông tin nhận biết được dưới dạng nhìn thấy được, đọc được, nghe được.

Với sự phát triển của ngành công nghiệp điện tử, việc sử dụng thiết bị công nghệ số hóa, con chip điện tử ngày càng nhiều. Các phương tiện áp dụng công nghệ này được sử dụng ở hầu hết mọi lĩnh vực trong đời sống như: trong hộ gia đình có các thiết bị điện thoại thông minh, máy tính bảng...; trong văn phòng làm việc có máy tính, camera, máy photocopy, máy scan... Khi các phương tiện này được sử dụng phổ biến hơn, lượng thông tin và dữ liệu được tạo ra, lưu trữ và truy cập ngày càng lớn. Do đó, DLĐT không tồn tại độc lập

⁶ Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2020), *Giáo trình Luật TTHS Việt Nam (tái bản có sửa đổi, bổ sung)*, NXB Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 232.

⁷ Trịnh Tiến Việt (2006), “Về chứng cứ và nguồn chứng cứ quy định tại Điều 64 Bộ luật TTHS năm 2003”, *Tạp chí Nghề luật*, 02/2006, tr. 47.

mà phải thông qua ứng dụng, thiết bị phù hợp để thể hiện thành thông tin nhận biết được dưới dạng nhìn thấy được, đọc được, nghe được.

Khoa học là hệ thống tri thức về bản chất, quy luật tồn tại và phát triển của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; công nghệ là giải pháp, quy trình, bí quyết kỹ thuật có kèm theo hoặc không kèm theo công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm.⁸ Quá trình thu thập chứng cứ phải dựa trên cơ sở khoa học và công nghệ hiện đại, nghĩa là khi thực hiện quá trình này phải tuân thủ theo các nguyên tắc, nguyên lý, bản chất, quy luật và các quy trình chuyên môn hiện đại, cụ thể là chuyên môn về điện tử. Cụ thể sau khi Cơ quan điều tra (CQĐT) thu được các PTĐT chứa DLĐT, các cơ quan này cần biết được cách thức truy cập vào các PTĐT, website, chẳng hạn như thu giữ các thông tin đăng nhập bao gồm có tên đăng nhập (username), tài khoản (account), mật khẩu (password) hay các tài khoản email, bảng mã hóa, khóa mật mã,... để mở khóa điện thoại, máy tính, hay để truy cập vào tài khoản email, tài khoản trên các website hay để xử lý các dữ liệu đã qua mã hóa, nhằm mục đích phục vụ cho công tác lấy dữ liệu. Từng bước thu thập, xử lý yêu cầu phải có các chuyên gia đã có chuyên môn, kinh nghiệm thao tác và cùng với những thiết bị hỗ trợ phù hợp để thu được DLĐT có giá trị chứng minh tốt nhất mà không làm hư hại, thay đổi các phương tiện hoặc các chứng cứ chứa đựng trong đó.

Quá trình xử lý DLĐT từ giai đoạn thu thập đến giai đoạn giám định, bảo quản, kiểm tra, đánh giá được thực hiện dựa trên cơ sở khoa học và công nghệ hiện đại để có thể cung cấp các chứng cứ có giá trị chứng minh và xác thực nhất. Để thực hiện điều này, quá trình xử lý trên cần phải được tiến hành bởi các chuyên gia đã được đào tạo chuyên môn và có các thiết bị, công cụ, công nghệ hỗ trợ thích hợp.

⁸ Khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2013.

Thứ hai, DLĐT đa dạng về hình thức tồn tại, có thể được khởi tạo, thay đổi, xóa, phục hồi, sao chép, mã hóa, che giấu (ẩn) do sự tác động của người sử dụng, hoặc do những nguyên nhân khác như nhiễm virus, hệ điều hành bị hỏng, tác động từ các điều kiện nhiệt độ, độ ẩm, từ trường.

Nguồn chứng cứ là DLĐT đa dạng về hình thức tồn tại. Các loại DLĐT thường gặp trong quá trình điều tra VAHS cùng với các chứng cứ điện tử có thể được tìm thấy trong một số loại thiết bị bao gồm:

+ *Hệ thống máy tính (computer system)*: hệ thống máy tính là một tập hợp các bộ phận bao gồm phần cứng và phần mềm, được thiết kế để nhận, xử lý, quản lý và trình bày thông tin theo một định dạng có ý nghĩa.⁹ Hệ thống máy tính có thể được sử dụng độc lập hoặc có thể được kết nối với mạng. Có nhiều loại hệ thống máy tính như máy tính nhỏ cầm tay, gồm máy tính mini và sổ ghi chép điện tử kết hợp máy tính (PDAs), máy tính cá nhân để bàn (desktop), máy chủ (server), máy tính bảng (tablet),...¹⁰

Các chứng cứ điện tử thường thấy nhất từ hệ thống máy tính bao gồm các tệp được lưu trữ trên ổ cứng và bộ nhớ. Điển hình là các tệp do người dùng tạo ra và tệp mang cơ sở dữ liệu chứa các chứng cứ quan trọng về hoạt động phạm tội như tệp âm thanh, video, tệp hình ảnh, tệp tài liệu, bảng tính hoặc văn bản, tệp email,...; hoặc như các tệp được người dùng bảo vệ bằng cách mã hóa như các tệp nén, tệp ẩn, tệp được bảo vệ bằng mật khẩu, tệp đã được mã hóa...; hoặc một số dạng dữ liệu tệp tin khác như các tệp tin đã bị

⁹ Phần cứng bao gồm các thiết bị máy tính vật lý, cung cấp hỗ trợ cho các chức năng chính như chức năng đầu vào (input), chức năng xử lý như lưu trữ, tính toán và điều khiển (process), chức năng đầu ra (output), chức năng lưu trữ thứ cấp cho dữ liệu và chương trình (secondary storage) và chức năng giao tiếp (communication). Phần cứng thường có thiết bị đầu vào, thiết bị quét, thiết bị trò, đơn vị xử lý trung tâm (CPU).

Phần mềm thường được phân loại thành phần mềm hệ thống và phần mềm ứng dụng.

Nguồn: “The Computer System”, *Peda*, [<https://peda.net/kenya/ass/subjects2/computer-studies/form-1/the-computer-system>] (truy cập ngày 29/05/2021).

¹⁰ Phụ lục 02 Mục 2.1.1 Thông tư số 09/2013/TT-BTTTT ngày 08 tháng 04 năm 2013 về Ban hành danh mục sản phẩm phần mềm và phần cứng, điện tử.

xóa, ngày giờ và mật khẩu máy tính, lịch sử truy cập và tải về từ website, tin nhắn hay thông tin trao đổi qua mạng,...

+ *Điện thoại di động (cellphone), bao gồm điện thoại thông minh (smartphone) và các điện thoại thông thường khác:*

Thuật ngữ “điện thoại thông minh” dùng để chỉ các điện thoại di động có chức năng nâng cao ngoài chức năng gọi điện và gửi tin nhắn văn bản. Hầu hết các điện thoại thông minh đều có chức năng hiển thị ảnh, phát video, nhận và gửi email cũng như lướt các website.¹¹ Đây là thiết bị có mục đích để liên lạc, giải trí, làm việc đang được sử dụng phổ biến nhất.

Ngoài các chức năng nghe, gọi điện và nhắn tin thông thường, điện thoại thông minh còn có khả năng ghi âm, ghi hình, tải tệp tin dữ liệu, lưu trữ thông tin và đa dạng các chức năng khác. Điện thoại thông minh có thể được xem là một nguồn chứng cứ có thể cung cấp nhiều chứng cứ điện tử có giá trị chứng minh như: các dữ liệu, thông tin lấy từ chức năng liên lạc như các cuộc gọi, tin nhắn, danh bạ, hộp thư thoại,...; hoặc các thông tin được lưu trữ như tệp hình ảnh, video, tệp âm thanh, thông tin email, ghi chú,...; hoặc các thông tin khác như lịch sử và thời gian sử dụng ứng dụng, lịch sử trình duyệt website, lịch sử tải về,...

Dù được sử dụng ít phổ biến hơn điện thoại thông minh nhưng các điện thoại thông thường có các tính năng nghe, gọi, nhắn tin văn bản vẫn là một nguồn chứng cứ là DLĐT quan trọng khi các điện thoại này vẫn cung cấp được các chứng cứ có giá trị như các cuộc gọi, tin nhắn, thời gian thực hiện các cuộc gọi và tin nhắn.

+ *Các thiết bị kiểm soát truy cập, bao gồm thẻ thông minh hay thẻ từ (smart card), khóa cứng điện tử (dongle), máy quét sinh trắc học (biometric scanners):* thẻ thông minh hay thẻ từ là một thiết bị cầm tay nhỏ có chứa bộ

¹¹ Từ điển TechTerms, [<https://techterms.com/definition/smartphone>] (truy cập ngày 07/02/2021).

vi xử lý có khả năng lưu trữ giá trị tiền tệ, khóa mã hóa, hoặc các thông tin xác thực như mật khẩu. Khóa cứng điện tử là một thiết bị nhỏ cắm vào cổng máy tính, chứa các loại thông tin tương tự như trên thẻ thông minh. Máy quét sinh trắc học là một thiết bị được kết nối với hệ thống máy tính, để nhận dạng các đặc điểm thể chất của một cá nhân (ví dụ như dấu vân tay, giọng nói, võng mạc,..).¹²

Các thiết bị kiểm soát truy cập này được sử dụng với mục đích là cung cấp quyền kiểm soát truy cập vào máy tính, một chương trình hoặc một chức năng như một công cụ khóa mã hóa. Dữ liệu được thu giữ từ các thiết bị này chẳng hạn như các thông tin nhận dạng, xác thực của thẻ, người dùng, cấp độ truy cập, quyền truy cập thiết bị,... có thể được xem là chứng cứ.

+ *Máy in, máy photocopy, máy scan, máy fax:*

Máy in (printer) là một thiết bị đầu ra dùng để in tài liệu ra giấy, bao gồm tài liệu như văn bản, hình ảnh hoặc kết hợp cả hai. Để tài liệu có thể được in ra, DLĐT phải được gửi từ máy tính đến máy in. Bản in được tạo ra bởi máy in thường được gọi là bản cứng, là phiên bản vật lý của tài liệu điện tử.¹³

Máy photocopy (photocopier/photocopy machine) là một thiết bị tạo ra các bản sao giấy của tài liệu văn bản hoặc các hình ảnh trực quan khác.¹⁴

Máy scan (hay còn gọi là máy quét ảnh, máy quét) (scanner) là một thiết bị đầu vào để quét các tài liệu như hình ảnh và các trang văn bản. Khi một tài liệu được quét, nó sẽ được chuyển đổi thành định dạng kỹ thuật số. Từ đó tạo ra một phiên bản điện tử của tài liệu có thể được xem và chỉnh sửa trên máy tính.¹⁵

Máy fax (fax machine) là một thiết bị được sử dụng để gửi và nhận tài liệu điện tử qua mạng điện thoại. Quá trình truyền tài liệu điện tử được gọi là

¹² National Institute of Justice (2001), “Electronic Crime Scene Investigation: A First Guide for First Responders (1st edition)”, tr. 12–13.

¹³ *Từ điển TechTerms*, [<https://techterms.com/definition/printer>] (truy cập ngày 10/02/2021).

¹⁴ *Từ điển ComputerHope*, [<https://www.computerhope.com/jargon/p/photocopier.htm>] (truy cập ngày 10/02/2021).

¹⁵ *Từ điển TechTerms*, [<https://techterms.com/definition/scanner>] (truy cập ngày 10/02/2021).

“fax” và có thể được thực hiện giữa hai máy fax, hoặc giữa máy fax và máy tính, hoặc giữa các dịch vụ fax trực tuyến được trang bị để gửi và nhận fax.¹⁶

Các chứng cứ điện tử có thể được khai thác từ các thiết bị trên sẽ bao gồm: ổ cứng, nhận dạng mạng, hộp mực, hình ảnh, dấu ngày tháng, nhật ký sử dụng của người dùng, hình ảnh, tài liệu được in ấn, sao chép, quét, fax và thời gian thực hiện thao tác trên thiết bị;... hoặc bản thân của thiết bị có thể là chứng cứ khi nó được dùng để sao chép, in ấn, quét, fax những tài liệu liên quan đến hoạt động phạm tội (ví dụ như các tội liên quan đến làm giả, đánh cắp giấy tờ, danh tính).

+ *Camera quan sát*: Camera quan sát hay camera giám sát, camera an ninh (Closed-circuit television - CCTV) là việc sử dụng các máy quay video để truyền tín hiệu đến một nơi cụ thể, trên một số màn hình giới hạn.¹⁷ Camera quan sát có thể ghi hình lại và lưu trữ các loại thông tin có giá trị làm chứng cứ để chứng minh như video, hình ảnh, âm thanh, thông tin về thời gian và địa điểm.

+ *Hệ thống định vị toàn cầu (Global Positioning System – GPS)*: GPS là một hệ thống định vị vệ tinh dùng để xác định vị trí trên mặt đất của một vật thể. Ngày nay, máy thu GPS được đưa vào nhiều sản phẩm thương mại, chẳng hạn như ô tô, điện thoại thông minh, đồng hồ tập thể dục và thiết bị GIS (Hệ thống thông tin địa lý).¹⁸ Từ GPS, CQĐT có thể thu thập các chứng cứ liên quan đến tuyến đường, tọa độ, các điểm đến trước đây và nhật ký hành trình của người dùng.

Nguồn chứng cứ là DLĐT còn có thể tồn tại ở nhiều dạng khác bên cạnh các dạng phổ biến trên. Mỗi phương tiện, thiết bị sẽ có các công dụng và đặc tính khác nhau, do đó, khi thu thập, xử lý chứng cứ từ các nguồn chứng cứ là

¹⁶ “What is a Fax Machine?”, *Fax Authority*, [<https://faxauthority.com/glossary/fax-machine/>] (truy cập ngày 10/02/2021).

¹⁷ Ở dạng đơn giản nhất, hệ thống truyền hình mạch kín (CCTV) sẽ bao gồm một máy quay video, một màn hình và một đầu ghi hình. Với các hệ thống phức tạp hơn, hệ thống đa màn hình cho phép các video được xem tuần tự, xem đồng thời hoặc xem trên nhiều màn hình cùng một lúc, tùy thuộc vào hệ thống. Hệ thống camera quan sát có thể ghi hình đen trắng hoặc màu, và vị trí camera có thể cố định hoặc thay đổi bằng điều khiển từ xa để tập trung vào hình ảnh ở các vị trí khác nhau. Ống kính zoom cho phép quan sát rộng rãi khu vực được giám sát hoặc các ảnh cận cảnh được chọn.

Nguồn: National Institute of Justice (2003), “CCTV: Constant Cameras Track Violators”, *NIJ Journal*, (249), tr. 17.

¹⁸ *Từ điển TechTerms*, [<https://techterms.com/definition/gps>] (truy cập ngày 14/02/2021).

DLĐT cần lưu ý đặc trưng của từng loại phương tiện, thiết bị để có cách thức xử lý phù hợp.

Một điểm khác cần lưu ý đối với loại nguồn chứng cứ là DLĐT có thể được khởi tạo, thay đổi, xóa, phục hồi, sao chép, mã hóa, che giấu (ẩn) do sự tác động của người sử dụng, hoặc do những nguyên nhân khác như nhiễm virus, hệ điều hành bị hỏng, tác động từ các điều kiện nhiệt độ, độ ẩm, từ trường và chứng cứ điện tử là thời gian tồn tại của chứng cứ sẽ bị giới hạn, bị phụ thuộc vào các thiết bị và phần mềm lưu trữ chứa đựng nó: chẳng hạn như Recycle Bin¹⁹ của máy tính khi đạt đến giới hạn tối đa, nó sẽ tự động xóa các tệp cũ nhất trong đó; hoặc các thông tin trong đĩa CD sẽ bị mất đi nếu đĩa CD bị hư hại đến một mức độ nhất định;... Do đó, sự cẩn trọng và hiểu biết về đặc điểm của từng loại nguồn chứng cứ là DLĐT sẽ giúp giảm thiểu tối đa các thiệt hại cho chứng cứ trong quá trình xử lý chúng.

DLĐT ngày càng phổ biến, dễ sử dụng, truy cập và do đó cũng dễ bị tác động bởi những yếu tố khách quan, chủ quan. Điều này đặt ra một thách thức lớn cho cơ quan có thẩm quyền THPT trong việc thu thập, xử lý nguồn chứng cứ là DLĐT để sử dụng và mang lại giá trị chứng minh cao nhất. Khi xét đến các tác nhân khách quan, có thể kể đến các rủi ro như: sự ảnh hưởng bởi yếu tố nhiệt độ của môi trường lên phần cứng, dung lượng bộ nhớ thay đổi do bị biến dạng, tác nhân nam châm gây hư hại, thiết bị hết pin,... Khi xét đến các tác nhân chủ quan, không thể không kể đến việc sao chép, lưu trữ, truyền tải DLĐT,... đều được thực hiện bởi cơ quan THPT. Do vậy, trong quá trình khai thác nguồn chứng cứ này, cần phải đảm bảo các chủ thể có quyền truy cập không xoá, thay đổi hay huỷ hoại nội dung dữ liệu. Vì vậy, pháp luật TTHS càng cần thiết phải có những cơ chế để điều chỉnh quá trình xử lý nguồn chứng cứ này một cách phù hợp nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.

¹⁹ Khi xóa một tệp hoặc thư mục trong Windows trên máy tính, tệp hoặc thư mục đó sẽ được di chuyển đến Recycle Bin (Thùng rác) và sẽ được lưu trữ tạm thời trong Recycle Bin trước khi bị xóa vĩnh viễn.
Nguồn: *Từ điển TechTerms*, [<https://techterms.com/definition/recyclebin>] (truy cập ngày 06/02/2021).

Ngoài các đặc điểm trên, một điểm lưu ý về nguồn chứng cứ là DLĐT là khi thu thập, xử lý chúng cần phải chú ý đến quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của cá nhân.²⁰ Các phương tiện, thiết bị là nguồn chứng cứ là DLĐT có thể là các thiết bị được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày của chủ sở hữu và có thể chứa nhiều thông tin cá nhân, riêng tư của họ. Nếu các thông tin này không có mục đích phục vụ cho công tác điều tra, xét xử VAHS thì họ có quyền được bảo vệ, quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín đối với các thông tin này. Làm thế nào để đặt ra giới hạn cho việc thu thập, xử lý nguồn chứng cứ là DLĐT mà không xâm phạm đến những quyền lợi của chủ sở hữu là một câu hỏi nan giải cần được pháp luật làm rõ.

Thứ ba, DLĐT có thể truyền từ PTĐT này sang PTĐT khác bằng các hình thức kết nối khác nhau;

Dữ liệu điện tử là thông tin được tạo ra, gửi đi, nhận hoặc lưu trữ bằng phương tiện điện tử. Nó có thể tồn tại dưới dạng văn bản, hình ảnh, âm thanh, video, mã lệnh, tín hiệu,... và có thể được xử lý bằng hệ thống điện tử, vì vậy DLĐT dễ sao chép, truyền dẫn, chỉnh sửa và phụ thuộc vào phương tiện và định dạng để tồn tại và thể hiện. DLĐT có thể truyền từ PTĐT này sang PTĐT khác bằng các phương pháp như: bằng cáp USB, cáp mạng, dạng không dây như dây: Wi-Fi, Bluetooth, truyền qua mạng: mạng LAN, Internet, mạng viễn thông di động (3G, 4G, 5G) hoặc thông qua đám mây: lưu trữ và chia sẻ dữ liệu qua các nền tảng như Google Drive, Dropbox...

Việc nghiên cứu đặc điểm này giúp các chủ thể có thẩm quyền có biện pháp thu thập DLĐT phù hợp và phục vụ cho việc kiểm tra, đánh giá và sử dụng nguồn chứng cứ là DLĐT.

²⁰ Điều 12 Bộ luật TTHS 2015.

3. Vai trò của nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử trong giải quyết vụ án hình sự

Với sự phát triển không ngừng của công nghệ thông tin, việc thu thập, lưu trữ và sử dụng dữ liệu điện tử đã trở thành một trong những phương tiện chính để xác định sự thật, hỗ trợ trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Vai trò này thể hiện:

- Chứng cứ thu thập từ nguồn DLĐT thường rõ ràng và chính xác: Dữ liệu điện tử, khi được khởi tạo, lưu trữ và truyền gửi một cách chính xác, mang tính chất không thể thay đổi, ghi nhận lại các sự kiện thật sự diễn ra. Điều này giúp cung cấp chứng cứ rõ ràng và chính xác về các sự kiện, giao dịch hoặc hành vi có liên quan trong quá trình tố tụng, ví dụ như hành vi chiếm đoạt tài sản qua mạng, đánh bạc trực tuyến.. thì DLĐT là chứng cứ gần như duy nhất để phát hiện, điều tra và truy tố.

- Việc thu thập chứng cứ từ DLĐT sẽ giúp cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng xác định nguồn gốc và chủ thể đã tạo ra DLĐT: Dữ liệu điện tử thường được định danh về nguồn gốc và tác giả. Việc này giúp xác định tính xác thực và đáng tin cậy của chứng cứ, ngăn chặn việc giả mạo thông tin hay sử dụng chứng cứ không đáng tin cậy.

- Nguồn chứng cứ là DLĐT giúp chủ thể có thẩm quyền tiến hành tố tụng có căn cứ để củng cố, xác minh chứng cứ khác như kiểm tra độ chính xác của lời khai, biên bản hỏi cung hoặc kết luận giám định...Ngoài ra, DLĐT còn hỗ trợ tìm kiếm và phân tích thông tin và phân tích các chứng cứ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

- Giảm thiểu sự mất mát thông tin: So với các nguồn chứng cứ khác như lời khai, vật chứng, kết luận giám định...thì dữ liệu điện tử có tính bền vững và ít bị mất mát. Điều này giúp đảm bảo sự tồn tại của chứng cứ quan trọng trong suốt quá trình tố tụng.

Tóm lại, dữ liệu điện tử đóng vai trò không thể thiếu trong việc thu thập chứng cứ trong các hoạt động pháp lý và tố tụng. Nó mang lại tính chính xác, minh bạch và công bằng trong quá trình xác định sự thật, hỗ trợ quyết định pháp lý đáng tin cậy.

4. Phân loại nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử

Phân loại nguồn chứng cứ là DLĐT là sự phân chia các nguồn của chứng cứ là DLĐT thành những nhóm khác nhau dựa trên các tiêu chí khác nhau nhằm xác định đặc điểm và giá trị chứng minh của chứng cứ là DLĐT đối với từng loại nguồn nhằm phục vụ cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử VAHS.

Việc phân loại nguồn chứng cứ là DLĐT sẽ giúp các cơ quan có thẩm quyền THPT có những biện pháp phù hợp để thu giữ nguồn chứng cứ này một cách nhanh chóng và đầy đủ. Tuy nhiên, pháp luật về TTHS nước ta vẫn chưa có quy định nào trực tiếp điều chỉnh vấn đề này. Vì vậy, nhóm tác giả đã phân loại các nguồn chứng cứ là DLĐT theo một số tiêu chí dưới đây.

- Dựa vào hình thức tồn tại của nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử

Theo tiêu chí này thì nguồn chứng cứ là DLĐT được phân thành hai loại: nguồn chứng cứ là DLĐT mà dữ liệu gốc được biểu hiện dưới dạng có thể nhận thức bằng phương pháp cảm quan và nguồn chứng cứ là DLĐT đã được phục hồi, phân tích, chuyển hóa.

Nguồn chứng cứ là DLĐT được biểu hiện dưới dạng DLĐT gốc có thể nhận thức bằng phương pháp cảm quan là loại nguồn DLĐT mà con người có thể hiểu được hoặc tiếp xúc được bằng cách sử dụng các giác quan của cơ thể. Đây là loại nguồn có thể nhận thức được bằng thị giác thông qua việc đọc các chữ số, chữ viết, ký hiệu, hoặc nhìn thấy thông qua hình ảnh (email, tệp tài liệu, tin nhắn trên ứng dụng mạng máy tính, tệp hình ảnh trong máy ảnh,...); hoặc bằng thính giác thông qua việc nghe được âm thanh (ghi âm cuộc gọi, ghi âm cuộc nói chuyện, video có âm thanh...).

Loại nguồn chứng cứ là DLĐT này là loại nguồn mà trong quá trình phát hiện, thu thập, thường không gây quá nhiều khó khăn cho Cơ quan có thẩm quyền THPT bởi tính xác định và hữu hình của chúng. Chúng thường được gọi là nguồn chứng cứ truyền thống trong TTHS. Vì sự tiện lợi và phổ biến của các thiết bị điện tử, mạng máy tính, mạng viễn thông,... con người đang có xu hướng sử dụng các PTĐT cùng các tiện ích mà nó tạo ra cho những mục đích khác nhau ngày càng nhiều. Đây là thuận lợi và cũng là khó khăn đối với các Cơ quan có thẩm quyền THPT trong việc xác định cách thức thu thập một cách đầy đủ các nguồn DLĐT để sử dụng và cách thức để xác định tính liên quan, tính khách quan của chúng đối với VAHS.

Nguồn chứng cứ là DLĐT đã được phục hồi, phân tích, chuyển hóa là loại nguồn chứng cứ là DLĐT đã được Cơ quan có thẩm quyền THPT khôi phục lại trạng thái hoạt động từ những dữ liệu đã bị xóa, bị ghi đè; hoặc đã được chuyển từ dạng dữ liệu ẩn, đã mã hóa sang dạng có thể đọc, nghe, thấy và hiểu được.

Các tội phạm sử dụng công nghệ cao thường am hiểu về lĩnh vực này và sẵn sàng dùng nhiều thủ đoạn để xóa dấu vết bằng nhiều cách khác nhau. Điều này đã khiến cho việc phát hiện, thu thập nguồn chứng cứ là DLĐT trở nên vô cùng khó khăn. Tuy nhiên, để những DLĐT thu thập được có thể dùng làm chứng cứ tại Tòa, các cơ quan THPT còn phải thực hiện các hoạt động tìm kiếm, phục hồi, phân tích và chuyển hóa chúng sang dạng có thể đọc được, nghe được, hiểu được, thấy được.

Những DLĐT này không phải lúc nào cũng có thể dễ dàng được nhận thấy bằng các giác quan thông thường. Đặc biệt là đối với các vụ án về tội phạm công nghệ cao mang tính chất phức tạp, nơi mà các chủ thể phạm tội đều là những người có trình độ am hiểu cao về khoa học kỹ thuật cũng như nhận thức rõ về pháp luật. Việc tìm ra cũng như sử dụng có hiệu quả loại nguồn chứng cứ là DLĐT này sẽ trở thành mấu chốt để gỡ được nút thắt cho các VAHS.

- Dựa vào nguồn gốc khởi tạo chứng cứ là dữ liệu điện tử

Theo tiêu chí này thì nguồn chứng cứ là DLĐT được phân thành hai loại: nguồn chứng cứ là DLĐT do người sử dụng tạo ra và DLĐT do máy tính tự động tạo ra.

*Nguồn chứng cứ là DLĐT do người sử dụng tạo ra là những tài liệu, dữ liệu được tạo ra bởi hành vi của con người và được lưu lại trong bộ nhớ điện tử, điển hình như văn bản, bảng biểu, hình ảnh số, thư điện tử, thông tin người sử dụng dịch vụ, nội dung các cuộc trò chuyện trên mạng, những phản ánh của khách hàng,...*²¹

DLĐT do người sử dụng tạo ra có mức độ rất đa dạng từ những loại đơn giản như văn bản, bảng biểu, thư điện tử,... cho đến những loại có tính chất phức tạp như dữ liệu mã hóa, mã độc, công cụ hack,... Tuy nhiên, chúng có đặc điểm chung là thường thể hiện trực tiếp ý chí của người tạo ra chúng. Do đó, những chứng cứ điện tử do người sử dụng tạo ra có khả năng cao sẽ trở thành chứng cứ trực tiếp trong VAHS, cung cấp những nguồn tin quan trọng và cơ bản nhất của hành vi phạm tội, phục vụ cho việc làm rõ những yếu tố cấu thành tội phạm.²² Mặt khác, không phải DLĐT nào do con người tạo ra đều thể hiện được ý chí trực tiếp của người đó. Rất có thể những DLĐT đó đã được ngụy tạo, làm giả nhằm che mắt và chuyển hướng giải quyết của Cơ quan có thẩm quyền THPT, khiến cho việc xác định sự thật của vụ án trở nên gian nan hơn. Điều này dẫn đến việc có thể làm mất đi tính khách quan của chứng cứ và chúng sẽ không còn giá trị chứng minh và có thể dẫn đến việc DLĐT này không được coi là chứng cứ hợp pháp trong các VAHS. Khi tiếp cận với nguồn chứng cứ là DLĐT do người phạm tội tạo ra, các Cơ quan có thẩm quyền THPT cần đề cao cảnh giác, không nên xem thường tội phạm, tránh bị đánh lừa bởi những chứng cứ ngụy tạo.

²¹ Nguyễn Thanh Thủy (2017), “Kinh nghiệm thu giữ, khai thác chứng cứ điện tử”, *Tạp chí Kiểm sát*, 21/2017, tr. 10-17.

²² Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2020), chú dẫn số 12, tr. 226.

Nguồn chứng cứ là DLĐT do máy tính tự động tạo ra là nguồn chứng cứ là DLĐT được tạo ra sau khi chương trình máy tính xử lý các dữ liệu đầu vào theo một thuật toán đã được xác định. Ví dụ như nhật ký truyền tệp tin trong máy tính (FTP transfer logs), nhật ký giao thức mạng từ các nhà cung cấp Internet (IP logs from ISPs), nhật ký hệ điều hành/các tệp tin registry (Operating System Logs/Registry Files), các bản ghi định vị (GPS records), các bản ghi và nhật ký trang thư điện tử (Web mail IP logs and records);...

Nguồn chứng cứ là DLĐT do máy tính tự động tạo ra thường không trực tiếp thể hiện ý chí của con người như loại DLĐT do chính người sử dụng tạo ra. Tuy nhiên, đây là những thông tin rất có ích cho Cơ quan THTT trong việc giải quyết vụ án bởi chúng thể hiện tính khách quan cao do có sự hạn chế về tác động của con người. Đây cũng là nơi có thể tìm thấy những dấu vết nhỏ nhất của tội phạm vì không dễ để người phạm tội có thể xóa hết tất cả dấu vết được ghi nhớ tự động trong các thiết bị điện tử, hệ thống mạng máy tính. Ví dụ như ta có thể tìm thấy được các thông tin liên quan đến tình tiết vụ án thông qua các địa chỉ web đã truy cập URL²³ được ghi nhớ trong máy tính của nghi can; hay các thông tin của người dùng được lưu trên Cookies của máy tính cũng có thể sử dụng làm chứng cứ để xác định người bị tình nghi trong vụ án; hay nhật ký di chuyển của nghi can thông qua các bản ghi định vị (GPS records);...

Bên cạnh đó, các nguồn chứng cứ là DLĐT cũng có thể được tạo nên bởi cả con người và máy tính, như nội dung một bức thư điện tử với tiêu đề do máy tính đặt tự động. Đây là một điểm mà các Cơ quan THTT cần lưu ý trong quá trình thu thập, bảo quản, giám định, kiểm tra, đánh giá DLĐT, tránh việc xác định sai nguồn khởi tạo của DLĐT, dẫn đến việc đánh giá sai giá trị của chứng cứ.

- Dựa vào cách thức thu thập nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử

²³ URL (Uniform Resource Locator); nghĩa tiếng Việt là định vị tài nguyên thống nhất, hay còn gọi thông thường là địa chỉ websites.

Theo tiêu chí này thì nguồn chứng cứ là DLĐT được phân thành hai loại: nguồn chứng cứ là DLĐT được thu thập trực tiếp và nguồn chứng cứ là DLĐT được thu thập sau khi sao chép DLĐT vào PTĐT khác.

Nguồn chứng cứ là DLĐT được thu thập trực tiếp là loại nguồn chứng cứ được Cơ quan có thẩm quyền THPT thực hiện việc thu thập thông qua thu giữ, tạm giữ, bảo quản vật chứng chứa DLĐT gốc như ổ cứng máy tính, bộ nhớ trong của điện thoại di động, máy ảnh, máy ghi hình, máy fax, máy ghi âm, máy đọc thẻ, thẻ từ, thẻ chip, thẻ nhớ, USB, đĩa CD, VCD, DVD và các loại PTĐT khác.

Với tính chất đặc thù, DLĐT là thông tin chứa trong PTĐT nên để thu thập DLĐT phải thông qua PTĐT. Ví dụ, đối với các vụ án kinh tế, các vụ án sử dụng công nghệ cao, PTĐT cần thu giữ là hệ thống máy tính có liên quan đến hành vi phạm tội; đối với các vụ án xâm phạm trật tự xã hội là các thiết bị như điện thoại, thông tin tài khoản mạng xã hội, mạng viễn thông (thu giữ điện tín), camera an ninh xung quanh hiện trường, hệ thống camera hành trình được lắp đặt trên phương tiện tham gia giao thông,... Bằng cách thu giữ PTĐT chứa các chứng cứ là DLĐT, Cơ quan có thẩm quyền THPT còn có thể xác định được nguồn gốc của DLĐT.

Nguồn chứng cứ là DLĐT được thu thập sau khi sao chép DLĐT vào PTĐT khác là loại nguồn chứng cứ là DLĐT mà không thể thực hiện thu giữ trực tiếp PTĐT chứa đựng DLĐT, mà phải tiến hành sao chép DLĐT sang một PTĐT khác rồi mới thu giữ PTĐT đó.

Có một vài nguyên nhân khiến cho việc thu giữ PTĐT có chứa DLĐT trở nên khá khó khăn với các Cơ quan THPT. Ví dụ như PTĐT công kênh, quy trình tháo gỡ phức tạp, chủ sở hữu PTĐT không phải là người tham gia tố tụng trong VAHS,... Trong tình huống này, các Cơ quan THPT sẽ lựa chọn sao lưu DLĐT để thuận lợi hơn cho quá trình thu thập nguồn chứng cứ là DLĐT. Bên cạnh đó, cũng có những nguyên nhân khiến cho việc thu giữ PTĐT chứa DLĐT gần như là không thể. Một ví dụ điển hình là việc thông tin lưu trên bộ nhớ khả

biến RAM trên máy tính chỉ là tạm thời, sẽ mất đi khi không còn nguồn điện cung cấp.²⁴ Do đó, nếu muốn thu thập chúng, cần phải sao chép ngay dữ liệu vào PTĐT khác trước khi máy tính tắt nguồn.

5. Điều kiện đảm bảo giá trị chứng minh của dữ liệu điện tử

Cũng như các loại nguồn chứng cứ khác, không phải thông tin, tình tiết nào chứa đựng trong nguồn chứng cứ là DLĐT đều được xem là chứng cứ và có giá trị chứng minh trong VAHS. Theo Điều 86 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) 2015, những thông tin, tình tiết lấy từ nguồn chứng cứ này phải có đủ ba thuộc tính bao gồm tính khách quan, tính liên quan và tính hợp pháp để có thể được công nhận là chứng cứ:

- Tính khách quan của chứng cứ thể hiện ở việc chúng phải chứa những thông tin có thật và tồn tại một cách khách quan. Chứng cứ là DLĐT thể hiện tính khách quan khi chúng có nguồn gốc rõ ràng như được tìm thấy và đang lưu trên máy tính, điện thoại di động, USB, email, tài khoản trên mạng, trên máy chủ của dịch vụ Internet,...; và phản ánh một cách trung thực những khía cạnh, những diễn biến cụ thể của tội phạm. Chứng cứ là DLĐT không thể bị ngụy tạo, làm giả, làm sai lệch hoặc biến dạng bằng các hành vi như xóa, thay đổi, chỉnh sửa, ghi đè,... bởi ý chí chủ quan của con người.

- Tính liên quan của chứng cứ thể hiện ở việc chúng phải xác định được một hoặc một số vấn đề thuộc về đối tượng chứng minh của vụ án. Nghĩa là chứng cứ là DLĐT đã thu thập được phải có liên quan với các chứng cứ khác trong vụ án, có giá trị chứng minh gián tiếp hoặc trực tiếp, ít hoặc nhiều về hành vi phạm tội đã xảy ra, người đã thực hiện hành vi phạm tội đó cũng như các tình tiết giúp cho việc giải quyết đúng đắn vụ án. Có nhiều khía cạnh của DLĐT có thể chứng minh được tính liên quan của chứng cứ là DLĐT, như nguyên lý, công nghệ hình thành dấu vết điện tử, thông tin về không gian, thời

²⁴ Nguyễn Thanh Thủy (2017), chú dẫn số 28, tr. 10–17.

gian hình thành dữ liệu (logfile, IP, siêu dữ liệu, hàm hash), địa chỉ lưu trữ, nội dung thông tin (nguồn gốc và nội dung thư điện tử, chat, tin nhắn, công nghệ tấn công, nạn nhân, thiệt hại...), cookies truy cập,...

- Tính hợp pháp của chứng cứ thể hiện ở việc chúng phải được thu thập theo đúng quy định của pháp luật, bằng các cách thức được pháp luật công nhận, bao gồm các quy định về căn cứ, thẩm quyền, thời hạn thu thập. Quá trình từ khám nghiệm hiện trường, khám xét, thu giữ vật chứng, sao lưu điện tử, chặn thu trên mạng, bảo quản, phục hồi, phân tích, tìm kiếm và giám định DLĐT đều phải được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật. Khi sử dụng nguồn chứng cứ là DLĐT phải kiểm tra tính hợp pháp của biện pháp thu thập. Chứng cứ là DLĐT được thu thập, bảo quản, giám định, kiểm tra, đánh giá một cách hợp pháp sẽ có tính xác thực và độ tin cậy cao.

Nếu biên bản khám xét, niêm phong, ghi lời khai, bản tường trình đối với những thông tin, tình tiết là DLĐT thể hiện được đầy đủ ba thuộc tính của chứng cứ thì chúng mới có thể trở thành chứng cứ hợp pháp trong VAHS. Để DLĐT thu thập được thỏa mãn được các điều kiện trên, Cơ quan THTT cần phải xem xét về nguồn gốc của DLĐT và người sở hữu, người sử dụng chúng.

Khoản 3 Điều 99 BLTTHS 2015 quy định giá trị chứng cứ của DLĐT đối với một VAHS được xác định căn cứ vào ba yếu tố: cách thức khởi tạo, lưu trữ hoặc truyền gửi DLĐT; cách thức bảo đảm và duy trì tính toàn vẹn của DLĐT; cách thức xác định người khởi tạo và các yếu tố phù hợp khác. Khoản 2 Điều 14 Luật GDĐT 2005 cũng quy định cách thức xác định giá trị chứng cứ của thông điệp dữ liệu tương tự như quy định tại khoản 3 Điều 99 BLTTHS 2015. Quy định trên là hợp lý bởi tính chất của DLĐT là dễ dàng bị xóa, chỉnh sửa, thay đổi khi mở, kiểm tra, lưu thông không đúng cách, dễ bị nhiễm vi-rút, bị mã hóa khi truyền qua mạng, do đó cần có một quy định riêng để xác định một cách đúng đắn mức độ xác thực và đáng tin cậy của chúng nhằm xem xét sử dụng một cách phù hợp cho việc chứng minh các tình tiết của vụ án. Trong đó:

- Khi xác định cách thức khởi tạo, lưu trữ hoặc truyền gửi phải xét xem chủ thể thực hiện là con người hay máy tính tự động tạo ra; có sử dụng biện pháp nào giúp phát hiện những thay đổi phát sinh sau khi được khởi tạo hay không; có được lưu trữ trên các thiết bị có chức năng ghi nhớ thông tin hoặc lưu trữ trực tiếp hay không; lịch sử truyền gửi có được ghi nhớ trong thiết bị có bộ nhớ hoặc phần mềm hỗ trợ lưu trữ không;... Điều này giúp cho việc xác định xem nguồn gốc của DLĐT có rõ ràng hay không, độ tin cậy là bao nhiêu, DLĐT có bị ngụy tạo, làm giả, bị thay đổi, sửa chữa, bị ghi đè hoặc có thể được phục hồi hay không. Nói cách khác, cách thức khởi tạo, lưu trữ và truyền gửi DLĐT có ảnh hưởng tới việc chứng minh tính xác thực, tính khách quan, tính liên quan của DLĐT.

- Khi xác định cách thức bảo đảm và duy trì tính toàn vẹn, cần xét xem có tổ chức, cá nhân, phần mềm trung gian nào có chuyên môn cao giúp đảm bảo DLĐT được lưu trữ và truyền gửi một cách an toàn hay không; phần mềm hỗ trợ có cho phép sửa chữa, thay đổi DLĐT sau khi được lưu trữ, truyền gửi không;... Ngoài ra, khi thực hiện các biện pháp điều tra như thu giữ, chặn thu, sao chép, phục hồi, giải mã, phân tích, tìm kiếm, Cơ quan có thẩm quyền THPT không được làm thay đổi dữ liệu gốc; cơ quan giám định, chuyên gia sao chép, phục hồi, tìm kiếm chứng cứ phải có đủ chứng chỉ giám định số, thực hiện đúng quy định pháp luật, đảm bảo đúng quy trình giám định. Nếu DLĐT hoàn toàn được bảo đảm và duy trì tính toàn vẹn so với lúc khởi tạo thì tính xác thực, tính khách quan, tính nguyên trạng cũng như giá trị dùng để chứng minh tại Tòa sẽ cao hơn.

- Xem xét cách thức xác định người khởi tạo là việc tìm ra ai là người khởi tạo DLĐT, người đó có liên quan gì đến tội phạm; cách thức khởi tạo có cho phép xác định nguồn gốc khởi tạo không;... Cách thức xác định người khởi tạo cung cấp những thông tin cần thiết để chứng minh tính liên quan của DLĐT đối với VAHS, đồng thời góp phần làm rõ hơn nguồn gốc của DLĐT.

Như vậy, việc xác định các yếu tố như trên là các cơ sở quan trọng để Cơ quan có thẩm quyền THTT đánh giá tính khách quan, tính liên quan, tính nguyên trạng, tính toàn vẹn và tính có thể được kiểm chứng cũng như nhằm đảm bảo được tính hợp pháp của chứng cứ là DLĐT. Mặt khác, cũng như các loại nguồn chứng cứ truyền thống khác, mức độ giá trị chứng minh của chứng cứ là DLĐT là do Cơ quan THTT đánh giá, quyết định trong từng trường hợp cụ thể. Vấn đề này sẽ được phân tích ở phần sau về kiểm tra, đánh giá nguồn chứng cứ là DLĐT.

6. Cơ sở quy định về nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử

- Thứ nhất, về mặt thực tiễn

Trong thời đại CNTT và truyền thông phát triển như hiện nay, không một cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp nào có thể tách rời được máy tính và mạng máy tính. Chính vì vậy, hoạt động phạm tội của các đối tượng sử dụng công nghệ cao ngày càng phổ biến, thủ đoạn phạm tội của chúng ngày càng tinh vi. Do đó, việc công nhận chứng cứ từ DLĐT là một bước tiến trong TTHS ở nước ta bởi các bước điều tra để chứng minh quá trình phạm tội ngày càng phụ thuộc lớn vào chứng cứ điện tử. Trên lĩnh vực an ninh quốc gia, các thế lực thù địch đã không ngừng tập trung lợi dụng CNTT, mạng viễn thông để xuyên tạc, vu khống chống phá Nhà nước. Trên lĩnh vực trật tự, an toàn xã hội, tình hình an ninh mạng Việt Nam diễn biến phức tạp, nhiều vụ tấn công, phá hoại, lây nhiễm virus, phần mềm gián điệp, mã tin học độc hại nhằm vào hệ thống mạng của cơ quan nhà nước và tư nhân với mức độ, tính chất ngày càng nghiêm trọng; tình hình lừa đảo trong lĩnh vực thương mại điện tử và thanh toán điện tử gia tăng, làm rối loạn hoạt động của hệ thống thông tin điện tử. Trong hầu hết các vụ tấn công này, thủ phạm chỉ để lại rất ít dấu vết và dấu vết này ở dạng DLĐT như: logfile, IP, mã độc, domain điều khiển, thời gian, không gian mạng, header và nội dung email, nickname và nội dung chat, công cụ tấn công, thông tin trao đổi của tội phạm...

Thời gian qua, những DLĐT được thu thập được qua các vụ tấn công của tội phạm sử dụng CNTT, mạng viễn thông như đã nêu thường được sử dụng có hiệu quả trong công tác trinh sát, điều tra, truy tố và xét xử tội phạm dưới nhiều hình thức khác nhau, được chuyển hóa làm chứng cứ có giá trị chứng minh về tội phạm. Loại nguồn chứng cứ này gián tiếp phục vụ chứng minh tội phạm có hiệu quả, thậm chí trong nhiều vụ án chỉ thu được thông tin trong DLĐT làm chứng cứ và trong nhiều trường hợp, loại nguồn chứng cứ này có ý nghĩa quyết định đến thành công của hoạt động TTHS.

- Thứ hai, dưới góc độ lý luận

Bộ luật TTHS năm 2003 không quy định DLĐT là nguồn chứng cứ, trong khi đó, Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) lại có nhiều quy định về các tội danh trong lĩnh vực CNTT và viễn thông như: “Tội truy cập bất hợp pháp vào mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet” (Điều 226a); “Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” (Điều 226b), nên thực tiễn đã gây khó khăn trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ để giải quyết vụ việc. Trên cơ sở quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999, Thông tư liên tịch số 10/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BTTTT VKSNDTCTANDTC ngày 10/9/2012 hướng dẫn áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự về một số tội phạm trong lĩnh vực CNTT và truyền thông, trong đó quy định về trình tự, thủ tục thu thập DLĐT, chuyển hóa DLĐT thành chứng cứ, đồng thời khẳng định: “DLĐT là thông tin chứa trong PTĐT. DLĐT có thể coi là chứng cứ...”. Theo Thông tư liên tịch này thì DLĐT thu được trên mạng máy tính, internet... được coi là nguồn chứng cứ (chứng cứ điện tử). Đến Bộ luật Hình sự năm 2015 nhóm tội phạm CNTT, mạng viễn thông đã tiếp tục được sửa đổi và bổ sung thành 10 điều:

+ Tội sản xuất, mua bán, trao đổi hoặc tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng vào mục đích trái pháp luật (Điều 285);

- + Tội phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, PTĐT (Điều 286);
- + Tội cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, PTĐT (Điều 287);
- + Tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông (Điều 288);
- + Tội xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc PTĐT của người khác (Điều 289);
- + Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, PTĐT thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản (Điều 290);
- + Tội thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng (Điều 291);
- + Tội cung cấp dịch vụ trái phép trên mạng máy tính, mạng viễn thông (Điều 292);
- + Tội sử dụng trái phép tần số vô tuyến điện dành riêng cho mục đích cấp cứu, an toàn, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, quốc phòng, an ninh (Điều 293);
- + Tội cố ý gây nhiễu có hại (Điều 294).

Việc sửa đổi, bổ sung những quy định về tội phạm CNTT, mạng viễn thông trong Bộ luật Hình sự năm 2015 là những cố gắng của các cơ quan lập pháp nhằm tạo ra hành lang pháp lý cao hơn để phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn loại tội phạm này. Dưới góc độ khoa học, có thể nói: Bổ sung DLĐT là một nguồn chứng cứ mới trong quy định của luật cả về nội dung và hình thức. Bên cạnh đó, vấn đề DLĐT có được xem là một nguồn chứng cứ trong hoạt động tố tụng hay không đã được đề cập đến từ trước trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Theo quy định tại Điều 87 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì nguồn chứng cứ được quy định: Chứng cứ được thu thập, xác minh từ các nguồn... DLĐT. Nhìn nhận dưới góc độ khoa học, trong luật tố tụng dân sự đã có sự ghi nhận về nguồn chứng cứ là DLĐT và có sự mở rộng hơn về quy định nguồn chứng cứ so với Bộ luật TTHS năm 2003. Mặc khác, qua nghiên cứu một số luật chuyên ngành, theo các Điều 11

và 13 Luật Giao dịch điện tử, thông tin trong thông điệp dữ liệu có giá trị pháp lý như bản gốc nếu nội dung được bảo đảm là toàn vẹn như khi khởi tạo lần đầu và Điều 14 Luật Giao dịch điện tử cũng nói về giá trị chứng cứ của thông điệp dữ liệu. Hành lang pháp lý cho các giao dịch điện tử đã được Luật Giao dịch điện tử quy định. Do vậy, yêu cầu đặt ra là pháp luật chuyên ngành đã ghi nhận giá trị pháp lý của DLĐT, thì Bộ luật TTHS cũng cần quy định về DLĐT là nguồn chứng cứ để vận dụng thống nhất. Từ một số căn cứ cơ bản nêu trên, theo ý kiến cá nhân tôi, việc bổ sung “DLĐT” là một nguồn chứng cứ quy định tại Khoản 1 Điều 87 BỘ LUẬT TTHS năm 2015 là hoàn toàn phù hợp, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, tháo gỡ những vướng mắc trong thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay, mở rộng nguồn chứng cứ có giá trị trực tiếp chứng minh tội phạm.

III. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ THU THẬP, BẢO QUẢN, GIÁM ĐỊNH, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN CHỨNG CỨ LÀ DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

1. Thu thập nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử

Thu thập chứng cứ là tổng hợp các hoạt động phát hiện, ghi nhận, thu giữ và bảo quản chứng cứ²⁵.

Để làm rõ được đối tượng chứng minh của vụ án hình sự cần phải thu thập chứng cứ, nghĩa là trên cơ sở của pháp luật tố tụng hình sự, các cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải vận dụng mọi biện pháp mà pháp luật quy định để phát hiện, ghi nhận, thu giữ và bảo quản một hệ thống chứng cứ cần và đủ đảm bảo đạt đến phạm vi giới hạn chứng minh để làm rõ đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự.

Thu thập chứng cứ là khâu đầu tiên có ý nghĩa quan trọng cho việc nghiên cứu và đánh giá chứng cứ, nhưng đồng thời là khâu khó khăn, phức tạp của quá

²⁵ Giáo trình Luật TTHS Việt Nam, NXB CAND, Hà Nội, 2024, tr.210

trình chứng minh vụ án. Hoạt động thu thập chứng cứ, không chỉ được tiến hành trong một giai đoạn tố tụng mà phải diễn ra xuyên suốt tất cả các giai đoạn. Chứng cứ đã thu thập ở giai đoạn trước có thể được sử dụng để phát hiện ra chứng cứ ở giai đoạn sau. Do đó, hoạt động thu thập chứng cứ nói chung và thu thập nguồn chứng cứ là DLĐT nói riêng là một trong những hoạt động quan trọng nhất của quá trình giải quyết VAHS.

Để đảm bảo việc thu thập chứng cứ có nguồn là DLĐT, Bộ luật TTHS quy định các nội dung làm cơ sở pháp lý đảm bảo các thuộc tính của chứng cứ như sau:

Thứ nhất, về chủ thể có quyền thu thập, theo quy định tại Điều 88 Bộ luật TTHS 2015 là Cơ quan có thẩm quyền THTT và người bào chữa.²⁶ So với Bộ luật TTHS số 19/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003, Bộ luật TTHS 2015 đã cho phép người bào chữa được quyền thu thập chứng cứ nói chung và nguồn chứng cứ là DLĐT nói riêng.²⁷ Điều này giúp người bào chữa có cơ hội thu thập các chứng cứ có lợi cho việc bào chữa mà các Cơ quan có thẩm quyền THTT có khả năng đã bỏ sót trong quá trình điều tra vụ án.

Thứ hai, về cách thức thu thập DLĐT, Cơ quan có thẩm quyền THTT có quyền tiến hành các hoạt động thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật TTHS; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp; tiếp nhận từ người bào chữa; tiếp nhận từ những người tham gia tố tụng khác, cơ quan, tổ chức hoặc bất cứ cá nhân nào đưa ra DLĐT có liên quan đến vụ án.²⁸ Ngoài các biện pháp thu thập thông thường, Cơ quan có thẩm quyền THTT còn có thể thu thập bí mật DLĐT trong một số VAHS.²⁹ Thông tin, tài liệu thu thập được bằng việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt này có thể dùng làm chứng cứ để

²⁶ Khoản 1, khoản 2 Điều 88 Bộ luật TTHS 2015.

²⁷ Trước đây, điểm c khoản 2 Điều 58 Bộ luật TTHS 2003 chỉ cho phép người bào chữa được quyền thu thập tài liệu, đồ vật, tình tiết liên quan đến việc bào chữa, không cho phép thu thập chứng cứ.

²⁸ Khoản 1, khoản 3 Điều 88 Bộ luật TTHS 2015.

²⁹ Khoản 3 Điều 223 Bộ luật TTHS 2015.

giải quyết vụ án.³⁰ Từ đó hạn chế những khó khăn cho cơ quan có thẩm quyền trong việc chuyển hóa DLĐT sang các nguồn chứng cứ khác. Nhằm đảm bảo việc thu thập thông tin trong DLĐT bằng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt không xâm phạm quyền con người, quyền công dân được quy định trong Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 28 tháng 11 năm 2013 (Hiến pháp năm 2013), khoản 1 Điều 227 Bộ luật TTHS 2015 quy định như sau: “*Thông tin, tài liệu thu thập được bằng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt chỉ được sử dụng vào việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử VAHS; thông tin, tài liệu không liên quan đến vụ án phải tiêu hủy kịp thời; nghiêm cấm sử dụng thông tin, tài liệu, chứng cứ thu thập được vào mục đích khác*”. Đây cũng là lần đầu tiên pháp luật TTHS Việt Nam chính thức thừa nhận các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, cũng là biện pháp điều tra khá nhạy cảm vì có nhiều khả năng sẽ gây ảnh hưởng tới quyền con người, quyền cơ bản của công dân theo Hiến pháp năm 2013, mà cụ thể là quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, quyền bí mật điện thoại, điện tín,... Do đó, việc luật hóa biện pháp này đã tạo sự thuận lợi cho cơ quan có thẩm quyền điều tra khi thực hiện trách nhiệm và chứng minh tội phạm, đồng thời đảm bảo các quyền công dân không bị xâm phạm một cách tùy tiện.³¹ Thu thập bí mật DLĐT mang lại lợi thế rất lớn cho CQĐT, đặc biệt là đối với các vụ án về tội phạm công nghệ cao vì người phạm tội thường tìm mọi cách để che giấu những thông tin, tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội của mình.

Dù đã được quy định trong Bộ luật TTHS 2015, song pháp luật TTHS Việt Nam lại chưa có văn bản dưới luật nào hướng dẫn chi tiết về vấn đề này, cũng như chưa có quy trình cụ thể đối với việc thu giữ chứng cứ nhằm bảo vệ tính toàn vẹn, giữ nguyên giá trị chứng minh của DLĐT. Bộ luật TTHS 2015

³⁰ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật TTHS 2015.

³¹ Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2020), chú dẫn số 12, tr. 462–465.

cũng chưa đề cập đến vấn đề liệu biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt này có được thực hiện theo các nguyên tắc và trình tự, thủ tục thông thường về thu thập DLĐT hay không. Ngoài ra, mặc dù đây là biện pháp điều tra có nhiều khả năng làm ảnh hưởng lớn tới các quyền riêng tư, quyền bảo mật điện thoại, điện tín, song, pháp luật hiện nay lại chưa có quy định nào giúp đảm bảo các quyền công dân này cũng như trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền THTT trong quá trình thực hiện biện pháp thu thập bí mật DLĐT.

Người bào chữa có thể tiến hành thu thập chứng cứ là DLĐT bằng cách đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp DLĐT liên quan đến việc bào chữa;³² đề nghị cơ quan có thẩm quyền THTT thu thập DLĐT;³³ đọc, ghi chép và sao chụp những tài liệu là DLĐT trong hồ sơ vụ án liên quan đến việc bào chữa từ khi kết thúc điều tra.³⁴ Điều 16 Thông tư số 46/2019/TT-BCA còn quy định CQĐT phải tạo điều kiện thuận lợi cho người bào chữa thực hiện yêu cầu được đọc, ghi chép và sao chụp tài liệu có trong hồ sơ vụ án; Điều tra viên (ĐTV) bố trí cho người bào chữa đọc, ghi chép, sao chụp tài liệu tại phòng làm việc thuộc trụ sở CQĐT.³⁵ Những quy định này là hợp lý vì người bào chữa thường không có điều kiện và khả năng tìm kiếm, thu thập hết tất cả các chứng cứ có thể được sử dụng trong VAHS. Đặc biệt là nguồn chứng cứ là DLĐT, vì chúng là loại nguồn chứng cứ đòi hỏi phải có nhiều thiết bị, máy móc cũng như kỹ thuật phức tạp để có thể tiếp cận, thu thập và khai thác chúng.

Thứ ba, về địa điểm có thể tiến hành thu giữ DLĐT là tại hiện trường xảy ra vụ án. Cụ thể, khi ĐTV khám nghiệm hiện trường và phát hiện DLĐT có liên quan và có thể làm sáng tỏ những tình tiết có ý nghĩa đối với việc giải quyết

³² Khoản 2 Điều 88, khoản 1 Điều 81, khoản 1 điểm h Điều 73 Bộ luật TTHS 2015.

³³ Khoản 3 Điều 81 Bộ luật TTHS 2015.

³⁴ Điểm 1 khoản 1 Điều 73, Điều 82 Bộ luật TTHS 2015.

³⁵ Thông tư số 46/2019/TT-BCA của Bộ Công an ngày 10 tháng 10 năm 2019 Quy định trách nhiệm của lực lượng Công an Nhân dân trong việc thực hiện các quy định của Bộ luật TTHS năm 2015 liên quan đến bảo đảm quyền bào chữa của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt trong trường hợp phạm tội quá tang hoặc theo quyết định truy nã, người bị tạm giữ, bị can; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố.

VAHS, thì ĐTV có thẩm quyền thu giữ DLĐT đó.³⁶ Nếu DLĐT không có ở nơi xảy ra, nơi phát hiện tội phạm mà có ở nơi khác thì những người có thẩm quyền có thể khám xét DLĐT tại nơi đó khi có cơ sở nhận định trong DLĐT có công cụ, phương tiện phạm tội, tài liệu, đồ vật, tài sản liên quan đến vụ án.³⁷ Trước khi tiến hành khám xét DLĐT nói riêng và khám xét nói chung, CQĐT cần phải nhận được lệnh khám xét từ những người có thẩm quyền ra lệnh.³⁸

Mặt khác, những quy định trên vẫn còn tồn tại một số bất cập, cụ thể là các vấn đề liên quan đến căn cứ và lệnh khám xét DLĐT. Về căn cứ khám xét, dù khoản 2 Điều 192 Bộ luật TTHS 2015 đã quy định rõ ràng căn cứ khám xét DLĐT, song cũng trong khoản 1 điều này lại quy định khi có căn cứ nhận định trong người, chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện mà có DLĐT có liên quan đến vụ án, thì có thể tiến hành khám xét người, chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện đó. Quy định như vậy sẽ được hiểu là khi tiến hành khám xét người, chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện theo căn cứ tại khoản 1 Điều 192, nhưng CQĐT sẽ có thể khám xét cả DLĐT liên quan đến vụ án có trong đó mà không cần có căn cứ như tại khoản 2. Như vậy, quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 192 đã không thống nhất với nhau trong việc có cần căn cứ hay không để tiến hành khám xét DLĐT. Hơn nữa, về lệnh khám xét, việc Điều 192 và Điều 193 Bộ luật TTHS 2015 cũng như các quy định khác trong pháp luật TTHS Việt Nam không đề cập đến việc ra lệnh khám xét khi nào, sẽ càng gây khó hiểu hơn cho các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền trong việc quyết định ra lệnh khám xét và tiến hành khám xét DLĐT.³⁹ Hậu quả là điều này sẽ có khả năng cao làm ảnh hưởng đến quyền bất khả xâm phạm đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật

³⁶ Khoản 1 Điều 201 Bộ luật TTHS 2015.

³⁷ Khoản 2 Điều 192 Bộ luật TTHS 2015.

³⁸ Điều 193 Bộ luật TTHS 2015.

³⁹ Điều 192 Bộ luật TTHS 2015 chỉ đề cập nội dung về các căn cứ để tiến hành việc khám xét, còn Điều 193 Bộ luật này cũng chỉ đề cập nội dung những cơ quan, cá nhân nào có thẩm quyền ra lệnh khám xét. Dù trên thực tế, các cơ quan, người THTT thường hiểu là khi có căn cứ khám xét thì cơ quan, cá nhân có thẩm quyền sẽ ra lệnh khám xét, song Bộ luật TTHS 2015 lại không quy định rõ ràng về vấn đề này.

gia đình, quyền bí mật điện thoại,... nếu CQĐT thực hiện khám xét DLĐT mà không có căn cứ và/hay không có lệnh. Một hạn chế khác trong hoạt động khám xét DLĐT, đó là việc tạm giữ DLĐT trong khi khám xét đã không được Bộ luật TTHS 2015 đề cập. Cụ thể, ĐTV chỉ được phép tạm giữ đồ vật là vật chứng và tài liệu có liên quan trực tiếp đến vụ án khi khám xét.⁴⁰ Những PTĐT không phải là vật chứng và DLĐT chỉ có thể được thu giữ căn cứ theo Điều 196 mà không thể được tạm giữ. Các hạn chế, bất cập như đã phân tích trên đây đều sẽ dẫn đến việc không đảm bảo được tính hợp pháp của chứng cứ là DLĐT.

Thứ tư, về trình tự, thủ tục của hoạt động thu thập PTĐT, DLĐT được quy định tại Điều 107 Bộ luật TTHS 2015 gồm các nội dung như sau:

(i): PTĐT phải được thu giữ kịp thời, đầy đủ, mô tả đúng thực trạng và niêm phong ngay sau khi thu giữ. Việc niêm phong, mở niêm phong được tiến hành theo quy định của pháp luật.

Trường hợp không thể thu giữ phương tiện lưu trữ DLĐT thì Cơ quan có thẩm quyền THTT sao lưu DLĐT đó vào PTĐT và bảo quản như đối với vật chứng, đồng thời yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan lưu trữ, bảo toàn nguyên vẹn DLĐT mà Cơ quan có thẩm quyền THTT đã sao lưu và cơ quan, tổ chức, cá nhân này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

(ii): Khi thu thập, chặn thu, sao lưu DLĐT từ PTĐT, mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc trên đường truyền, Cơ quan có thẩm quyền THTT tiến hành phải lập biên bản và đưa vào hồ sơ vụ án.

Về việc thu giữ PTĐT, DLĐT phục vụ cho quá trình thu thập chứng cứ là DLĐT, Điều 196 Bộ luật TTHS 2015 quy định những trình tự, thủ tục như sau:

(i): Việc thu giữ PTĐT, DLĐT do người có thẩm quyền THTT thực hiện và có thể mời người có chuyên môn liên quan tham gia. Trường hợp không thể thu giữ được thì phải sao lưu vào phương tiện lưu trữ và thu giữ như đối với vật chứng.

⁴⁰ Khoản 1 Điều 198 Bộ luật TTHS 2015.

(ii): Khi thu giữ các PTĐT có thể thu thiết bị ngoại vi kèm theo và các tài liệu có liên quan.

Những quy định trên về trình tự, thủ tục thu thập nguồn chứng cứ là DLĐT chỉ là những nguyên tắc cơ bản. Nếu các cơ quan THTT chỉ dựa vào những quy định này thì khó có thể nào tiến hành thu thập DLĐT, bởi đặc tính phức tạp và khác biệt của chúng đòi hỏi phải có hướng dẫn một cách cụ thể và rõ ràng hơn về trình tự và cách thức thực hiện. Tuy nhiên, cũng vì tính đổi mới liên tục của khoa học công nghệ mà việc đưa những hướng dẫn này vào các văn bản pháp luật bắt buộc cố định là không phù hợp. Do đó, việc tạo dựng một hành lang pháp lý mang tính nguyên tắc chung về trình tự, thủ tục thu thập nguồn chứng cứ là DLĐT như trong pháp luật TTHS hiện nay là một phương thức hợp lý. Các cơ quan THTT có thể sử dụng chúng làm tiền đề nhằm xây dựng các văn bản hướng dẫn dưới luật về trình tự, cách thức thực hiện và triển khai hoạt động thu thập nguồn chứng cứ là DLĐT trên thực tế.

Mặt khác, những quy định nêu trên còn tồn tại một số bất cập. Cụ thể, mặc dù tên Điều 107 Bộ luật TTHS 2015 là “Thu thập PTĐT, DLĐT” nhưng tại khoản 1 điều này, PTĐT lại được quy định “*phải được thu giữ kịp thời [...]*”. Trong khi đó, Điều 196 lại một lần nữa quy định về nội dung “Thu giữ PTĐT, DLĐT”. Ở đây, có thể thấy quy định tại Điều 107 đã xem hai khái niệm “thu thập PTĐT” và “thu giữ PTĐT” là giống nhau. Xét về mặt ngữ nghĩa của từ, “thu thập” là hoạt động bao gồm gộp nhặt và tập hợp lại. Do đó, có thể hiểu thu thập PTĐT, DLĐT là tổng hợp các hoạt động phát hiện, ghi nhận, thu giữ và bảo quản PTĐT, DLĐT, hay còn gọi là hoạt động thu thập chứng cứ, còn thu giữ được hiểu là một khâu cụ thể trong hoạt động thu thập. Như vậy, việc thu thập PTĐT ở Điều 107 nên được hiểu là thu thập chứng cứ từ nguồn chứng cứ là vật chứng dưới dạng PTĐT, thu thập DLĐT thì có nghĩa là thu thập chứng cứ từ nguồn chứng cứ là DLĐT. Còn hoạt động thu giữ tại Điều 196 chỉ là thu giữ PTĐT, DLĐT phục vụ cho quá trình thu thập những chứng cứ là DLĐT chứa

đựng trong nó. Việc không có sự tách bạch rõ ràng trong hai khái niệm “thu thập” và “thu giữ” cũng như trong hai quy định này sẽ gây ra sự khó hiểu đối với những người THPTTT nói riêng cũng như những người nghiên cứu pháp luật nói chung.

Việc thu giữ PTĐT, DLĐT tại Điều 196 Bộ luật TTHS 2015 cũng còn tồn tại một bất cập khác. Có thể thấy, điều luật này không hề đề cập đến việc phải có lệnh thu giữ khi tiến hành thu giữ PTĐT, DLĐT. Trong khi đó, cũng trong Bộ luật TTHS 2015, Điều 197 lại quy định việc phải có lệnh để tiến hành thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại cơ quan, tổ chức bưu chính, viễn thông. Như vậy, theo quy định của Bộ luật TTHS 2015, thì lệnh thu giữ PTĐT, DLĐT là không cần thiết. Điều này là chưa hợp lý, vì thực tế PTĐT, DLĐT thường chứa rất nhiều thông tin cá nhân, và việc thu giữ chúng sẽ có thể làm ảnh hưởng rất lớn tới các quyền công dân như quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình, quyền bí mật điện thoại,... Quy định như trên cũng sẽ làm giảm mất tính hợp pháp của chứng cứ là DLĐT được thu thập.

Qua các nguyên tắc, trình tự, thủ tục thu thập DLĐT luật định, pháp luật TTHS tại Việt Nam liên quan đến nguồn chứng cứ là DLĐT vẫn còn tồn tại một khuyết điểm. Đó là chưa có quy phạm pháp luật nào đề cập đến việc bảo đảm các quyền công dân như quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình, quyền bí mật điện thoại,... cũng như trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền THPTTT nếu xâm phạm các quyền này. Ngày nay, các thiết bị điện tử đã trở thành nơi chứa đựng một lượng khổng lồ những dữ liệu có liên quan đến thông tin cá nhân quan trọng.⁴¹ Việc những người THPTTT trong quá trình thu thập nguồn chứng cứ là DLĐT có khả năng cao sẽ làm lộ thông tin cá nhân, gây ảnh

⁴¹ Khoản 5 Điều 3 Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 04 năm 2007 về Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Nhà nước quy định: “*Thông tin cá nhân là thông tin đủ để xác định chính xác danh tính một cá nhân, bao gồm ít nhất nội dung trong những thông tin sau đây: họ tên, ngày sinh, nghề nghiệp, chức danh, địa chỉ liên hệ, địa chỉ thư điện tử, số điện thoại, số chứng minh nhân dân, số hộ chiếu. Những thông tin thuộc bí mật cá nhân gồm có hồ sơ y tế, hồ sơ nộp thuế, số thẻ bảo hiểm xã hội, số thẻ tín dụng và những bí mật cá nhân khác.*”.

hưởng về danh dự, uy tín hoặc thậm chí là vật chất và tinh thần của những người có liên quan. Tuy nhiên, hiện nay, pháp luật vẫn chưa quy định rõ phần này.

Nhìn chung, những quy định hiện hành về việc thu thập, thu giữ PTĐT, DLĐT vẫn còn một số những bất cập. Song, việc các cơ quan có thẩm quyền THPT tiến hành thu thập, thu giữ PTĐT, DLĐT theo đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật về TTHS đã quy định là những điều kiện bắt buộc để DLĐT có được tính hợp pháp và được công nhận là chứng cứ. Bên cạnh đó, đây còn là những tiêu chí nhằm chứng minh DLĐT có độ tin cậy nhất định đủ để được sử dụng trong quá trình chứng minh VAHS, đảm bảo việc thu thập, thu giữ một cách đầy đủ và nhanh chóng nhất.

2. Bảo quản nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử

Bảo quản chứng cứ là giữ cho chứng cứ được tính nguyên vẹn như khi ta thu giữ, không làm mất, làm hỏng, làm biến dạng hay sai lệch sự thật⁴². Việc bảo quản nguồn chứng cứ là DLĐT có ý nghĩa duy trì tình trạng nguyên vẹn của các PTĐT, DLĐT, thông tin chứa trong chúng cũng như đảm bảo giá trị chứng minh của chứng cứ, nguồn chứng cứ đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các Cơ quan THPT trong việc kiểm tra, đánh giá DLĐT trong quá trình giải quyết vụ án. Khoản 1 và khoản 5 Điều 107 Bộ luật TTHS 2015 quy định PTĐT và DLĐT được bảo quản như vật chứng.

- Về cách thức bảo quản nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử

Cũng như nguồn chứng cứ thông thường, bảo quản nguồn chứng cứ là DLĐT bao gồm bảo quản DLĐT và bảo quản PTĐT. Tùy vào từng loại khác nhau mà cách thức bảo quản cũng khác nhau:

+ Đối với DLĐT

Đối với loại chứng cứ là các thông tin trong lời khai được chứa trong băng ghi âm, ghi hình từ quá trình hỏi cung, lấy lời khai, chúng phải được bảo

⁴² Bộ Công an, Giáo trình Luật TTHS Việt Nam, NXB CAND, Hà Nội, 2024, tr.212

quản, lưu trữ đầy đủ tại hệ thống máy chủ để đảm bảo an toàn, bí mật. Khi kết thúc giai đoạn điều tra VAHS, giai đoạn truy tố, cán bộ chuyên môn sao chép dữ liệu kết quả ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh vào thiết bị ngoại vi, sau đó bàn giao thiết bị ngoại vi lưu trữ dữ liệu cùng hồ sơ vụ án.⁴³ Các chứng cứ là thông tin này được ghi nhận, sao chép và được bảo quản chặt chẽ trong hồ sơ vụ án, người có thẩm quyền được nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án. Ngoài ra, tại điểm 1 khoản 1 Điều 73 Bộ luật TTHS 2015, người bào chữa có quyền đọc, ghi chép và sao chụp những tài liệu trong hồ sơ vụ án liên quan đến việc bào chữa từ khi kết thúc điều tra.

Đối với DLĐT do người thực hiện hành vi phạm tội tạo ra, loại DLĐT này có thể tồn tại ở dạng âm thanh, hình ảnh, dữ liệu duyệt web, bảng tính Excel, tệp tin,... Việc thu thập các loại DLĐT này có thể được thực hiện theo hai cách: thu thập bằng các biện pháp thông thường, công khai và thu thập bí mật. Thêm vào đó, việc bảo quản DLĐT sau khi đã thu thập phải tuân thủ theo các quy trình hết sức đặc biệt.

+ *Đối với PTĐT*

PTĐT phải được bảo quản nguyên vẹn, không để mất mát, lẫn lộn, hư hỏng, không đưa PTĐT ra sử dụng ngoài mục đích khác ngoài mục đích giải quyết VAHS. Hồ sơ vụ án thuộc cơ quan nào thì cơ quan đó có trách nhiệm bảo quản PTĐT. Các phương tiện ghi âm, ghi hình bí mật, nghe điện thoại bí mật phải đảm bảo chất lượng và có độ ổn định cao. PTĐT phải được chụp ảnh để đưa vào hồ sơ vụ án. PTĐT trong kho phải được sắp xếp gọn gàng, phải có thể kho ghi rõ tên chủ sở hữu tài sản, tên của vụ án, phải có lệnh của người có thẩm quyền thì mới được xuất, nhập vật chứng. Việc chuyển giao PTĐT giữa các cơ

⁴³ Thiết bị ngoại vi là một thiết bị, như máy in hoặc ổ đĩa, được nối với máy tính và do máy tính đó điều khiển, nhưng nằm ngoài đơn vị xử lý trung tâm (CPU) của máy tính.

Nguồn: “‘Thiết bị ngoại vi’ là gì?”, *Từ điển VTudien*, [<https://vtudien.com/viet-viet/dictionary/nghia-cua-tu-thi%E1%BA%BFt%20b%E1%BB%8B%20ngo%E1%BA%A1i%20vi>] (truy cập ngày 22/03/2021).

quan qua từng giai đoạn tố tụng để bảo quản thì phải lập biên bản giao nhận theo đúng quy định và phải đưa vào hồ sơ vụ án (Biên bản được lập thành nhiều bản và có chữ ký của các bên giao nhận). Ngoài ra, việc niêm phong, bảo quản PTĐT được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 127/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết việc niêm phong, mở niêm phong, người niêm phong vật chứng.

+ Về trách nhiệm của người bảo quản PTĐT

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 90 Bộ luật TTHS 2015, trong giai đoạn điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm bảo quản vật chứng là PTĐT; trong giai đoạn xét xử và thi hành án, Cơ quan thi hành án có trách nhiệm bảo quản vật chứng. Người có trách nhiệm bảo quản vật chứng nếu thực hiện hành động tổn hại đến vật chứng như làm mất mát, hư hỏng, đánh tráo, chuyển nhượng,... thì tùy theo mức độ mà bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự (TNHS) theo quy định tại Điều 375 BLHS 2015.⁴⁴ Trường hợp nếu không thể thu giữ PTĐT thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 107 và điểm c khoản 1 Điều 90 Bộ luật TTHS 2015. Cụ thể, trường hợp không thể thu giữ phương tiện lưu trữ DLĐT thì Cơ quan có thẩm quyền THPT sao lưu DLĐT đó vào PTĐT và bảo quản như đối với vật chứng, đồng thời yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan lưu trữ, bảo toàn nguyên vẹn DLĐT mà cơ quan có thẩm quyền THPT đã sao lưu và cơ quan, tổ chức, cá nhân này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Còn đối với PTĐT gốc không thể đưa về Cơ quan có thẩm quyền THPT để bảo quản thì cơ quan có thẩm quyền THPT giao vật chứng đó cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp đồ vật, tài sản hoặc người thân thích của họ hoặc chính quyền địa phương, cơ quan, tổ chức nơi có vật chứng cần bảo quản.

⁴⁴ Điều 375 BLHS 2015 về Tội làm sai lệch hồ sơ vụ án, vụ việc.

3. Giám định dữ liệu điện tử

Thứ nhất, về khái niệm, giám định tư pháp là việc giám định viên tư pháp sử dụng kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ để kết luận về chuyên môn về những vấn đề có liên quan đến hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự theo trung cầu của Cơ quan có thẩm quyền THPT, người có thẩm quyền THPT hoặc theo yêu cầu của người yêu cầu giám định.⁴⁵ Giám định DLĐT là một hoạt động nhằm xác lập, thu thập, củng cố, kiểm tra, đánh giá DLĐT. Người giám định DLĐT phải thực hiện các bước bao gồm cả việc sao chép, phục hồi, tìm kiếm, phân tích và giám định DLĐT.

Thứ hai, về trình tự, thủ tục, việc phục hồi, tìm kiếm, giám định DLĐT chỉ được thực hiện trên bản sao; kết quả phục hồi; tìm kiếm, giám định phải chuyển sang dạng có thể đọc, nghe hoặc nhìn được.⁴⁶ Khi bàn giao cho chuyên gia phục hồi DLĐT, phải làm thủ tục mở niêm phong và niêm phong theo quy định của pháp luật; việc sao chép dữ liệu để phục hồi, phân tích phải được thực hiện bằng thiết bị “chỉ đọc” (read only), chỉ thực hiện trên bản sao, không được ghi đè, sửa chữa dữ liệu; phải lập biên bản về nội dung DLĐT đã phục hồi, phân tích, kèm theo lời khai, xác nhận của người phạm tội, người làm chứng về những thông tin đó.⁴⁷

Hiện nay, pháp luật về TTHS Việt Nam bắt buộc việc phục hồi, tìm kiếm, giám định DLĐT chỉ được thực hiện trên bản sao. Quy định như vậy là nhằm đảm bảo cho DLĐT giữ được tính nguyên trạng, tính toàn vẹn và tính có thể kiểm chứng được. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, việc sao chép DLĐT có thể gây ra rất nhiều khó khăn cho giám định viên. Thậm chí là một số DLĐT không thể được sao chép hoặc nếu có thì cũng không thể tiến hành sao chép một cách đầy đủ. Dù vậy, Bộ luật TTHS 2015 và các văn bản pháp

⁴⁵ Khoản 1 Điều 1 Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13 ngày 29 tháng 06 năm 2012 (Luật GDTP 2012).

⁴⁶ Khoản 4 Điều 107 Bộ luật TTHS 2015.

⁴⁷ Điều 5 Thông tư liên tịch số 10/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BTT&TT-VKSNDTC-TANDTC.

luật liên quan khác lại không hề đề cập đến việc phải thực hiện sao chép cũng như giám định như thế nào trong các trường hợp này. Điều này có thể dẫn đến hậu quả là kết luận giám định DLĐT sẽ không đảm bảo tính khách quan trong trường hợp không thể sao chép đầy đủ từ bản chính, hoặc tệ hơn là việc giám định đối với DLĐT sẽ không thể thực hiện được nếu giám định viên không thể sao chép ra bản sao.

Thứ ba, về giá trị chứng minh của kết luận giám định DLĐT, Bộ luật TTHS 2015 đã ghi nhận kết luận giám định là một nguồn của chứng cứ.⁴⁸ Như vậy, kết luận giám định về DLĐT của người được trưng cầu giám định sẽ được sử dụng như một chứng cứ hợp pháp, trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền THTT không đồng ý hoặc thuộc trường hợp phải từ chối hoặc thay đổi kết luận giám định.⁴⁹

Thứ tư, về thẩm quyền tiến hành giám định DLĐT, cá nhân hoặc tổ chức được trưng cầu giám định DLĐT cũng như giám định các vấn đề khác cũng phải tuân theo các tiêu chuẩn được quy định tại Luật Giám định Tư pháp 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Tuy nhiên, vì DLĐT tồn tại dưới nhiều dạng khác nhau nên đối với mỗi dạng sẽ cần có các lĩnh vực giám định khác nhau. Trong các ngành khoa học về giám định tư pháp hiện tại của Việt Nam, ngành khoa học giám định về kỹ thuật hình sự thường được áp dụng để giám định các vấn đề liên quan đến DLĐT.⁵⁰ Trong đó, có thể kể đến các lĩnh vực giám định cụ thể như giám định âm thanh, giám định kỹ thuật, đặc biệt là giám định kỹ thuật số và điện tử. Mặt khác, Luật Giám định tư pháp 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và

⁴⁸ Điều 4 khoản 1 Điều 87 Bộ luật TTHS 2015.

⁴⁹ Khoản 3, khoản 4 Điều 100 Bộ luật TTHS 2015.

⁵⁰ Giám định kỹ thuật hình sự: là loại giám định đặc biệt, chủ yếu có liên quan tội phạm và thủ phạm qua khai thác các thông tin về dấu vết, vật chứng. Trong giám định kỹ thuật hình sự, nhiệm vụ chủ yếu của Giám định viên là phân loại các vật chứng, dấu vết, xác định sự đồng loại hoặc đồng nhất căn cứ vào các dấu hiệu riêng biệt của chúng, truy nguyên người, vật để lại dấu vết, nhận định về quá trình diễn biến của sự việc, hành động của thủ phạm, thời gian, địa điểm xảy ra sự việc, phương thức, thủ đoạn gây án của thủ phạm. Nguồn: Đại học Kiểm sát Hà Nội (2019), *Giáo trình Giám định tư pháp Hình sự*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr. 31–32.

chương giám định trong Bộ luật TTHS 2015 không đề cập đến cách giám định, bộ phận chuyên giám định trong từng trường hợp cụ thể. Do đó, điều này gây ra nhiều khó khăn cho các Cơ quan THTT trong việc xác định xem trong từng trường hợp thì cần giám định vấn đề gì, nên trung cầu giám định từ cơ quan nào.

Thứ năm, về việc trung cầu giám định DLĐT, đây không phải là đối tượng bắt buộc trung cầu giám định được quy định tại Điều 206 Bộ luật TTHS 2015. Do đó, việc trung cầu giám định đối với loại nguồn chứng cứ này hay không tùy thuộc vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền THTT trong các trường hợp cần thiết như: khi cần có kết luận giám định làm căn cứ cho việc quyết định tiến hành một hoặc một số hoạt động để có kết luận làm cơ sở ra quyết định khởi tố hoặc không khởi tố VAHS, đề ra quyết định khởi tố bị can; áp dụng các biện pháp ngăn chặn hoặc thu thập chứng cứ; nhằm củng cố, hỗ trợ cho các chứng cứ khác, phục vụ cho việc xử lý vụ án, làm căn cứ xây dựng giả thuyết điều tra,...⁵¹ Việc quy định như trên là để tạo sự linh hoạt cho cơ quan THTT, bởi trong nhiều trường hợp, các vấn đề liên quan trong VAHS cũng có thể được xác định bằng các kỹ thuật thông thường mà không cần thiết thực hiện giám định. Mặt khác, dù việc trung cầu giám định DLĐT là không bắt buộc nhưng việc giám định để truy nguyên về DLĐT lại thuộc trường hợp cần thiết phải trung cầu giám định.⁵² Việc giám định truy nguyên về DLĐT là nhằm xác định mức độ giá trị của chứng cứ là DLĐT. Do đó, đây là một quy định phù hợp để chứng minh các thuộc tính của chứng cứ. Tuy nhiên, việc giám định về vấn đề này chỉ được thực hiện khi chưa có đủ chứng cứ để chứng minh hành vi phạm tội, tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.⁵³

Bàn về vấn đề xác định tính nguyên vẹn của DLĐT, đây là một vấn đề rất quan trọng và thiết yếu đối với việc chứng minh tính hợp pháp cũng như tính

⁵¹ Đại học Kiểm sát Hà Nội (2019), *Giáo trình Giám định tư pháp Hình sự*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr. 14–23.

⁵² Khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP ngày 13 tháng 12 năm 2017 Quy định những trường hợp cần thiết phải trung cầu giám định tư pháp trong giải quyết vụ án, vụ việc về tham nhũng, kinh tế (Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP).

⁵³ Khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch 01/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP.

khách quan, bởi tính chất của nguồn chứng cứ này là dễ dàng bị thay đổi, bị sửa chữa, ngụy tạo. Hơn nữa, DLĐT cũng đòi hỏi người có trình độ chuyên môn cao về công nghệ để có thể phân tích và đánh giá một cách đúng đắn nhất. Trong khi đó, hiện nay, Bộ luật TTHS 2015 lại chưa có quy định nào về tiêu chuẩn của người THTT khi xử lý nguồn chứng cứ này và quy định về những điều kiện để đánh giá tính nguyên vẹn của DLĐT.

4. Kiểm tra, đánh giá chứng cứ có nguồn là dữ liệu điện tử

Kiểm tra chứng cứ là hoạt động xem xét, phân tích các tài liệu, đồ vật đã thu thập được có đảm bảo các thuộc tính của chứng cứ hay không. Tất cả mọi chứng cứ trước khi sử dụng đều phải được kiểm tra nhằm đảm bảo giá trị chứng minh và hiệu lực sử dụng. Đây là hoạt động tư duy của chủ thể THTT và các chủ thể khác có liên quan theo quy định của Bộ luật TTHS trong việc tiến hành xem xét, kiểm tra hình thức, làm sáng tỏ nội dung của chứng cứ có nguồn là DLĐT. Từ đó đưa ra các kết luận về tính xác thực, tính hợp pháp, tính liên quan đến vụ án. Cũng giống như các loại chứng cứ thông thường, chứng cứ là DLĐT được kiểm tra thông qua các phương pháp: kiểm tra từng chứng cứ riêng biệt, kiểm tra tổng hợp các loại chứng cứ, tìm kiếm chứng cứ mới.

Đánh giá chứng cứ là hoạt động tư duy logic biện chứng của người có thẩm quyền THTT nhằm đi sâu vào bản chất của các hiện tượng trên cơ sở pháp luật hình sự, pháp luật TTHS, ý thức pháp luật và niềm tin nội tâm nhằm xác định độ tin cậy và giá trị chứng minh của chứng cứ.⁵⁴ Để đánh giá chứng cứ được chính xác, các cơ quan có thẩm quyền phải dựa vào các yếu tố cấu thành của tội phạm được quy định trong BLHS; đi đôi với đó là những quy định, nguyên tắc của Bộ luật TTHS về xác định đối tượng, nghĩa vụ chứng minh trong VAHS.

Khoản 2 Điều 108 Bộ luật TTHS quy định người có thẩm quyền THTT có quyền kiểm tra, đánh giá chứng cứ. Tuy nhiên, như đã phân tích tại Chương

⁵⁴ Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2020), chú dẫn số 12, tr. 269–272.

1, nguồn chứng cứ là DLĐT mang những đặc tính riêng, khác với loại nguồn chứng cứ thông thường. Điều này đòi hỏi người có thẩm quyền tiếp cận với nguồn chứng cứ là DLĐT phải có trình độ chuyên môn cao về việc xử lý dữ liệu, cũng như có hiểu biết về cách hoạt động, tính chất của PTĐT. Nếu không đủ hiểu biết về lĩnh vực CNTT thì dữ liệu sau khi thu thập có thể dễ dàng bị làm hư hỏng bởi người tiếp cận và xử lý chúng. Thêm vào đó, việc hiểu sai tình tiết của vụ án khi kiểm tra chứng cứ dẫn đến sai lệch trong kết quả đánh giá chứng cứ cũng là một bất cập. Như vậy, việc kiểm tra, đánh giá nguồn chứng cứ là DLĐT ngoài việc đòi hỏi cái nhìn khách quan thì cũng đòi hỏi trình độ chuyên môn nhất định của chủ thể có thẩm quyền kiểm tra, đánh giá chứng cứ để tránh khỏi những sai lầm trong kết quả đánh giá chứng cứ của vụ án. Việc kiểm tra, đánh giá chứng cứ có nguồn là DLĐT có ý nghĩa và vai trò quan trọng trong quá trình chứng minh.

- Cơ sở của việc kiểm tra, đánh giá chứng cứ

Cơ sở của việc đánh giá chứng cứ là phải dựa vào pháp luật, ý thức pháp luật xã hội chủ nghĩa. Cụ thể:

+ Dựa vào quy định của pháp luật hình sự: Trong quá trình chứng minh VAHS, chủ thể THPT phải gắn với chứng cứ có nguồn là DLĐT với các nguồn chứng cứ khác để xác định những vấn đề cần phải chứng minh trong VAHS như: Có hành vi phạm tội xảy ra hay không, ai là người thực hiện hành vi phạm tội, có lỗi hay không có lỗi, có năng lực chịu TNHS hay không, có tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ trách nhiệm của bị can, bị cáo hay không... Để kết luận hệ thống chứng cứ có khả năng làm rõ những vấn đề trên, thì phải căn cứ vào quy định của pháp luật hình sự mà chủ yếu là tổng hợp những dấu hiệu chung có tính chất đặc trưng cho mỗi loại tội phạm cụ thể được quy định trong Bộ luật hình sự. Những dấu hiệu bắt buộc đó là dấu hiệu hành vi thuộc yếu tố khách quan của tội phạm, dấu hiệu lỗi thuộc về yếu tố chủ quan của tội phạm, dấu hiệu về năng lực TNHS và độ tuổi thuộc về yếu tố chủ thể của tội phạm. Đồng thời cũng phải dựa

trên các quy định của luật hình sự về hành vi phạm tội, đó là phải dựa vào quy định tại Điều 8 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); dựa vào các quy định về ranh giới giữa tội phạm và không phải là tội phạm, đó là: Những hành vi tuy có dấu hiệu của tội phạm, nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể, thì không phải là tội phạm, và được xử lý bằng các biện pháp khác; hoặc việc đánh giá chứng cứ chứng minh cho tình tiết thuộc đối tượng chứng minh (có phải là sự kiện bất ngờ hay không?)

+ Dựa vào các quy định của pháp luật TTHS: Việc kiểm tra, đánh giá chứng cứ có nguồn là DLĐT phải dựa vào các quy định của Bộ luật TTHS về thẩm quyền, trình tự, thủ tục thu thập chứng cứ có nguồn là DLĐT như: khái niệm, các nguồn chứa dữ liệu điện tử, yêu cầu về giá trị chứng cứ của dữ liệu điện tử (Điều 99); quy định dữ liệu điện tử là một nguồn chứng cứ mới và có giá trị như các nguồn chứng cứ khác (Điều 87) làm cơ sở để xác định hành vi phạm tội và xử lý tội phạm; quy định về các biện pháp thu thập dữ liệu điện tử như khám nghiệm hiện trường (Điều 201); quy định về cách thức thu thập dữ liệu điện tử (Điều 196, Điều 107); quy định về bảo quản dữ liệu điện tử (Điều 199)... Đây là những quy định nhằm đảm bảo giá trị chứng minh của chứng cứ có nguồn là DLĐT sau khi thu thập, đòi hỏi các chủ thể có thẩm quyền THTT phải chú ý trong quá trình kiểm tra và đánh giá.

+ Dựa vào ý thức pháp luật và thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm. ý thức pháp luật xã hội chủ nghĩa là tổng thể các học thuyết, tư tưởng quan điểm, quan niệm thịnh hành trong xã hội - xã hội chủ nghĩa, thể hiện mối quan hệ giữa con người với pháp luật hiện hành, pháp luật đã qua, pháp luật cần phải có, thể hiện về tính đánh giá hợp pháp hay không hợp pháp trong hành vi xử sự của con người, cũng như trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội. Ý thức pháp luật là một trong những hình thái ý thức, tư tưởng, thể hiện sự thống nhất giữa ý thức tư tưởng của con người đối với pháp luật. Chính vì vậy, ý thức pháp luật xã hội chủ nghĩa chính là một trong những tiền đề để củng

có niềm tin nội tâm của các chủ thể THPT trong việc đánh giá chứng cứ. Khi đánh giá chứng cứ, các chủ thể THPT không những sử dụng những thông tin đã thu thập được của chứng cứ, mà còn sử dụng những hiểu biết thu lượm được trước đây về thế giới khách quan, tức là sử dụng kinh nghiệm của bản thân và đồng thời sử dụng cả những thông tin tri thức của loài người mà họ đã nhận thức được trước đó. Mặt khác, phải sử dụng cả những kỹ năng, kỹ xảo, kinh nghiệm của bản thân trong thực tế đấu tranh chống tội phạm.

Khi chủ thể THPT có các tri thức đó càng nhiều và càng sâu sắc thì đánh giá chứng cứ càng chính xác hơn.

Ý thức pháp luật xã hội chủ nghĩa của chủ thể THPT hình sự gồm toàn bộ những hiểu biết về pháp luật, cho nên khi đánh giá chứng cứ mà tuân theo ý thức pháp luật xã hội chủ nghĩa, thì có nghĩa là đã dựa vào pháp luật, căn cứ vào pháp luật. ý thức pháp luật xã hội chủ nghĩa tạo điều kiện cho việc xác định sự thật khách quan. Vì vậy, khi đánh giá chứng cứ dựa vào ý thức pháp luật và thực tiễn đấu tranh chống tội phạm là một cơ sở cũng rất quan trọng.

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá chứng cứ có nguồn là DLĐT

Điều 108 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định: *“Mỗi chứng cứ phải được kiểm tra, đánh giá để xác định tính hợp pháp, xác thực và liên quan đến vụ án. Việc xác định những chứng cứ thu thập được phải bảo đảm đủ để giải quyết vụ án hình sự. Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình”*

Như vậy, quá trình kiểm tra, đánh giá chứng cứ là một quá trình xác định sự thật khách quan trong một VAHS. Quá trình đánh giá chứng cứ là một quá trình nhận thức cái chưa biết, đi từ cái chưa biết đến biết, là một quá trình tuân theo các quy luật của phép duy vật biện chứng.

Quá trình kiểm tra, đánh giá chứng cứ chứng cứ nói chung, chứng cứ có nguồn là DLĐT nói riêng là một quá trình nhận thức chân lý khách quan và là một quá trình phản ánh biện chứng các sự vật và hiện tượng của thế giới vật

chất vào trong ý thức của con người trên cơ sở thực tiễn. Vì thế, chúng ta có thể khẳng định rằng, phương pháp biện chứng là phương pháp chung của quá trình phân tích đánh giá các chứng cứ. Căn cứ Điều 108 Bộ luật TTHS, có hai phương pháp kiểm tra, đánh giá chứng cứ có nguồn là DLĐT như sau:

+ Phương pháp đánh giá từng chứng cứ có nguồn là DLĐT: Đây là hoạt động nhận thức của những người THPT trong quá trình chứng minh VAHS ở nước ta. Đối với những chứng cứ có nguồn là DLĐT đã thu được, nhằm xác định mức độ chính xác của những thông tin đã có thì người THPT phải nắm vững đặc điểm của từng nguồn chứng cứ có nguồn là DLĐT (gồm cách khởi tạo, truyền dữ liệu, lưu trữ của loại DLĐT). Đồng thời phải dựa vào kiến thức tổng hợp của bản thân, để xem chúng có phù hợp với quy luật khách quan của sự vật hiện tượng không. Khi đánh giá từng chứng cứ phải xem xét mối quan hệ nhân quả giữa chứng cứ với đối tượng chứng minh trong vụ án, chứng cứ đó làm sáng tỏ tình tiết nào của đối tượng chứng minh, làm sáng tỏ đến đâu, mỗi chứng cứ được đánh giá xem xét có đảm bảo các đặc tính của chứng cứ hay không, chứng cứ này có nằm trong tổng hợp chứng cứ của vụ án hay không, có liên quan với các chứng cứ khác hay không, chứng cứ này được sử dụng như thế nào trong vụ án, và từ đó rút ra giá trị chứng minh của từng chứng cứ.

+ Phương pháp kiểm tra, đánh giá tổng hợp chứng cứ: Đánh giá tổng hợp chứng cứ là hoạt động nhận thức của người tiến hành tố tụng đối với các chứng cứ trong mối liên quan chặt chẽ với nhau, nhằm xác định giá trị chứng minh của các chứng cứ nói chung và chứng cứ có nguồn là DLĐT nói riêng và rút ra kết luận về vụ án. Đồng thời, đánh giá tổng hợp chứng cứ còn có nghĩa là thu nhận kết luận từ các chứng cứ đã được thu thập về vụ án, từ việc xác định trên cơ sở của tất cả các chứng cứ, các sự kiện và tình tiết của vụ án khi đưa ra kết luận điều tra, quyết định truy tố (bản cáo trạng), hay quá trình do Tòa án xem xét khi xét xử. Khi đánh giá tổng hợp chứng cứ có nguồn là DLĐT thì phải đặt

các chứng cứ trong mối quan hệ tổng hợp với các chứng cứ khác, từ đó đưa ra nhận thức hoàn chỉnh về VAHS. Muốn tổng hợp đầy đủ các chứng cứ trong cùng một thể thống nhất, thì cần phải phân tích các sự kiện ra thành từng phần nhỏ, nhằm rút ra các yếu tố chứng minh, rồi hệ thống lại thành cái chung nhất. Khi đánh giá chứng cứ, nếu chỉ dừng lại ở việc đánh giá riêng từng chứng cứ, tách chúng ra khỏi hệ thống chứng cứ thì không thể thấy hết được toàn bộ giá trị chứng minh của chứng cứ, việc nhận thức bản chất vụ án sẽ gặp khó khăn. Do đó, cần đánh giá, tổng hợp chứng cứ để xác định giá trị chứng minh của chứng cứ và làm rõ chân lý của vụ án.

5. Sử dụng chứng cứ có nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử

Sử dụng chứng cứ là hoạt động của các chủ thể có thẩm quyền tiến hành tố tụng dùng các thông tin, tài liệu đã đảm bảo tính khách quan, tính liên quan và tính hợp pháp để kết luận về các vấn đề của vụ án hình sự.⁵⁵

Nghiên cứu Bộ luật TTHS năm 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2021) cho thấy, mặc dù Bộ luật TTHS không quy định cụ thể về nội dung, mục đích, cách thức sử dụng chứng cứ có nguồn là DLĐT nhưng rõ ràng việc sử dụng chứng cứ nói chung, chứng cứ có nguồn là DLĐT nói riêng chỉ dùng vào việc chứng minh làm rõ những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự. Căn cứ vào thực tiễn công tác điều tra VAHS, việc sử dụng chứng cứ thường sử dụng vào các mục đích:

Trước hết, cần nhận thấy rằng trong quá trình điều tra VAHS, những chứng cứ được dùng trong từng biện pháp điều tra nhằm mục đích phát hiện và thu thập những chứng cứ mới. Ví dụ, dùng kết quả giám định DLĐT để làm thay đổi thái độ khai báo gian dối của bị can, buộc bị can phải khai báo đúng sự thật. Quá trình này xảy ra, tiếp diễn và kết thúc khi có đủ chứng cứ để chứng minh sự thật của vụ án.

⁵⁵ Bộ Công an, Giáo trình Luật TTHS, NXB CAND, Hà Nội, năm 2024, tr.217

Thứ hai, dùng chứng cứ có nguồn chứng cứ là DLĐT đã có để kiểm tra, đánh giá tài liệu, chứng cứ mới thu thập được và ngược lại, ví dụ vụ tai nạn giao thông xảy ra vào khoảng 02 giờ ngày 01/02/2023 tại Quốc lộ 1A thuộc địa phận thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang khi lái xe ô tô BKS 29K-3571 gây tai nạn khi tham gia giao thông, lợi dụng không có phương tiện, người tham gia giao thông biết sự việc, lái xe ô tô đã lái xe bỏ chạy, song thông qua hệ thống camera an ninh của một số hộ dân gần đó, cùng với camera của Trạm thu phí CQĐT đã nhanh chóng đấu tranh xác định được phương tiện, qua đó nhanh chóng xác định được đối tượng gây tai nạn để kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật....

Thứ ba, dùng chứng cứ thu được từ nguồn DLĐT để đặt ra giả thuyết điều tra, lập kế hoạch điều tra, để xác định các sự kiện làm căn cứ cho việc tiến hành các hoạt động điều tra và ra các quyết định tố tụng. Cuối cùng, bằng tất cả những chứng cứ thu thập được sẽ cho phép CQĐT kết luận vụ án và kết thúc vụ án.

Trong quá trình sử dụng chứng cứ, ĐTV và cơ quan THTT cần tuân thủ những nguyên tắc sau đây:

- Chấp hành nguyên tắc tôn trọng sự thật khách quan trong sử dụng chứng cứ có nguồn chứng cứ là DLĐT. Điều này có nghĩa chỉ sử dụng những chứng cứ đã được nghiên cứu, kiểm tra, đánh giá đảm bảo độ tin cậy vững chắc, tuyệt đối không sử dụng những tài liệu, chứng cứ chưa được kiểm tra đánh giá hoặc sử dụng tài liệu, chứng cứ bừa bãi, tùy tiện...

- Sử dụng chứng cứ nói chung cũng như chứng cứ có nguồn là DLĐT nói riêng phải đảm bảo tính toàn diện và đầy đủ. Điều này có nghĩa phải tôn trọng mọi loại chứng cứ, không được thiên lệch trong sử dụng chứng cứ.

- Chứng cứ đánh giá được đến đâu phải được sử dụng ngay đến đó.

- Khi sử dụng chứng cứ phải đảm bảo giá trị chứng minh nhiều lần, không được làm hư hỏng, thất lạc, sai lệch chứng cứ. Chứng cứ không chỉ có giá trị

chứng minh một lần, trong một giai đoạn tố tụng mà còn có giá trị chứng minh trong các giai đoạn tố tụng khác.

Như vậy, trong quá trình điều tra VAHS việc sử dụng chứng cứ nói chung, chứng cứ có nguồn là DLĐT nói riêng nhằm mục đích chứng minh sự tồn tại hay không tồn tại của một tình tiết vụ án, trên cơ sở đó tổng hợp các chứng cứ để chứng minh toàn bộ vụ án. Nghiên cứu lý luận và thực tiễn cho thấy việc sử dụng chứng cứ trong điều tra VAHS thực hiện thường gắn vào các nội dung:

- Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được để ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can.

- Căn cứ vào chứng cứ đã thu thập được để áp dụng các biện pháp ngăn chặn.

- Chứng cứ là cơ sở quan trọng để tổ chức tiến hành các biện pháp điều tra trong quá trình điều tra VAHS.

- Chứng cứ còn là cơ sở quan trọng trong việc đưa ra kết luận điều tra vụ án và là căn cứ để ra quyết định truy tố hoặc không truy tố bị can.

Qua những phân tích trên cho thấy, việc nhận thức toàn diện về bản chất hoạt động thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ nói chung và chứng cứ được phản ánh từ DLĐT nói riêng trong điều tra VAHS là nhiệm vụ vô cùng quan trọng đối với ĐTV và cơ quan THTT. Thấm nhuần được những nội dung này là cơ sở cần thiết để hoạt động điều tra vụ án phục vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm đạt kết quả cao, chính xác, khách quan, đúng người, đúng tội, không làm oan, sai người vô tội cũng như không bỏ lọt tội phạm.

III. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ MỘT SỐ QUỐC GIA VỀ NGUỒN CHỨNG CỨ LÀ DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ

1. Quy định của pháp luật quốc tế về nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử

- Công ước của Liên hợp quốc về Chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (United Nations Convention against Transnational Organized Crime):

Nhận thấy mục đích của Công ước này là thúc đẩy hợp tác để ngăn ngừa và chống tội phạm tổ chức xuyên quốc gia một cách hiệu quả hơn, phù hợp với

lợi ích, với chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Việt Nam trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm, ngày 15/11/2000, Việt Nam đã quyết định thông qua Công ước của Liên hợp quốc về Chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.

Tại điểm h khoản 1 Điều 5 có đề cập đến việc xây dựng chương trình đào tạo cán bộ tư pháp để đấu tranh với tội phạm xuyên quốc gia có sử dụng mạng viễn thông, tội phạm công nghệ:

“Điều 5: Hình sự hoá việc tham gia vào một nhóm tội phạm có tổ chức

1. Mỗi Quốc gia thành viên, trong chừng mực cần thiết, sẽ khởi xướng, xây dựng hoặc phát triển một chương trình đào tạo đặc biệt cho các cán bộ hành pháp, bao gồm công tố viên, ĐTV, các cán bộ hải quan và những người khác có trách nhiệm trong việc phòng chống, phát hiện và kiểm soát các hành vi phạm tội được Công ước này điều chỉnh. Những chương trình đó có thể bao gồm gửi biệt phái hoặc trao đổi nhân viên. Trong chừng mực pháp luật trong nước cho phép, những chương trình đó cụ thể sẽ hướng dẫn về:

*[...] (h) Các phương thức được sử dụng để đấu tranh chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia có sử dụng máy vi tính, các mạng lưới viễn thông hay các công nghệ hiện đại khác;”*⁵⁶

Do đặc thù của loại tội phạm công nghệ cao là hoạt động trên môi trường mạng, mọi tổ chức, cá nhân có kết nối với mạng Internet đều có thể trở thành nạn nhân. Người phạm tội có thể ở một quốc gia này nhưng thực hiện hành vi phạm tội ở một quốc gia khác. Vì vậy, cùng với việc trở thành thành viên của Công ước chống tội phạm xuyên quốc gia, thì xã hội công nghệ số phát triển đòi hỏi nước ta cần có những bước tiến mới về lập pháp. Đề cao tính quan trọng của việc luật hóa các chế định về tội phạm công nghệ, cùng với đó là nguồn chứng cứ là DLĐT.

⁵⁶ *United Nations Convention against Transnational Organized Crime*, opened for signature 12 December 2000, UNTOC (entered into force 29 September 2003), Article 5.1.h.

- Công ước của Liên hợp quốc về Chống tham nhũng (United Nations Convention against Corruption):

Công ước này là văn bản pháp lý quốc tế quan trọng bao gồm những quy định tương đối toàn diện về phòng chống tham nhũng và hợp tác quốc tế trong phòng, chống tham nhũng. Các quy định của Công ước có nội dung phù hợp với những nguyên tắc của luật pháp quốc tế, trong đó có nguyên tắc tôn trọng chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

Sau thời gian chuẩn bị kỹ lưỡng, Chủ tịch nước ký Quyết định số 950/2009/QĐ-CTN ngày 30 tháng 06 năm 2009 Về việc phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về Chống tham nhũng, kể từ ngày 19 tháng 08 năm 2009 Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Công ước. Trong quá trình chuẩn bị phê chuẩn Công ước, Việt Nam đã kiểm tra, phân tích, xem xét đánh giá và đưa ra các kế hoạch cụ thể hoàn thiện thể chế cho phù hợp với các yêu cầu của Công ước; đồng thời, xây dựng kế hoạch thực hiện các cam kết và nâng cao mức độ tuân thủ các quy định của Công ước.⁵⁷

“Các quốc gia thành viên xem xét thực hiện các biện pháp phù hợp và khả thi yêu cầu các định chế tài chính, kể cả bên chuyển tiền:

*(a) Điền vào đơn chuyển tiền qua đường điện tử và các loại thư tín liên quan thông tin chính xác và có ý nghĩa về người gửi tiền;”*⁵⁸

Tội phạm truyền thống nói chung hay đặc biệt là tội phạm tham nhũng nói riêng ngày nay ít nhiều có thông qua môi trường mạng, điện tử để phạm tội. Điều này không hẳn hoàn toàn mang lại bất lợi cho nhà nước trong quá trình kiểm soát và xử lý tội phạm tham nhũng. Trên thực tế, các “giao dịch tham nhũng” tồn tại ở nhiều nơi trong xã hội, một môi trường quá rộng để có thể ngăn chặn và thanh lọc toàn bộ loại tội phạm này. Nhưng môi trường điện tử

⁵⁷ Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07 tháng 04 năm 2010 Về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về Chống tham nhũng.

⁵⁸ *United Nations Convention against Corruption*, opened for signature 09 December 2003, UNCAC (entered into force 14 December 2003), Article 14.3.

thì lại khác, tuy nói đây là loại môi trường phức tạp nhưng CQĐT có thể thực hiện quá trình truy vết tội phạm một cách dễ dàng hơn. Điều kiện ở đây là có chương trình đào tạo phù hợp, kịp thời cho các cán bộ điều tra, cán bộ tư pháp...; xây dựng một đội ngũ có chuyên môn cao, phải liên tục học tập, cập nhật, bổ sung kiến thức trong lĩnh vực CNTT đồng thời nắm bắt tâm lý người phạm tội; và đặc biệt là phải có hành lang pháp lý cụ thể, phối hợp chặt chẽ giữa luật nội dung và luật hình thức để tránh xét xử oan sai hay bỏ lọt tội phạm.

- Công ước của Hội đồng Châu Âu về Tội phạm mạng (Europe Convention on Cybercrime):

Trong khuôn khổ Hội thảo Pháp ngữ khu vực “Những thách thức về mặt pháp lý của sự phát triển CNTT và truyền thông: Thực trạng và triển vọng” tại Hà Nội ngày 18-19/11/2009, đại diện của Hội đồng châu Âu đã trình bày Công ước Budapest của Hội đồng Châu Âu về Tội phạm mạng. Công ước ra đời nhằm giải quyết nhu cầu cấp thiết về việc áp dụng một chính sách hình sự chung nhằm bảo vệ xã hội bằng việc xây dựng luật phù hợp và tăng cường hợp tác quốc tế; giải quyết những lo ngại về những rủi ro mà mạng máy tính và thông tin điện tử được sử dụng để thực hiện các hành vi phạm tội trong khi các chứng cứ liên quan đến tội phạm được lưu trữ và truyền tải bởi các mạng này.

Tại điểm b Điều 1 Công ước của Hội đồng Châu Âu về Tội phạm mạng định nghĩa: “*Dữ liệu máy tính là bất cứ sự thể hiện tình tiết thực tế, thông tin hoặc khái niệm theo một hình thức tương thích với việc xử lý trong hệ thống máy tính, bao gồm chương trình phù hợp với việc làm cho hệ thống máy tính thực hiện một số chức năng nhất định.*”⁵⁹ Cũng trong Hội thảo trên, đại diện Bộ Tư pháp cho biết: “*Hiện tại, ngoài việc sửa đổi BLHS (luật nội dung), BỘ LUẬT TTHS (luật hình thức) cũng đang trong giai đoạn dự thảo sửa đổi, sẽ phải bổ sung một số điều trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tội phạm mạng để giúp*

⁵⁹ *Europe Convention on Cybercrime*, opened for signature 23 November 2001, CET 185 (entered into force 01 July 2004), Article 1.b.

việc điều tra, truy tố có cơ sở pháp lý rõ ràng”, “Nếu luật quy định rõ về tội phạm, đây chính là điều kiện tiên quyết cho công tác đấu tranh với tội phạm đặc thù này”.⁶⁰

Như vậy, từ nhu cầu thực tiễn cũng như học hỏi điểm mới của các văn bản pháp lý quốc tế, Việt Nam bước đầu có những nhìn nhận, xem xét mức độ quan trọng của việc luật hóa các chế định liên quan đến tội phạm, chứng cứ chứng minh tội phạm trong lĩnh vực CNTT, mạng viễn thông. Từ đó đi đến việc hoàn thiện thể chế pháp luật phục vụ cho mục đích đấu tranh phòng, chống tội phạm công nghệ cao kiểu mới, và tội phạm truyền thống có sử dụng PTĐT.

2. Quy định của pháp luật một số quốc gia về nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử

- Pháp luật tố tụng hình sự của Cộng hoà Liên bang Đức

Các quy định nguồn chứng cứ là DLĐT được quy định rải rác trong 477 điều luật của Bộ luật TTHS năm 2001 của Cộng hoà Liên bang Đức, tuy nhiên những quy định quan trọng và cơ bản nhất tập trung ở Điều 100b, 100c, 100d, 100f, 101 và 110e...

+ Về thẩm quyền tiến hành thu thập, quản lý, sử dụng chứng cứ có nguồn là DLĐT, khoản 5 và 6 Điều 100d quy định:

“Các dữ liệu cá nhân thu được qua việc sử dụng các phương tiện kỹ thuật theo Điều 100c khoản (1), điểm 2, chỉ có thể được sử dụng làm chứng cứ trong các thủ tục TTHS khác khi những thông tin đó được đánh giá là cần thiết để xử lý một tội phạm quy định tại Điều 100a. Dữ liệu cá nhân thu được qua việc áp dụng biện pháp theo Điều 100c khoản (1), điểm 3, chỉ có thể được sử dụng làm chứng cứ trong các thủ tục TTHS khác khi những thông tin đó được đánh giá là cần thiết để xử lý một tội phạm quy định tại Điều 100c khoản (1), điểm 3.

⁶⁰ Hương Nguyên (2009), “Hội thảo Pháp ngữ về thách thức pháp lý trong phát triển CNTT và truyền thông”, *Báo Nhân dân điện tử*, [<https://nhandan.vn/thong-tin-so/Hoi-thao-Phap-ngu-ve-thach-thuc-phap-ly-trong-phat-trien-CNTT-va-truyen-thong-556920/>] (truy cập ngày 03/02/2021).

Ngay cả sau khi biện pháp quy định tại Điều 100c khoản (1), điểm 3, đã kết thúc, bị can và, trong trường hợp quy định tại Điều 100c khoản (2), câu năm, người chiếm giữ địa điểm riêng, có thể yêu cầu kiểm tra tính đúng pháp luật của quyết định đó và cách thức thực hiện nó. Trước khi có quyết định khởi tố, Tòa án quy định tại khoản (2), câu một, sẽ quyết định việc Tòa án thụ lý vụ việc. Tòa án có thể cho ý kiến về tính đúng pháp luật trong quyết định giải quyết”.

Tội phạm được quy định tại Điều 100a và 100c chủ yếu là các tội phạm nghiêm trọng trở lên, thuộc các nhóm tội: Các tội phạm chống lại hoà bình, phản bội Tổ quốc, chống lại chế độ dân chủ dựa trên pháp quyền, hoặc phản bội Tổ quốc và xâm phạm an ninh đối ngoại; Các tội phạm chống lại quốc phòng; Các tội xâm phạm trật tự công cộng; Xúi giục hoặc có liên quan đến việc đào ngũ hoặc xúi giục việc chống lệnh cấp trên; Các tội xâm phạm an ninh của quân đội; Tiền giả hoặc giấy tờ có giá giả; Buôn người; Giết người, ngộ sát hoặc diệt chủng; Tội xâm phạm tự do cá nhân; Trộm có tổ chức; Cướp hoặc cưỡng đoạt tài sản; Rửa tiền hoặc che dấu tài sản do phạm tội mà có; Tội phạm về ma túy;...

Đối với việc sử dụng thông tin la DLĐT của cá nhân được thu thập nhằm sử dụng làm chứng cứ, Điều 100e quy định: *“Các dữ liệu cá nhân thu thập được qua hoạt động trình sát chỉ có thể được sử dụng làm chứng cứ trong các hoạt động TTHS khác nếu những thông tin đó là cần thiết để đấu tranh với một trong các tội phạm quy định tại Điều 110a khoản (1); Điều 110d khoản (2).”*

+ Về trường hợp được thu thập, sử dụng chứng cứ có nguồn là DLĐT, Điều 100f quy định:

“(1) Dữ liệu cá nhân thu được qua việc áp dụng biện pháp quy định tại Điều 100c khoản (1), điểm 3, chỉ có thể được sử dụng cho thủ tục TTHS (Điều 100d khoản (5), câu hai) và trong những trường hợp cụ thể nhằm ngăn ngừa một mối nguy hiểm thực sự đe dọa tính mạng, sức khoẻ hoặc tự do hoặc tài sản của người khác.

(2) Khi dữ liệu cá nhân thu được qua việc áp dụng một biện pháp theo luật cảnh sát tương đương với biện pháp quy định tại Điều 100c khoản (1), điểm 3, dữ

liệu đó chỉ có thể được sử dụng là chứng cứ khi những thông tin đó được đánh giá là cần thiết để xử lý một tội phạm quy định tại Điều 100c khoản (1), điểm 3.”

Bên cạnh đó, Điều 101 còn quy định về việc cơ quan THTT thông báo cho các bên đương sự về các biện pháp điều tra được tiến hành theo quy định ở trên ngay khi việc này có thể tiến hành mà không ảnh hưởng đến mục đích của hoạt động điều tra, an ninh quốc gia, tính mạng, sức khỏe của người khác hoặc ảnh hưởng đến việc tiếp tục sử dụng trình sát khi điều tra.

- Pháp luật tố tụng hình sự của Cộng hòa Pháp

Quy định về thu thập, sử dụng chứng cứ có nguồn là DLĐT trong BỘ LUẬT TTHS Cộng hòa Pháp năm 2000 chủ yếu tập trung tại Điều 56, gồm các nội dung sau:

+ Theo quy định, việc thu thập, sử dụng chứng cứ có nguồn là DLĐT được tiến hành trong trường hợp:

“Khi loại tội nghiêm trọng là những tội mà chứng cứ chứng minh có thể được thu thập bằng việc tịch biên giấy tờ, tài liệu, DLĐT hoặc các đồ vật khác thuộc sở hữu của những người có vẻ là liên quan đến tội nghiêm trọng hoặc sở hữu những giấy tờ, thông tin hoặc đồ vật gắn liền với tội phạm, sỹ quan cảnh sát tư pháp đến ngay nơi ở của những người này để khám xét, và lập một báo cáo chính thức liên quan đến việc này.”

+ Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền tiến hành thu thập, sử dụng chứng cứ có nguồn là DLĐT, Điều luật này quy định:

“Chỉ có sỹ quan cảnh sát tư pháp và những người quy định tại điều 57 cũng những người mà sỹ quan cảnh sát tư pháp trưng dụng theo điều 60 có quyền xem xét các giấy tờ và tài liệu trước khi tịch biên.

Tuy nhiên trước đó sỹ quan cảnh sát tư pháp có nghĩa vụ tiến hành mọi biện pháp cần thiết để đảm bảo tôn trọng bí mật nghề nghiệp và các quyền bào chữa.

Mọi đồ vật và tài liệu tịch biên phải được kiểm kê và niêm phong ngay lập tức. Nhưng nếu việc kiểm kê tại chỗ gặp khó khăn thì những đồ vật, tài liệu

ấy sẽ được tạm thời niêm phong kín, cho đến khi tiến hành kiểm kê và niêm phong chính thức. Phải tiến hành công việc này với sự có mặt của những người đã chứng kiến việc khám xét theo đúng quy định của Điều 57. Việc tịch biên bất kì DLĐT nào cần thiết cho việc khám phá sự thật được tiến hành bởi thẩm phán, cả bằng việc nắm giữ chất liệu vật chất của dữ liệu này hoặc bản sao dữ liệu được tiến hành với sự có mặt của những người này khi tịch biên.

Nếu làm một bản sao, thì theo lệnh của công tố viên trưởng cấp sơ thẩm, bất kì DLĐT nào mà việc sở hữu hoặc sử dụng là bất hợp pháp hoặc nguy hiểm cho an toàn của người và tài sản có thể bị xóa vĩnh viễn khỏi bất kì chất liệu vật chất nào không được đưa vào lưu trữ tư pháp.

Sỹ quan cảnh sát tư pháp chỉ tịch biên các đồ vật tài liệu cần thiết cho việc xác định sự thật của vụ án khi được sự đồng ý của Viện trưởng Viện công tố bên cạnh Tòa sơ thẩm. Khi việc tịch biên liên quan đến tiền, kim loại quý hiếm, tài sản hoặc chứng khoán, việc gìn giữ nguyên vẹn những thứ này là không cần thiết cho việc khám phá sự thật, công tố viên trưởng cấp sơ thẩm có thể ra lệnh gửi những thứ này vào Văn phòng Lưu giữ hoặc Ngân hàng quốc gia Pháp.

... Nếu chúng cho thấy khả năng cung cấp thông tin về các đồ vật, tài liệu hoặc DLĐT bị tịch biên, người có mặt khi tiến hành tịch biên có thể bị sỹ quan cảnh sát tư pháp giữ lại hiện trường việc tịch biên trong khoảng thời gian cần thiết để hoàn thành những hoạt động này.”

- Pháp luật tố tụng hình sự của Cộng hòa liên bang Nga

Nguồn chứng cứ là DLĐT được quy định tại Điều 84 BỘ LUẬT TTHS Liên Bang Nga năm 2001, thuộc “những tài liệu khác” của nguồn chứng cứ, cụ thể:

“Điều 84. Những tài liệu khác

1. Những tài liệu khác được coi là chứng cứ, nếu những thông tin trong đó có ý nghĩa trong việc xác định những tình tiết quy định tại Điều 73 Bộ luật này.

2. Những tài liệu có thể chứa đựng những thông tin thể hiện dưới dạng văn bản hoặc dưới dạng khác. Trong đó có thể có các tài liệu bằng ảnh, phim, băng đĩa

audio và video và những vật khác có chứa đựng thông tin mà có thể nhận được, sử dụng được hoặc đệ trình được theo thủ tục quy định tại Điều 86 Bộ luật này.

3. Những tài liệu này được đưa vào hồ sơ vụ án và bảo quản trong thời hạn bảo quản theo yêu cầu của người quản lý hợp pháp, thì những tài liệu đã bị thu giữ và đưa vào hồ sơ vụ án hoặc bản sao của những tài liệu này có thể được trả cho họ.

4. Những tài liệu có những dấu hiệu quy định tại khoản 1 Điều 81 Bộ luật này được coi là vật chứng.”

Theo đó, nguồn chứng cứ là DLĐT theo BỘ LUẬT TTHS Liên Bang Nga gồm các tài liệu bằng ảnh, phim, băng đĩa audio và video và những vật khác” có chứa đựng thông tin mà có thể nhận được, sử dụng được hoặc đệ trình được theo thủ tục tại Điều 86 BỘ LUẬT TTHS Liên Bang Nga.

Quy định về nguồn chứng cứ là DLĐT của Liên Bang Nga liệt kê các loại nguồn và việc thu thập các loại nguồn này phải đúng quy định của Bộ luật TTHS thì mới có giá trị chứng minh trong VAHS. Đảm bảo chứng cứ thu thập từ những nguồn hợp pháp, theo đúng trình tự thủ tục qua đó đảm bảo các thuộc tính khách quan, tính liên quan và tính hợp pháp của chứng cứ thu thập được qua loại nguồn DLĐT.

Việc các nhà làm luật chỉ liệt kê các loại nguồn chứng cứ là DLĐT mà không đưa ra định nghĩa cụ thể nhằm làm sáng tỏ, tránh việc hiểu sai lệch các quy định của pháp luật về nguồn chứng cứ. Bên cạnh đó, các loại nguồn chứng cứ rất đa dạng, việc đưa ra định nghĩa nguồn chứng cứ bao hàm hết các vấn đề là rất khó khăn.

- Pháp luật tổ tụng hình sự của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

Bộ luật TTHS của Trung Quốc được Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc lần thứ 5 thông qua năm 1979 và được sửa đổi, bổ sung vào năm 1996 đã có những quy định về chứng cứ có nguồn là DLĐT, cụ thể như sau:

+ Về nguồn của chứng cứ là DLĐT, Điều 42 quy định:

“Điều 42. Mọi tình tiết chứng minh sự thật của vụ án đều là chứng cứ.

Chứng cứ gồm 7 loại dưới đây:

- 1) Vật chứng, tài liệu làm chứng;*
- 2) Lời khai của người làm chứng;*
- 3) Lời khai của người bị hại;*
- 4) Lời khai và lời bào chữa của nghị can, bị cáo;*
- 5) Kết luận giám định;*
- 6) Biên bản khám nghiệm, điều tra;*
- 7) Tài liệu âm thanh, hình ảnh.*

Tất cả những chứng cứ trên phải được kiểm tra trước khi có thể được sử dụng làm cơ sở để quyết định vụ án.”

Như vậy, theo quy định này, DLĐT gồm tài liệu âm thanh, hình ảnh là một trong các nguồn của chứng cứ.

+ Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền tiến hành thu thập, bảo quản, sử dụng DLĐT, Bộ luật quy định: *“Thẩm phán, kiểm sát viên, ĐTV phải, theo trình tự thủ tục được quy định trong luật, phải thu thập các loại chứng cứ khác nhau để có thể chứng minh sự có tội hay vô tội của nghị can, bị cáo và mức độ nghiêm trọng của tội phạm. Nghiêm cấm việc bức cung, dùng nhục hình và thu thập chứng cứ bằng các biện pháp như đe dọa, dụ dỗ, lừa gạt và các biện pháp bất hợp pháp khác. Phải được đảm bảo điều kiện để cho mọi công dân có liên quan đến vụ án hoặc người có thông tin về các tình tiết của vụ án cung cấp chứng cứ một cách khách quan và đầy đủ, trừ những trường hợp đặc biệt, họ có thể được mời tới để hỗ trợ điều tra vụ án.”*

“Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) và cơ quan công an có quyền thu thập chứng cứ tại các đơn vị và cá nhân liên quan. Các đơn vị và cá nhân liên quan phải cung cấp các chứng cứ một cách chính xác.

Những chứng cứ liên quan đến bí mật quốc gia phải được giữ bí mật.

Người làm sai lệch, che giấu hoặc tiêu huỷ chứng cứ, bất kể là bên nào

trong vụ án đều bị truy cứu trách nhiệm pháp lý.”(Điều 45)

Đồng thời, Điều 110 còn quy định nghĩa vụ giao nộp vật chứng, chứng cứ là DLĐT cho cơ quan THTT: “Mọi tổ chức hoặc cá nhân đều có nghĩa vụ phải giao nộp vật chứng, chứng cứ bằng tài liệu hoặc âm thanh - hình ảnh có thể chứng minh việc có tội hay vô tội theo yêu cầu của Viện kiểm sát và cơ quan Công an.”

Ngoài ra, các quy định chung về hoạt động thu giữ đồ vật, tài liệu là chứng cứ và hoạt động giám định còn được quy định từ Điều 144 đến 118 (mục VI) và từ Điều 119 đến 122 (mục VII). Đây cũng chính là cơ sở pháp lý quan trọng cho cơ quan THTT tiến hành các hoạt động thu giữ, bảo quản, sử dụng chứng cứ nói chung, chứng cứ là DLĐT nói riêng.

- Pháp luật tổ tụng hình sự của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ

Kết quả nghiên cứu của Sean E. Goodison, Robert C. Davis và Brian A. Jackson trong công trình: *Digital Evidence and the U.S. Criminal Justice System - Identifying Technology and Other Needs to More Effectively Acquire and Utilize Digital Evidence (Chứng cứ kỹ thuật số và hệ thống tư pháp hình sự Hoa Kỳ - Nhận diện công nghệ và các nhu cầu khác để thu thập và sử dụng chứng cứ kỹ thuật số hiệu quả hơn)*, ấn hành năm 2015 đã chỉ ra: Bằng chứng kỹ thuật số có phạm vi rộng hơn, có thể nhạy cảm hơn về mặt cá nhân, có tính di động và yêu cầu các công cụ và đào tạo khác so với bằng chứng vật lý. Thu thập bằng chứng kỹ thuật số không chỉ là việc sử dụng công nghệ mới trong nội bộ để trích xuất thông tin mà còn là nhu cầu của cơ quan thực thi pháp luật để liên tục phản ứng với sự thay đổi của công nghệ bên ngoài.

Nghiên cứu pháp luật TTHS của Hoa Kỳ chúng tôi nhận thấy thủ tục tố tụng nói chung, thủ tục thu thập, bảo quản, sử dụng chứng cứ có nguồn là DLĐT nói riêng đều phải tuân thủ nguyên tắc về TTHS của liên bang, của các bang, các nguyên tắc và quy định của các cơ quan Bộ Tư pháp và trên cơ sở quy định của Hiến pháp Hoa Kỳ, Luật nhân quyền, Hiến pháp các tiểu bang, tổng luật Mỹ, các đạo luật của các bang, các quyết định của các Tòa án. Điển

hình là Quy tắc về chứng cứ liên bang (Federal Rules of Evidence - FRE) lần đầu tiên được thông qua năm 1975, hệ thống hóa luật chứng cứ áp dụng tại các tòa án liên bang của Hoa Kỳ. Ngoài ra, nhiều tiểu bang ở Hoa Kỳ đã áp dụng quy tắc về chứng cứ của Liên bang, có hoặc không có các biến thể địa phương, hoặc đã sửa đổi các quy tắc hoặc quy tắc chứng cứ của riêng họ để ít nhất tuân theo một phần các quy tắc của liên bang.

Theo đó, quy định về nguồn chứng cứ DLĐT được quy định tại Quy tắc 1001 về “văn bản, ghi âm và ảnh”: “văn bản” bao gồm các chữ cái, từ, số hoặc các chữ cái tương đương được viết ra dưới bất kỳ hình thức nào; “ghi âm” bao gồm các chữ cái, từ, số, hoặc các ký tự tương đương được ghi lại theo bất kỳ cách nào; “ảnh” có nghĩa là ảnh chụp hoặc ảnh tương đương được lưu trữ dưới bất kỳ hình thức nào. Các loại nguồn này có thể là bản gốc hoặc bản sao: “Đối với thông tin được lưu trữ điện tử, bản gốc có nghĩa là bất kỳ bản in nào - hoặc đầu ra khác có thể đọc được bằng mắt - nếu nó phản ánh chính xác thông tin. Bản gốc của một bức ảnh bao gồm âm bản hoặc bản in từ nó” (điểm d Quy tắc 1001). “Bản sao có nghĩa là bản sao được tạo ra bằng quy trình hoặc kỹ thuật cơ khí, nhiếp ảnh, hóa học, điện tử hoặc tương đương khác sao chép chính xác bản gốc” (điểm e Quy tắc 1001).

Theo quy tắc về chứng cứ Liên bang, các loại nguồn chứng cứ “văn bản, ghi âm và ảnh” ở bản gốc phải đảm bảo “*Bản gốc văn bản, ghi âm và ảnh cần được yêu cầu để chứng minh nội dung của nó trừ khi các quy tắc này hoặc quy chế liên bang quy định khác*” (Quy tắc 1002); ở bản sao cần phải đảm bảo “*Bản sao có thể được chấp nhận ở cùng mức độ với bản gốc trừ khi người ta đặt ra câu hỏi xác thực về tính xác thực của bản gốc hoặc hoàn cảnh khiến việc thừa nhận bản sao là không công bằng*” (Quy tắc 1003).

Mặc dù việc khai thác bằng chứng kỹ thuật số là một công cụ tương đối mới cho các cuộc điều tra thực thi pháp luật, nhưng cơ quan thực thi pháp luật chủ yếu dựa vào bằng chứng kỹ thuật số để có thông tin quan trọng về cả nạn

nhân và nghi phạm. Do số lượng bằng chứng kỹ thuật số có sẵn tiềm năng nên những trường hợp thiếu bằng chứng đó sẽ khó phát triển và giải quyết hơn. Ba cuộc điều tra gần đây minh họa tầm quan trọng của bằng chứng kỹ thuật số đối với cộng đồng tư pháp hình sự - một trường hợp đưa ra một ví dụ về cách pháp y kỹ thuật số có thể đóng vai trò trung tâm trong việc kết thúc và truy tố vụ án, một trường hợp khác cho thấy những sai sót bằng chứng kỹ thuật số có thể gây ra những tác động nghiêm trọng như thế nào và trường hợp cuối cùng nêu bật những thách thức đối với hoạt động điều tra hiện đại khi bằng chứng kỹ thuật số bị hạn chế hoặc không tồn tại.

3. Nhận xét, đánh giá các quy định của pháp luật quốc tế và một số nước trên thế giới về nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử

Như vậy qua nghiên cứu nguồn chứng cứ là DLĐT trong pháp luật TTHS của quốc tế và một số quốc gia cho thấy sự cập nhật cũng như tiến bộ của các quốc gia trong việc quy định nguồn chứng cứ là DLĐT trong luật TTHS. Cụ thể:

Một là, các nước đã quy định khái niệm một cách chung nhất về DLĐT, bởi vì đặc điểm như đã phân tích về DLĐT là có sự phát triển rất nhanh về công nghệ. Có thể có các loại DLĐT mới xuất hiện mà các nhà lập pháp sẽ không biết trước được những đặc điểm của dữ liệu đó, làm cho quy định pháp luật sẽ không phù hợp. Do đó, các nước đã có khái niệm chung nhất về nguồn chứng cứ là DLĐT.

Hai là, các nước có quy định về cụ thể về bản sao của DLĐT là như thế nào, và việc thực hiện phân tích, phục hồi, kiểm tra, đánh giá nguồn chứng cứ là DLĐT trên bản sao. Việc quy định như vậy sẽ giúp cho các cơ quan có thẩm quyền THTT xác định chính xác bản sao về trình tự, thủ tục cũng như cách thức khởi tạo bản sao trong TTHS.

Ba là, một số nước đã có quy định cụ thể về trình tự, thủ tục thu thập, thu giữ, bảo quản và sử dụng, khai thác DLĐT nhằm đảm bảo khả năng chứng minh tội phạm của loại nguồn chứng cứ này. Cùng với đó nhiều nước đã có

quy định riêng về vấn đề giám định DLĐT.

Bốn là, đa số các nước quy định việc tiến hành biện pháp thu thập, bảo quản, sử dụng DLĐT làm chứng cứ chứng minh tội phạm là một dạng biện pháp điều tra đặc biệt chỉ được tiến hành khi thực sự cần thiết; một số hoạt động phải được sự chấp thuận của Tòa án trước khi tiến hành và việc tiến hành các biện pháp này phải đảm bảo không cản trở hoạt động điều tra, làm ảnh hưởng an ninh quốc gia, lợi ích hợp pháp và các quyền nhân thân của đương sự.

Từ những nghiên cứu nêu trên, chúng tôi cho rằng pháp luật TTHS của Việt Nam cần tiếp tục được hoàn thiện trên cơ sở tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm pháp luật của một số quốc gia trên thế giới như Cộng hòa Liên bang Đức, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, Liên bang Nga, Cộng hòa Pháp, Cộng hòa dân chủ nhân dân Trung Hoa, cụ thể đó là:

Một là, thống nhất về mặt thuật ngữ trong các quy định của Điều 107, đồng thời có thể nhập Điều 196 vào Điều 107 Bộ luật TTHS 2015 và sửa đổi tên điều luật thành “Thu thập DLĐT, thu giữ phương tiện điện tử” để bảo đảm thống nhất về nhận thức và thực tiễn tiến hành.

Hai là, cần phải bổ sung việc giám định DLĐT trong một số trường hợp vào Điều 206 Bộ luật TTHS 2015 hoặc cần phải có hướng dẫn cụ thể về việc giám định DLĐT bắt buộc trong một số trường hợp.

Ba là, cần thiết phải ban hành những hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục thu thập, bảo quản, sử dụng DLĐT làm chứng cứ chứng minh tội phạm để thực hiện một cách thống nhất, nâng cao hiệu quả trong công tác đấu tranh phòng chống loại tội phạm liên quan đến vấn đề này. Ngoài nội dung quy định về trình tự, thủ tục, cách thức thu thập, bảo quản, sử dụng DLĐT, cần có nội dung về việc tiêu hủy DLĐT, nhất là các dữ liệu về thông tin cá nhân trong trường hợp không sử dụng làm chứng cứ hoặc hết giá trị sử dụng nhằm đảm bảo quyền, lợi ích của các đương sự có liên quan.

Bốn là, nghiên cứu mở rộng phạm vi các trường hợp áp dụng biện pháp

điều tra tố tụng đặc biệt so với quy định tại Điều 224 nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan chức năng trong điều tra các loại tội phạm thực hiện trên môi trường “không gia mạng”. Cụ thể như các tội: “*Tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về ma túy, tội phạm về tham nhũng, Tội khủng bố, Tội tài trợ khủng bố, Tội rửa tiền, Tội đưa hối lộ, Tội môi giới hối lộ, Tội lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ quyền hạn để trục lợi*”.

Năm là, sửa đổi khoản 1 Điều 227 Bộ luật TTHS năm 2015 theo hướng: Quy định rõ thông tin, tài liệu thu thập qua tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt được sử dụng vào việc khởi tố bị can; không tiêu hủy những thông tin, tài liệu không liên quan đến vụ án đang điều tra nhưng liên quan đến tội phạm khác chưa được khởi tố và nghiêm cấm sử dụng thông tin, tài liệu, chứng cứ thu thập được vào mục đích trái pháp luật. Như vậy, sẽ đạt được cả hai yêu cầu: Không bỏ lọt tội phạm và không xâm phạm đến quyền con người, quyền công dân.

Sáu là, cần có quy định riêng về giám định dữ liệu điện tử. Bởi lẽ, trong thực tiễn THTT, hoạt động giám định DLĐT do giám định viên tư pháp thực hiện phần lớn là hoạt động phục hồi, giải mã, phân tích tập trung vào việc tìm kiếm dữ liệu đang lưu, tồn tại trong thiết bị lưu trữ trên mạng hoặc trong thiết bị kỹ thuật số của cá nhân để tìm dữ liệu làm chứng cứ. Đây không phải là hoạt động so sánh, truy nguyên đồng nhất DLĐT vì không có file gốc làm chuẩn mà hoạt động này chỉ nhằm tìm kiếm dữ liệu có nội dung liên quan đến hành vi phạm tội, thủ phạm, nạn nhân hoặc thiệt hại. Sau khi có kết luận giám định, chứng cứ điện tử được chuyển hóa thành chứng cứ vật chất kết hợp với các chứng cứ khác liên quan như vật chứng, lời khai... là căn cứ chứng minh làm rõ sự thật khách quan của vụ án.

Chương 2. THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ NGUỒN CHỨNG CỨ LÀ DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

I. TÌNH HÌNH TỘI PHẠM THUỘC THẨM QUYỀN ĐIỀU TRA CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA TRONG NĂM 2024

Nghiên cứu báo cáo tổng kết của Hội nghị công tác Cảnh sát điều tra năm 2024 cho thấy tình hình tội phạm hình sự, kinh tế, ma túy như sau:

1. Tình hình tội phạm hình sự

Trong năm 2024 cả nước xảy ra 64.621 vụ (*giảm 9,98% so với năm 2023*), bắt giữ 93.731 đối tượng, *trong đó*: 23.819 đối tượng không có nghề nghiệp (*chiếm 25,41%*), 10.668 đối tượng chưa thành niên (*chiếm 11,38%*), 1.741 đối tượng nghiện ma túy (*chiếm 1,86%*); 8.697 đối tượng có tiền án, tiền sự (*chiếm 9,28%*); 2.873 đối tượng trong diện sơ tra (*chiếm 3,07%*); 8.260 đối tượng là nữ (*chiếm 8,81%*); 142 đối tượng người nước ngoài (*chiếm 0,15%*); 605 đối tượng là đảng viên (*chiếm 0,65%*)... Tỷ lệ điều tra, khám phá đạt 74.73% (*tăng 5,41% so với năm 2023*); triệt phá 91 băng nhóm tội phạm.

Đánh giá tình hình tội phạm hình sự năm 2024 cho thấy các loại tội phạm “truyền thống” cơ bản được kiềm chế, kéo giảm như: Giết người giảm 25,99%; cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác giảm 7,43%; Hiếp dâm giảm 1,82%; Trộm cắp tài sản giảm 18,43%; Cướp tài sản giảm 15,11%; Cướp giật tài sản giảm 22,16%; Lừa đảo chiếm đoạt tài sản giảm 4,76%; Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản giảm 12,99%. Tội phạm có sự đan xen giữa thủ đoạn truyền thống với công nghệ cao; tội phạm sử dụng công nghệ cao hoàn toàn và tội phạm có thủ đoạn hoạt động phạm tội mới gần như đã được nhận diện, điều tra, xử lý kịp thời, đồng thời tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi đến các tầng lớp nhân dân biết, phòng ngừa, trong đó nổi lên các loại tội phạm sau:

- Tội phạm cưỡng đoạt tài sản xảy ra 610 vụ (*chiếm 0,94%; giảm 1,08%*), 858 đối tượng; khởi tố 469 vụ, 862 bị can. *Nổi lên:*

+ Thủ đoạn truyền thống xảy ra 310 vụ (*chiếm 50,82%*); khởi tố 262 vụ (*đạt 84,52% số vụ phạm tội dưới dạng thủ đoạn truyền thống*), nổi lên với một số hành vi như: Bắt giữ người trái pháp luật nhằm cưỡng đoạt tài sản (xảy ra tại Hà Nội, Đồng Nai, Kiên Giang, Hà Tĩnh, Đắk Lắk), điển hình có vụ do người nước ngoài là chủ mưu, cầm đầu⁶¹; lợi dụng việc bị hại có những sai phạm trong thực hiện nhiệm vụ đe dọa tố cáo để đòi tiền⁶²; quay phim, chụp ảnh tổng tiền doanh nghiệp⁶³; giả danh Cảnh sát hình sự, cán bộ thương binh, phóng viên, nhà báo để cưỡng đoạt tài sản⁶⁴. Tái diễn các hành vi sử dụng chất thải để khủng bố, đòi nợ⁶⁵, thu phí “tiền bãi, tiền cổng” tại các bãi xe, cửa khẩu⁶⁶; đào trộm hài cốt, sử dụng làm công cụ đe dọa cưỡng đoạt tài sản (xảy ra tại xã Quảng Lưu, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa).

+ Thủ đoạn truyền thống đan xen công nghệ cao xảy ra 194 vụ (*chiếm 40,9%*), khởi tố 124 vụ (*đạt 63,92%*), tiếp tục nổi lên tình trạng các đối tượng dùng thủ đoạn đe dọa đưa thông tin (*bài viết, hình ảnh, clip nhạy cảm về đời tư của bị hại...*) lên mạng xã hội, mạng Internet để cưỡng đoạt tài sản⁶⁷ hoặc dùng hình ảnh quay, chụp được khi yêu nhau để đe dọa tổng tiền⁶⁸, nạn nhân không chỉ là nữ giới mà đã xuất hiện cả nam giới (Quảng Bình). Tình trạng các băng nhóm tội phạm hoạt động núp bóng công ty luật, ký hợp đồng tư vấn pháp luật;

⁶² Điển hình: Ngày 27/5/2024, Công an huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội bắt quả tang Phan Văn Tiệp, trú tại Mỹ Đức, Hà Nội về hành vi cưỡng đoạt tài sản...

⁶³ Điển hình: Công an tỉnh Phú Thọ bắt giữ đối tượng Lê Văn Thắng, sinh năm 1984, trú tại xã Liên Bảo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh về hành vi trên...

⁶⁴ Điển hình: Ngày 27/5/2024, Công an tỉnh Bình Định bắt 2 đối tượng giả danh Công an cưỡng đoạt tài sản...

⁶⁵ Điển hình: Ngày 15/7/2024, Công an huyện Đông Anh, TP. Hà Nội bắt giữ nhóm đối tượng do Lưu Văn Chuông, sinh năm 1993, trú tại xã Hoàng Kim, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội cầm đầu có hành vi tạt chất thải vào nhà con nợ để đòi tiền lãi...

⁶⁶ Điển hình: Ngày 25/5/2024, Công an tỉnh Lào Cai bắt giữ 1 đối tượng về hành vi cưỡng đoạt tài sản của các xe chờ hàng qua lại Cửa khẩu Kim Thành...

⁶⁷ Điển hình: Ngày 08/6/2024, Công an thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang bắt, tạm giam đối với đối tượng Lê Văn Đol, trú tại phường Tịnh Biên, TX. Tịnh Biên, tỉnh An Giang về hành vi dùng clip nhạy cảm để cưỡng đoạt tài sản.

⁴¹¹ Điển hình: Ngày 11/9/2024, Công an huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa bắt giữ đối tượng Phạm Văn Ngọc, sinh năm 2005 về hành vi cưỡng đoạt tài sản với thủ đoạn như trên...

công ty tài chính cầm đồ, lợi dụng việc đôn đốc thu hồi nợ, mua bán nợ nhưng thực chất là đòi nợ trái pháp luật, cưỡng đoạt tài sản tiếp tục diễn biến phức tạp.

+ Thủ đoạn mới xảy ra 106 vụ (*chiếm 8,28%*), khởi tố 83 vụ (*đạt 78,3%*): Giả danh Cảnh sát quốc tế để cưỡng đoạt tài sản của du khách nước ngoài tại Việt Nam⁶⁹; gọi điện điều nạn nhân đến nơi hẹn trước để bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản⁷⁰; gây quỹ với danh nghĩa để tôn vinh, ủng hộ, làm từ thiện giúp đỡ công nhân vệ sinh môi trường có hoàn cảnh khó khăn nhưng dùng thủ đoạn để ép, cưỡng đoạt tài sản của doanh nghiệp (xảy ra tại Tạp chí Môi trường và Đô thị Việt Nam); uy hiếp cưỡng đoạt tài sản bằng việc đưa ra thông tin giả về việc sử dụng dung dịch xyanua (xảy ra tại Sân bay Nội Bài, Hà Nội); đe dọa đầu độc nhằm cưỡng đoạt tài sản (xảy ra tại CTCP điện nước An Giang).

- Tội phạm mua bán người xảy ra 63 vụ, (*chiếm 0,1%*), *tăng 8,47%*), khởi tố 44 vụ, 113 bị can, tiếp tục diễn biến phức tạp với các thủ đoạn lợi dụng công nghệ thông tin (internet, điện thoại...); sử dụng tài khoản “ảo”, SIM điện thoại không chính chủ, tên, tuổi, địa chỉ giả để kết bạn, làm quen, yêu đương, sau đó hứa hẹn đưa nạn nhân đi làm “*việc nhẹ lương cao*”, lấy chồng người nước ngoài có cuộc sống giàu sang, rồi đưa, bán nạn nhân sang Lào, Campuchia, Myanmar, Dubai... làm mại dâm, làm vợ bất hợp pháp⁷¹ hoặc lừa bán làm nhân viên phục vụ tại quán karaoke, cắt tóc, massage trong nước.

- Tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra 11.472 vụ, chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu tội phạm (*chiếm 17,78%*), *giảm 4,76%*); khởi tố 8.658 vụ, 5.530 bị can, diễn biến phức tạp, với nhiều thủ đoạn tinh vi, khó lường, đặc biệt là sự dịch chuyển mạnh mẽ thủ đoạn từ “*truyền thống*” sang sử dụng công nghệ cao,

⁶⁹ Vụ 2 đối tượng người Iran, Pakistan mua một thẻ Interpol giả tại Thái Lan, sau đó, đe dọa, cưỡng đoạt tiền của du khách người tại phố cổ Hà Nội.

⁷⁰ Điển hình: Vụ 4 đối tượng lên kế hoạch liên hệ 1 Phó Giám đốc công ty trang trí nội thất đến tư vấn rồi bắt cóc, đòi tiền chuộc 10 tỷ đồng tại Hậu Giang...

⁷¹ Điển hình: Phát hiện, triệt phá đường dây hoạt động mua bán phụ nữ sang Trung Quốc núp bóng hình thức môi giới hôn nhân tại TP. Hồ Chí Minh, Đắk Nông và các tỉnh miền Tây; Ngày 22/8/2024, Công an tỉnh Đồng Nai đã phối hợp với C02 và các đơn vị liên quan tổ chức không chế, bắt giữ nhóm đối tượng có hành vi mua bán người, sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm...

không gian mạng. *Nổi lên:*

+ Phương thức, thủ đoạn truyền thông: Xảy ra 4.781 vụ (*chiếm 41,68%*), khởi tố 3.391 vụ (*đạt 70,9% số vụ phạm tội dưới dạng thủ đoạn truyền thông*), *nổi lên:* Vay, mượn, thuê mua, cầm cố tài sản sau đó đưa thông tin sai lệch nhằm chiếm đoạt tài sản⁷²; thông qua lập “hụi, họ” sau đó sử dụng các thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản⁷³; dùng thủ đoạn gian dối nâng khống số tiền đặt cọc mua đất, làm giả giấy tờ đặt cọc chiếm đoạt tài sản⁷⁴; Giả danh cán bộ Công an, cán bộ Sở tài nguyên môi trường để lừa đảo chiếm đoạt tài sản⁷⁵. Ngoài ra: Giả mạo nhân viên công ty xuất khẩu lao động nhận tiền đặt cọc hứa đưa bị hại đi xuất khẩu lao động sau đó chiếm đoạt tiền; sử dụng giấy tờ giả liên quan đến đất đai để chiếm đoạt tài sản; giới thiệu có mối quan hệ quen biết nhận chạy việc, chạy án⁷⁶...

+ Thủ đoạn truyền thông đan xen công nghệ xảy ra 3.129 vụ (*chiếm 27,28%*), khởi tố 2.915 vụ (*đạt 93,16%*), tiếp tục diễn biến phức tạp với các hành vi như: Thông qua mạng xã hội, mạng internet giả danh Công an, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát... để lừa đảo chiếm đoạt⁷⁷; lừa đảo thông qua giao dịch hàng hóa trên mạng xã hội, các đối tượng đưa thông tin về các sản phẩm với giá rẻ hơn thị trường khiến người mua hàng tin, chuyển tiền đặt sau đó chiếm đoạt⁷⁸; tạo tài khoản Facebook, Zalo... để làm quen, tán tỉnh, hẹn hò sau đó đưa ra các thủ đoạn gian dối yêu cầu bị hại chuyển tiền rồi chiếm đoạt⁷⁹; đăng tải

⁷² Điển hình: Công an huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên bắt, khởi tố bị can đối với Nguyễn Đức Khải, trú tại Hải Dương và Đinh Văn Hải, trú tại Hải Phòng về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn nhận cầm cố tài sản sau đó sử dụng hành vi gian dối để chiếm đoạt...

⁷³ Điển hình: Ngày 06/9/2024, Công an tỉnh An Biên, tỉnh Kiên Giang bắt đối tượng Ngô Thị Kiềm, trú tại huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang về hành vi lập các đường dây hụi ma nhằm lừa đảo chiếm đoạt tài sản...

⁷⁴ Điển hình: Ngày 09/9/2024, Công an tỉnh Quảng Nam bắt giữ đối tượng Nguyễn Thị Ánh Hồng, trú tại TP. Quảng Ngãi về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với thủ đoạn trên...

⁷⁵ Điển hình: Thái Nguyên bắt đối tượng Bùi Anh Tuấn về hành vi giả danh Công an LDCĐT...

⁷⁶ Điển hình: Ngày 30/5/2024, CAT Hà Tĩnh bắt đối tượng Nguyễn Đức Hứa về hành vi tự nhận có mối quan hệ quen biết với lãnh đạo huyện, tỉnh có thể làm hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất, sau đó kêu gọi góp vốn đầu tư để chuyển đổi mục đích sử dụng đất bán kiếm lời.

⁷⁷ Điển hình: Ngày 14/8/2024, Công an huyện Sin Hồ, tỉnh Lai Châu bắt giữ đối tượng Lý Thị Đành, trú tại tỉnh Lai Châu về hành vi giả danh Công an lừa đảo chiếm đoạt tài sản...

⁷⁸ Điển hình: Kon Tum bắt, khởi tố bị can đối với Nguyễn Đức Duy, trú tại tỉnh Kon Tum về hành vi trên.

⁷⁹ Điển hình: Tại Hà Đông, Hà Nội xảy ra vụ việc 1 phụ nữ bị đối tượng lạ làm quen, hẹn hò trên mạng sau khi nói

các video, quà từ thiện để tạo lòng tin đối với bị hại, để dụ dỗ đầu tư tài chính, hoặc chuyển tiền làm từ thiện sau đó chiếm đoạt tài sản; Tạo giả các hóa đơn thanh toán, gửi kèm mã QR theo đơn hàng; lừa đảo thông qua việc kêu gọi đầu tư chứng khoán quốc tế, tiền ảo, tiền kỹ thuật số để chiếm đoạt tài sản (TP. Hồ Chí Minh).

+ Thủ đoạn sử dụng công nghệ cao hoàn toàn xảy ra 2.349 vụ (chiếm 20,48%), khởi tố 1.286 vụ (đạt 54,7%), tiếp tục nổi lên các hành vi: Quảng cáo combo du lịch giá rẻ, cuộc gọi video deepfake, deep voice, lừa đảo khóa sim do chưa chuẩn hóa; giả danh giáo viên, nhân viên y tế để thông báo người thân đang cấp cứu; giả mạo ngân hàng, đánh cắp thông tin cá nhân để vay nợ tín dụng; sử dụng công nghệ AI để tạo cuộc gọi giả, bán hàng điện tử trên không gian mạng; giả trạm BTS để phát tán tin rác, lừa đảo chiếm đoạt tài sản... Tình trạng người Việt Nam thành lập công ty, hoạt động lừa đảo tại Lào, Campuchia vẫn tiềm ẩn diễn biến phức tạp⁸⁰.

+ Thủ đoạn phạm tội mới xảy ra 1.213 vụ (chiếm 10,56%), khởi tố 976 vụ (đạt 80,46%). Một số phương thức lừa đảo mới sau: ⁽¹⁾Lợi dụng kêu gọi từ thiện trên mạng xã hội⁸¹, đặc biệt là lợi dụng hoạt động từ thiện ủng hộ miền Bắc sau cơn bão Yagi thành cơ hội lừa đảo chiếm đoạt tài sản⁸²; ⁽²⁾Giả mạo quỹ đầu tư PYN LITE để lừa đảo⁸³; ⁽³⁾Mạo danh tổng công ty hàng không Việt Nam kêu gọi đầu tư; ⁽⁴⁾Sử dụng ứng dụng VssID giả (làm giả ứng dụng của Bảo hiểm xã hội Việt Nam) để lừa đảo chiếm đoạt tài sản; ⁽⁵⁾Kêu gọi đầu tư online, làm cộng

chuyện làm quen thì xưng hô vợ chồng tạo lòng tin, sau đó dụ dỗ nạn nhân chuyển tiền để đối tượng đăng ký giúp nạn nhân tài khoản chơi game trực tuyến rồi chiếm đoạt 914 triệu đồng.

⁸⁰ Điển hình: Ngày 09/9/2024, Công an tỉnh Quảng Bình bắt giữ nhóm đối tượng do Phạm Anh Trương, sinh năm 1993, trú tại tỉnh Hà Nam cầm đầu về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua việc lập công ty tại Campuchia với nhiều nhân viên là người Việt Nam, để thực hiện hành vi phạm tội...

⁸¹ Để thực hiện hình thức này các đối tượng lập nhiều tài khoản giả mạo, để hình đại diện là các tổ chức từ thiện uy tín và đăng những bài đăng nói về các số phận bất hạnh, đính kèm số tài khoản chính thống của các tổ chức từ thiện sau đó tại phần bình luận các đối tượng cập nhật thông tin số tài khoản trên bài đăng bị lỗi và đăng số tài khoản của mình để nhận tiền từ các nhà hảo tâm từ đó chiếm đoạt tài sản.

Điển hình: Ngày 11/9/2024, trên mạng xã hội xuất hiện trang fanpage giả mạo UBMTTQ huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ để lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua kêu gọi ủng hộ các gia đình bị ảnh hưởng bởi sập cầu Phong Châu.

⁸³ Các đối tượng lợi dụng uy tín và tầm ảnh hưởng của quỹ đầu tư này để tạo các group chat và website bằng tiếng Việt lấy tên là PYN Elite để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

tác viên online; ⁽⁶⁾Tạo trang web đánh bạc giả để dẫn dụ người chơi nạp tiền rồi chiếm đoạt⁸⁴; ⁽⁷⁾Giả danh vừa là người mua, vừa là người bán hàng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản⁸⁵; ⁽⁸⁾Giả làm nhân viên ngân hàng hỗ trợ kích hoạt trực tuyến cài đặt sinh trắc học đối với các tài khoản ngân hàng nhằm chiếm đoạt tài sản; ⁽⁹⁾Tạo mã quét QR tặng tiền treo tại cửa nhà dân, xe máy dựng ở các nơi công cộng nhằm chiếm đoạt tài sản (*Tp. Hồ Chí Minh, Thái Nguyên, Bắc Giang...*). ⁽¹⁰⁾Lập nhóm giao hàng tiết kiệm, cung cấp tài khoản giả mạo để chiếm đoạt tài sản (*Đồng Nai*); ⁽¹¹⁾Tìm hiểu về thân nhân của người phạm tội bị bắt, tạm giữ, tạm giam, xử phạt tù, sau đó giả mạo người phạm tội nhắn tin yêu cầu người thân chuyển tiền để chạy án, chạy tội; khi người nhà đồng ý thì giả làm cán bộ Công an để nhận tiền, chiếm đoạt (*Sơn La*); ⁽¹²⁾Mời gọi đầu tư nuôi bò online (*Hà Tĩnh*); ⁽¹³⁾Tạo lập nhóm trên Facebook đăng tin tích cực về lực lượng Cảnh sát giao thông để tạo uy tín, tự nhận có khả năng “*làm luật, bao luật*” để nhận tiền của các chủ xe, tài xế rồi chiếm đoạt (CAT Sơn La phát hiện 2 đối tượng); ⁽¹⁴⁾Tạo lập các hội nhóm trên mạng như: “*Tiếp nhận thông tin thu hồi vốn treo*”, “*Lấy lại tiền bị lừa qua mạng*”... đính kèm các trang mạng giao diện giả mạo của Bộ Công an để tạo niềm tin thực hiện hành vi lừa đảo.

- *Tội phạm trộm cắp tài sản* xảy ra 17.107 vụ (*giảm 18,43%*), 17.289 đối tượng; khởi tố 16.825 vụ, 17.044 bị can, luôn chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu tội phạm hình sự (*chiếm 26,52%*), *cụ thể*:

+ Thủ đoạn truyền thông xảy ra 15.096 vụ (*chiếm 88,24%*), khởi tố 14.824 vụ (*đạt 98,2%*), nổi lên là hành vi: Lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản tại nhà dân, chung cư tại các khu đô thị mới, trụ sở cơ quan, doanh nghiệp, trung tâm thương mại, bệnh viện để đột nhập trộm cắp tài sản⁸⁶; tình trạng trộm cắp xe

⁸⁴ Điển hình: Công an TP. Đà Nẵng phát hiện bắt giữ nhóm đối tượng do Dương Văn Tịnh, trú tại tỉnh Quảng Nam cầm đầu có hành vi tạo lập trang web đánh bạc giả để dẫn dụ người chơi nạp tiền sau đó chiếm đoạt, với số tiền bị chiếm đoạt trên 500 triệu đồng...

⁸⁵ Điển hình: Công an TP. Hà Nội phát hiện 02 vụ với hành vi như trên (huyện Thạch Thất, quận Thanh Xuân).

⁸⁶ Điển hình: Ngày 21/8/2024, Công an quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội bắt giữ đối tượng Nguyễn Duy Hoài, sinh năm 1981, trú tại huyện Đông Anh, TP. Hà Nội về hành vi đột nhập vào Bệnh viện Việt Đức trộm cắp tài sản.

máy tiếp tục diễn biến phức tạp tại Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Thanh Hóa, Bắc Giang, Bắc Ninh, nhiều vụ đối tượng thực hiện trộm cắp liên tỉnh tại các khu công nghiệp. Tái diễn tình trạng nhóm người nước ngoài (*Iran*) mua hàng giá trị thấp, đưa tiền mệnh giá cao hoặc đòi tiền để lợi dụng sở hữ lấy tiền của chủ cửa hàng, siêu thị. Thủ đoạn che dấu tội phạm tinh vi, né tránh sự giám sát của camera; đối tượng phạm tội ở các lứa tuổi khác nhau, chủ yếu không có việc làm, nghiện game, nghiện ma túy, đối tượng có tiền án, tiền sự. Tại Tây Nguyên xuất hiện tình trạng trộm cắp sâm Ngọc Linh, có biểu hiện diễn biến phức tạp.

+ Thủ đoạn truyền thông đan xen công nghệ xảy ra 2.012 vụ (*chiếm 11,76%*), khởi tố 2.002 vụ (*đạt 99,5%*), nổi lên là tình trạng thanh thiếu niên từ 14 đến 24 tuổi, làm quen, bàn bạc thống nhất cách thức thực hiện trên không gian mạng, sau đó tụ tập, tìm kiếm mục tiêu tại các khu chung cư, nơi công cộng để thực hiện hành vi phạm tội⁸⁷.

- *Tội phạm đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc* xảy ra 6.322 vụ, 27.268 đối tượng (*tăng 8,36%, chiếm 9,79%*); khởi tố 5.966 vụ, 26.629 bị can, tiếp tục có chiều hướng gia tăng, diễn biến phức tạp, nhất là trong các dịp lễ, tết, diễn ra các sự kiện thể thao lớn của khu vực và thế giới, với thủ đoạn phổ biến như:

+ Thủ đoạn truyền thông xảy ra 3.225 vụ (*chiếm 51,01%*), khởi tố 3.113 vụ (*đạt 96,52% số vụ phạm tội dưới dạng thủ đoạn truyền thông*). Tình trạng đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa, ba cây, lắc tài xỉu với quy mô vừa và nhỏ diễn ra phổ biến; những sới bạc truyền thống với quy mô lớn, từ 40 người tham gia trở lên xuất hiện trở lại⁸⁸; các đối tượng hoạt động lưu động, thời gian hoạt động ngắn, chủ yếu ở những nơi có địa hình phức tạp, khó tiếp cận như: Sử dụng

⁸⁷ Diễn hình: Ngày 16/5/2024, Công an TP. Vinh, tỉnh Nghệ An triệt phá thành công vụ án, bắt giữ 14 đối tượng chuyên trộm cắp tài sản và nhiều tang vật liên quan.

⁸⁸ Diễn hình: Ngày 25/8/2024, Công an tỉnh Gia Lai bắt giữ sới bạc với 41 đối tượng đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa, thu giữ 313 triệu đồng và nhiều tang vật khác...

phương tiện đường thủy không biển số, số hiệu hoặc che bạt bên ngoài để nguy trang chạy dọc tuyến sông Hồng, sông Đà thuộc địa bàn các tỉnh, thành phố giáp ranh Hà Nội, Hưng Yên, Hà Nam, Thái Bình; lợi dụng địa bàn đồi núi tại Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Gia Lai; đường bộ⁸⁹. Đánh bạc dưới hình thức mua số lô, số đề với quy mô nhỏ, lẻ diễn ra phổ biến ở hầu hết các tỉnh, với sự tham gia của nhiều người thuộc nhiều thành phần trong xã hội. Tái diễn hành vi đánh bạc thông qua tổ chức cá độ, thỏa thuận thi đấu dưới sức xảy ra tại câu lạc bộ bóng đá (Bà Rịa - Vũng Tàu). Xuất hiện trò chơi poker biến tướng “đánh bạc trá hình” (Hà Nội).

+ Thủ đoạn sử dụng công nghệ cao hoàn toàn xảy ra 3.097 vụ (*chiếm 48,99%*), khởi tố 2.853 vụ (*đạt 92,12%*), hoạt động phạm tội thực hiện hoàn toàn trên không gian mạng, mà không cần giao dịch trực tiếp, diễn biến phức tạp, *nổi lên*: ⁽¹⁾Cá độ kết quả các trận đấu của các trò chơi điện tử, game online như: Đế chế, Liên minh huyền thoại, bóng đá thông qua mạng Internet, qua các trang web như Bong88.com, mb.sasa889.com, nhất là trong kỳ chung kết Euro 2024 với mức độ đặt cược đặc biệt lớn, có những vụ lên đến hàng trăm tỷ đồng, xảy ra hầu hết trên khắp cả nước, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, kinh tế xã hội⁹⁰; ⁽²⁾Đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề thông qua các ứng dụng trò chuyện có độ bảo mật cao như Zalo, Telegram, Viber... sau đó kết quả được hiển thị trên các trang web điện tử như One789.net⁹¹; ⁽³⁾Chơi game online đổi thưởng, sới bạc online; ⁽⁴⁾Đánh bạc đặt cược chẵn lẻ qua mã giao dịch của ví điện tử Momo, các ứng dụng, trò chơi trực tuyến có tính chất cờ bạc cho phép người chơi nạp tiền, rút tiền như “Xpoker” và tổ chức đánh bạc và đánh bạc

⁸⁹ Điển hình: Ngày 10/9/2024, Công an huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai bắt quả tang nhóm đối tượng đánh bạc bằng hình thức bầu cua trên xe 45 chỗ tại khu vực Khu công nghiệp Nhon Trạch 1...

⁹⁰ Điển hình: CATP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh triệt phá đường dây cá độ bóng đá qua mạng internet với số tiền giao dịch lên tới hơn 100 tỷ đồng...

⁹¹ Điển hình: Ngày 10/5/2024, Công an tỉnh Nghệ An triệt phá đường dây đánh bạc qua ứng dụng Telegram do Trịnh Công Chính, trú tại tỉnh Nghệ An cầm đầu, thu giữ hàng tỷ đồng và nhiều tang vật khác; Ngày 13/5/2024, Công an tỉnh Đồng Tháp triệt phá đường dây đánh bạc qua mạng với quy mô trên 300 tỷ đồng.

qua hình thức đặt cược quyền chọn nhị phân BO, trên các sàn giao dịch như Finance 5, SFX Capital, IQ Option, Binary, Olymp Trade, Binomo... Các đối tượng tổ chức đánh bạc thiết lập các trang web và đặt máy chủ ở nước ngoài, sử dụng dịch vụ ẩn thông tin đăng ký tên miền, địa chỉ IP máy chủ, che dấu danh tính chủ sở hữu và dữ liệu để đối phó với cơ quan chức năng.

- *Tội phạm liên quan đến mại dâm xảy ra 558 vụ, (tăng 22,37%, chiếm 0,86%); khởi tố 524 vụ, 872 bị can. Ước tính trên địa bàn cả nước có khoảng 7.500 người bán dâm⁹² và tình trạng mua, bán dâm tiếp tục diễn biến phức tạp, nổi lên:*

+ Thủ đoạn truyền thống xảy ra 396 vụ (*chiếm 71,35%*); khởi tố 383 vụ (*đạt 96,72% số vụ phạm tội dưới dạng thủ đoạn truyền thống*). Nổi lên là hoạt động mại dâm trá hình, núp bóng kinh doanh dịch vụ karaoke, nhà hàng, quán giải khát, cà phê thư giãn, massage, tái diễn tình trạng “nuôi gái” phục vụ mục đích bán dâm⁹³... Mại dâm dưới hình thức đường dây “gái gọi” diễn ra ngày càng tinh vi, kín đáo, hoạt động liên tỉnh như: Thủ đoạn thuê người yêu, tour du lịch trong nước để mua bán dâm; các đối tượng gặp gỡ, trao đổi với khách mua dâm qua điện thoại, thống nhất giá và gái bán dâm tự thu tiền, hẹn điểm bán dâm; đối tượng môi giới dụ dỗ, lôi kéo người nổi tiếng, có ảnh hưởng trên mạng xã hội và ca sĩ, người mẫu vào hoạt động mại dâm; tình trạng người nước ngoài góp vốn mở các cơ sở kinh doanh dịch vụ chủ yếu phục vụ cho người nước ngoài có nghi vấn hoạt động mại dâm⁹⁴...

+ Thủ đoạn truyền thống đan xen công nghệ xảy ra 159 vụ (*chiếm 28,65%*); khởi tố 141 vụ (*đạt 88,68%*), nổi lên các hoạt động mời chào, môi giới mại dâm thông qua các ứng dụng công nghệ cao, trên không gian mạng nhất là lợi dụng các nhóm kín trên nền tảng mạng xã hội (Telegram, Zalo, Tiner...) diễn biến phức tạp,

⁹² Theo số liệu thống kê của Sở truyền thông tỉnh Tây Ninh.

⁹³ Điển hình: Ngày 01/9/2024, Công an tỉnh Phú Yên bắt giữ cặp vợ chồng Lê Long Thiên và Nguyễn Thị Mai Phương về hành vi môi giới mại dâm với thủ đoạn thuê nhà trọ nuôi gái phục vụ việc mua dâm cho khách... Công an TP. Hồ Chí Minh triệt phá 3 vụ môi giới mại dâm quy mô lớn do người Hàn Quốc và Trung Quốc tổ chức.

gây khó khăn cho công tác điều tra⁹⁵. Tình trạng người Việt Nam ra nước ngoài hoạt động mại dâm tiềm ẩn diễn biến phức tạp, khó kiểm soát.

2. Tình hình tội phạm kinh tế

Phát hiện 4.607 vụ phạm tội về trật tự quản lý kinh tế (tăng 13,44% so với năm 2023), với 7.903 đối tượng và 10 tổ chức; 924 vụ (tăng 17,86% so với năm 2023), 2.199 đối tượng phạm tội về tham nhũng, chức vụ. Có 956 đối tượng khi phạm tội về kinh tế, tham nhũng, chức vụ là Đảng viên.

Một số thủ đoạn mới: Sử dụng mối quan hệ quen biết với những người có chức vụ quyền hạn cao để chi phối, lũng loạn, ép buộc người có chức vụ, quyền hạn tạo điều kiện, tạo vỏ bọc cho mình trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, nhất là trong lĩnh vực đầu tư bất động sản⁹⁶; Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong thi hành công vụ để đưa tên người thân vào hợp đồng mua bán bất động sản, trong đối trừ nợ giữa các công ty⁹⁷; Hành vi tự chế pháo nổ trên phương tiện giao thông để vừa sản xuất, vừa giao cho khách hàng⁹⁸; Lợi dụng chức vụ, quyền hạn cấp Giấy khen không đúng thực tế⁹⁹; Đối tượng sử dụng giấy tờ giả để đăng ký “chữ ký số”, “thay đổi thông tin sử dụng hoá đơn điện tử” và “chiếm quyền phát hành hoá đơn giá trị gia tăng (GTGT) điện tử” của một số doanh nghiệp để phát hành hoá đơn GTGT, bán kiếm lời¹⁰⁰; ⁽⁶⁾Lợi dụng việc cho tặng sổ tiết kiệm qua ngân hàng để vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới¹⁰¹. ⁽⁷⁾Lợi dụng sự phát triển của

⁹⁵ Công an TP Đà Nẵng phá chuyên án, bắt 2 đối tượng chuyên điều hành đường dây môi giới mại dâm với hơn 30 gái bán dâm trên mạng telegram với 15.000 thành viên...

⁹⁶ Điển hình: C03 khởi tố Bí thư tỉnh ủy Vĩnh Phúc, Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi và nguyên Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi, các đối tượng đã “Nhận hối lộ” để tạo điều kiện cho Công ty cổ phần tập đoàn Phúc Sơn triển khai các dự án bất động sản trái quy định của pháp luật.

⁹⁷ Hà Nội khởi tố vụ án “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong thi hành công vụ”, xảy ra tại công ty CP kinh doanh phát triển nhà và đô thị Hà Nội (Hanhud).

⁹⁸ Hà Nội khởi tố vụ án “Sản xuất hàng cấm”, với thủ đoạn sử dụng cabin ô tô làm “xưởng di động” rồi gửi bán qua dịch vụ chuyển phát nhanh, tang vật thu giữ 11,16 kg pháo nổ.

⁹⁹ Hà Giang khởi tố Chủ tịch UBND xã Tả Lũng, huyện Mèo Vạc, đối tượng đã cấp Giấy khen không đúng thực tế cho 01 đối tượng khác ngoài tỉnh, gây hậu quả nghiêm trọng.

¹⁰⁰ Điển hình: Công an tỉnh Phú Thọ khởi tố 1 vụ, khởi tố 2 bị can về tội “Xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác”.

¹⁰¹ Điển hình: Công an TP. Hà Nội khởi tố vụ án “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới”, xảy ra tại Ngân hàng SCB-Phòng giao dịch Kim Liên. Kết quả điều tra ban đầu: Nguyễn Thị Thanh Huyền (giám đốc Phòng giao dịch Kim Liên) đã hợp thức hóa tiền của một số cá nhân chưa xác minh được nguồn gốc thành các sổ tiết kiệm, sau đó làm thủ tục cho tặng các sổ tiết kiệm trên cho những cá nhân ở nước ngoài. Sau đó, các cá nhân ở nước ngoài ủy quyền cho một số đối

mạng xã hội, không gian mạng lập ra nhiều hội nhóm rao bán hóa đơn GTGT của các doanh nghiệp ma với nhiều mặt hàng khác nhau để thu lời bất chính.

Cơ bản tội phạm về kinh tế, tham nhũng, chức vụ được phát hiện hoạt động chủ yếu theo “*phương thức, thủ đoạn cũ*” nhất là các hành vi tham nhũng, tiêu cực trên các lĩnh vực kinh tế trọng điểm và trong lĩnh vực tài chính, thuế, ngân hàng, đất đai, hàng cấm, hàng giả, *cụ thể*:

- *Tội phạm tham nhũng, chức vụ*: Tiếp tục gia tăng, diễn biến phức tạp, nhất là trong các ngành, lĩnh vực kinh tế trọng điểm, nổi lên với các thủ đoạn phổ biến như: ⁽¹⁾Lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn trong triển khai thực hiện các dự án đầu tư của nhà nước để trục lợi; ⁽²⁾Nhận hối lộ để tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong hoạt động đầu tư, xây dựng, triển khai các dự án bất động sản, mua sắm trang thiết bị, khai thác khoáng sản... ⁽³⁾Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nắm giữ chức vụ quan trọng tại các bộ, ngành, địa phương hoặc lợi dụng ảnh hưởng của người có chức vụ để trục lợi gây bức xúc trong Nhân dân¹⁰²; ⁽⁴⁾Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để nhận hối lộ, tạo điều kiện cho các đối tượng thực hiện các hành vi trái quy định của pháp luật¹⁰³; ⁽⁵⁾Lợi dụng chức năng, nhiệm vụ được giao trong các doanh nghiệp cổ phần, doanh nghiệp ngoài Nhà nước để thực hiện hành vi tham ô, nhận hối lộ, gây thiệt hại cho doanh nghiệp, gây bức xúc trong xã hội...Ngoài ra, tình trạng tham nhũng vặt tại địa bàn cấp cơ sở như xã, huyện, các trường học, trường Đại học tiếp tục gia tăng⁸⁸.

tượng tại Việt Nam chuyển tiền ra nước ngoài, số tiền đã chuyển ước tính 10 tỷ đồng.

¹⁰² Điển hình: C03 khởi tố, bắt tạm giam 6 bị can liên quan đến vụ án xảy ra tại Tập đoàn Thuận An, trong đó có 3 bị can là Chủ tịch, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Thuận An; 3 bị can là lãnh đạo, cán bộ quản lý Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Giang về các hành vi “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”, “Đưa hối lộ”, “Nhận hối lộ” do có sai phạm trong quá trình xây dựng gói thầu số 7 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang...

¹⁰³ Điển hình: C03 khởi tố vụ án “Đưa hối lộ; nhận hối lộ; môi giới hối lộ” xảy ra tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn, các đối tượng đã nhận hối lộ để tạo điều kiện cho tù tù được thăm gặp sai đối tượng; sử dụng điện thoại trong quá trình giam giữ; thường xuyên được đi bệnh viện để khám chữa bệnh không đúng quy định; tạo điều kiện để tù tù được giảm án...; C03 khởi tố một loạt bị can là các đối tượng có chức vụ quyền hạn tại các bộ, ngành địa phương như: (1) Khởi tố Phó chủ nhiệm văn phòng Quốc hội, trợ lý Chủ tịch Quốc hội về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi”, khởi tố Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Bắc Giang tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” trong vụ án xảy ra tại Công ty cổ phần Tập đoàn Thuận An; (2) khởi tố Phó Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc, Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh Vĩnh Phúc và 05 bị can khác với các tội danh “Nhận hối lộ; lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” trong vụ án xảy ra tại Công ty cổ phần Tập đoàn Phúc Sơn; (3)

- *Tội phạm về trật tự quản lý kinh tế* diễn biến phức tạp, tập trung chủ yếu ở các hành vi như:

+ *Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự* xảy ra 1.135 vụ (tăng 30,16% so với năm 2023, khởi tố 1.144 vụ, 1.646 bị can, trong đó:

Thủ đoạn truyền thống xảy ra 734 vụ, nổi lên: Tại một số địa bàn đô thị, khu công nghiệp, khu tập trung nhiều công nhân, người lao động, tái diễn tình trạng phát tờ rơi, treo, dán quảng cáo, mở cửa hàng kinh doanh cầm đồ, kinh doanh tài chính, cơ sở núp bóng... để tìm kiếm trong nhóm tiểu thương, người kinh doanh nhỏ, thanh thiếu niên, các đối tượng cần tiền “*vay nóng*” phục vụ kinh doanh, tiêu dùng, tiêu xài cá nhân hoặc phục vụ nhu cầu bất chính (đánh bạc, sử dụng ma túy...)... để cho vay lãi nặng.

Thủ đoạn truyền thống đan xen công nghệ xảy ra 401 vụ, diễn biến ngày càng phức tạp, dần thay thế loại tội phạm truyền thống, có sự tham gia của người nước ngoài. Các đối tượng hoạt động có tổ chức, thành lập hàng chục công ty, hàng nghìn tài khoản để luân chuyển dòng tiền bất chính, việc cho vay diễn ra dưới 3 hình thức chủ yếu: ⁽¹⁾Thông qua mạng xã hội tìm kiếm người vay, thỏa thuận trực tiếp với lãi suất rất cao; ⁽²⁾Núp bóng dưới vỏ bọc công ty, sử dụng mạng xã hội để dẫn dụ người vay; ⁽³⁾Sử dụng công nghệ cao để cho vay, sau đó thông qua hoạt động của các tổ chức tội phạm để ép buộc, đòi nợ; cho vay qua tài khoản iCloud trên điện thoại di động⁹¹.

+ *Trong lĩnh vực thuế, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm* phát hiện 66 vụ (tăng 88,6%), nổi lên: Trục lợi bảo hiểm với thủ đoạn khai tăng giá trị tổn thất, lập hồ sơ giả để chiếm đoạt tiền từ các công ty bảo hiểm...; trốn đóng, cố ý nợ đọng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế¹⁰⁴. Lợi dụng sơ hở trong

¹⁰⁴ Điển hình: Công an tỉnh Hà Tĩnh khởi tố vụ án “*Gian lận trong kinh doanh bảo hiểm*”, khởi tố 3 bị can, các đối tượng đã lập không 8 hồ sơ bệnh án để chiếm đoạt 726 triệu đồng của Công ty TNHH Manulife Việt; Công an tỉnh Nghệ An khởi tố 2 vụ án “*Gian lận trong kinh doanh bảo hiểm*”, khởi tố 9 bị can, các đối tượng đã lập giả hồ sơ bệnh án để chiếm đoạt 2,79 tỷ đồng của Công ty TNHH Manulife Việt Nam.

quản lý, giám sát ngân hàng để phạm tội¹⁰⁵; làm giả giấy tờ, tài liệu để chiếm đoạt tài sản¹⁰⁶; lập 2 hệ thống sổ sách, khai báo gian dối để trục lợi¹⁰⁰; lập và sử dụng nhiều tài khoản chứng khoán để thao túng giá cổ phiếu¹⁰¹. Mua bán hóa đơn GTGT trái phép để trốn thuế hay hợp thức hóa hàng hóa không có nguồn gốc xuất xứ, hàng lậu. Lợi dụng sự thông thoáng của Luật Doanh nghiệp để đăng ký thành lập doanh nghiệp để bán hóa đơn GTGT; kê khai thấp giá trị thực tế hàng hóa; bán hàng không xuất hóa đơn GTGT, không kê khai nộp thuế; lợi dụng việc khách hàng không lấy hóa đơn bán lẻ để xuất bán cho doanh nghiệp, cá nhân có nhu cầu; lợi dụng hoạt động giao dịch điện tử trên môi trường mạng chưa được kiểm soát chặt chẽ để trốn thuế...¹⁰².

3. Tình hình tội phạm về ma túy

Phát hiện 29.670 vụ, 50.522 đối tượng (*tăng 10,51% so với năm 2023*), trong đó: 16.849 đối tượng không có nghề nghiệp (*chiếm 33,35%*); 3.311 đối tượng trong diện sơ tra (*chiếm 6,55%*); 6.092 đối tượng có tiền án, tiền sự (*chiếm 12,05%*); 20.938 đối tượng có sử dụng chất ma túy (*chiếm 41,44%*); 103 đối tượng là người nước ngoài (*chiếm 0,2%*); 4.192 đối tượng là nữ (*chiếm 8,3%*). Thu giữ 683,01 kg heroin, 2.276,68 kg cần sa, 3.274,51 kg + 3.299.859 viên ma túy tổng hợp, 59 kg thuốc phiện, 138 khẩu súng, 37,78 tỷ đồng¹⁰³.

Một số loại thủ đoạn mới: ⁽¹⁾Đóng ma túy vào các thùng xốp, túi nilon bên trong có gắn chip định vị, sau đó thả trôi trên biển (*phát hiện tại Vũng Tàu, Hà Tĩnh*); ⁽²⁾Sử dụng flycam để vận chuyển trái phép chất ma túy (*phát hiện tại Bắc Ninh*); ⁽³⁾Sử dụng phương thức che dấu hóa học, làm thay đổi tính chất hóa học của ma túy để tránh bị phát hiện qua các phương pháp kiểm tra thông thường. Các đối tượng chủ mưu cầm đầu hầu hết không trực tiếp tham gia vào

¹⁰⁵ Điển hình: C03 khởi tố 2 vụ án “Vi phạm quy định trong về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng”, xảy ra tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh 6 thành phố Hồ Chí Minh và tại Ngân hàng TMCP Đông Á, Công ty cổ phần M&C và các đơn vị liên quan.

Điển hình: Công an tỉnh Phú Thọ khởi tố vụ án “Vi phạm các quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức và trốn thuế”, xảy ra tại Công ty Phương Thành; các đối tượng đã

việc trao đổi, vận chuyển, mua bán mà chỉ đạo, điều hành qua điện thoại, mạng xã hội, chủ động xóa dấu vết, tạo tình huống ngoại phạm ngay từ giai đoạn trao đổi mua bán, tuyệt đối bí mật với cả đồng bọn trong khâu vận chuyển; sử dụng tiền ảo trong giao dịch. Đối với đường dây tội phạm ma túy có tổ chức, xuyên quốc gia, đối tượng chủ mưu cầm đầu là người nước ngoài thường ở bên kia biên giới chỉ đạo, điều hành qua nhiều khâu trung gian khép kín. Ngoài ra, tội phạm ma túy vẫn diễn ra phổ biến dưới các dạng dạng thủ đoạn truyền thống, thủ đoạn truyền thống kết hợp công nghệ cao, *cụ thể*:

- Nhóm tội phạm mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy phát hiện 9.161 vụ (*chiếm 30,88%*), *trong đó*: Mua bán trái phép chất ma túy xảy ra 8.693 vụ, (*tăng 18,55% so với năm 2023, chiếm 29,29%*) số vụ phạm tội về ma túy); Vận chuyển trái phép chất ma túy xảy ra 468 vụ (*giảm 3,51%, chiếm 1,58%*), *nổi lên*:

+ *Thủ đoạn truyền thống xảy ra 7.123 vụ, (chiếm 77,75%) nhóm tội phạm mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy), nổi lên: về phương thức liên lạc, mua bán:* ⁽¹⁾Các đối tượng cử người mua gom ma túy của người dân ở vùng trồng cây có chứa chất ma túy thông qua việc tạo dựng các chân hàng, dùng những mặt hàng mà bà con khan hiếm để đổi lấy thuốc phiện, cần sa; Móc nối với các đối tượng buôn lậu ma túy ở Lào, Campuchia, Thái Lan, Trung Quốc tạo thành các đường dây tổ chức vận chuyển, mua bán ma túy xuyên quốc gia. *Về phương thức, thủ đoạn vận chuyển, cất giấu ma túy:* ⁽¹⁾*Trên tuyến đường bộ, các đối tượng lợi dụng sơ hở trong kiểm soát biên giới hoặc sử dụng vỏ bọc là các công ty xuất, nhập khẩu, vận tải, lợi dụng sơ hở trong chính sách thông quan hàng hóa để vận chuyển trái phép ma túy qua biên giới; sau đó trực tiếp vận chuyển đến đầu mối tiêu thụ trong nước hoặc thuê kho, xưởng sản xuất để tập kết ma túy số lượng lớn; Trên tuyến đường biển, ma túy sau khi được tập kết với số lượng lớn tại kho, xưởng gần các cảng biển (chủ yếu ở Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh), lợi dụng chính sách thông quan để vận chuyển đi nước thứ ba tiêu thụ, hoặc lợi dụng cơ chế tạm nhập, tái xuất, quá cảnh hàng hóa để vận*

chuyển ma túy từ nước ngoài vào Việt Nam; Trên tuyến đường hàng không, đường bưu điện, các đối tượng lợi dụng các công ty logistics, dịch vụ vận tải quốc tế để vận chuyển ma túy từ nước ngoài vào Việt Nam (chủ yếu tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh), sau đó sử dụng “xe ôm công nghệ”, dịch vụ chuyển phát bưu điện... để giao, nhận ma túy đến nơi tiêu thụ hoặc chuyển đi nước khác để tiêu thụ¹⁰⁷. Dầu ma túy vào hàng hóa, quà tặng, thuốc tân dược; hộp sữa, hộp thực phẩm chức năng, dầu gội đầu, sữa tắm, đồ chơi trẻ em... để vận chuyển¹⁰⁸. Thời gian gần đây còn phát hiện một số vụ vận chuyển ma túy (ketamin, cocaine...) qua đường hàng không từ khu vực Nam Mỹ vào Việt Nam hoặc quá cảnh qua Việt Nam rồi vận chuyển đi nước khác với nhiều phương thức, thủ đoạn tinh vi, phức tạp...

+ Thủ đoạn truyền thông đan xen công nghệ xảy ra 2.038 vụ (chiếm 22,25%) trong nhóm tội phạm mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy), diễn biến ngày càng phức tạp, khó kiểm soát các đối tượng triệt để lợi dụng các ứng dụng nền tảng mạng xã hội như Telegram, Viber, Zalo, Instagram để giao dịch mua bán¹⁰⁹, điều hành các hoạt động vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy ở trong và ngoài nước. Bên cạnh thanh toán tiền mặt trực tiếp, các đối tượng lợi dụng triệt để công nghệ Smartbanking, Western Union... và sử dụng tài khoản ngân hàng “rác”, tiền điện tử, ví điện tử nhằm đối phó với cơ quan chức năng. Thông qua internet các đối tượng có thể giám sát hành trình vận chuyển của lô hàng, nếu lô hàng không thông quan đúng thời gian, các đối tượng nghi ngờ lập tức bỏ hàng, cắt liên lạc khiến công tác điều tra, bắt giữ đối

¹⁰⁷ Ngày 07/5/2024, tại phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, C04 phối hợp Công an TP. Hà Nội, A06, Đồn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo, Hà Tĩnh, Chi Cục Hải quan Cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo, Hà Tĩnh khám phá thành công chuyên án 389Đ (đường dây mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy từ Lào qua Hà Tĩnh - Hà Nội tiêu thụ do Trần Ngọc Đức cầm đầu), bắt 07 đối tượng, thu giữ 10 bánh heroin, 200 gam + 2.000 viên MTTH. Hiện vụ án bàn giao cho PC04 Công an TP. Hà Nội thụ lý điều tra.

¹⁰⁸ Điển hình: Ngày 11/7/2024, Công an huyện Lục Ngạn, Bắc Giang bắt, khởi tố điều tra đối với Lãnh Tuấn Anh, trú tại huyện Sơn Động cùng đồng bọn với hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 13/7/2024, Công an tỉnh Điện Biên phối hợp với Bộ đội Biên phòng tỉnh phá thành công chuyên án về ma túy, bắt một đối tượng mang Quốc tịch Lào khi đang vận chuyển ma túy qua biên giới từ Lào sang Việt Nam, thu giữ 18.000 viên ma túy tổng hợp, 35g heroin...

¹⁰⁹ Điển hình: Công an tỉnh Quảng Nam đã phối hợp với các đơn vị liên quan triệt phá đường dây mua bán cần sa số lượng lớn bằng thủ đoạn trên...

tượng gặp khó khăn hoặc chỉ thu giữ được ma túy vô chủ.

- Nhóm tội phạm là “nguồn cầu” về ma túy:

+ *Tàng trữ trái phép chất ma túy* xảy ra 16.266 vụ (*giảm 1,46%, chiếm 54.82%*), mặc dù giảm nhưng tiềm ẩn nhiều nguy cơ diễn biến phức tạp, đây là loại tội phạm chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu tội phạm về ma túy. Thủ đoạn phạm tội mặc dù không mới nhưng tính chất, mức độ ngày càng tinh vi hơn, nổi lên như: ⁽¹⁾Ngụy trang ma túy trong các vật dụng cá nhân như hộp thuốc, lon nước ngọt, đồ chơi trẻ em, thậm chí là quần áo; ⁽²⁾Cất giấu ma túy tại các địa điểm khó phát hiện như trong nhà, dưới nền nhà, trên tường nhà, mái nhà...; ⁽³⁾Phân nhỏ ma túy để cất giấu ở nhiều nơi khác nhau; ⁽⁴⁾Kết hợp các loại hình kinh doanh hợp pháp để che giấu ma túy...

+ *Tội phạm chứa chấp, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy* xảy ra 4.122 vụ (*tăng 79,36%, chiếm 13,91%*) tiếp tục nổi lên tình trạng sử dụng trái phép chất ma túy, nhất là ma túy tổng hợp trong các cơ sở đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự, dịch vụ lưu trú, nhà chung cư, cá biệt có vụ có sự tham gia của cán bộ Công an, cán bộ công chức, văn nghệ sĩ⁰⁷. Hiện cả nước có hơn 285.643 người nghiện ma túy, người sử dụng trái phép chất ma túy, người quản lý sau cai nghiện ma túy, người nghi nghiện, nghi sử dụng trái phép chất ma túy. Khoảng 60% người sử dụng ma túy lần đầu trong độ tuổi từ 15 đến 25, có nhiều em từ 13 đến 15 tuổi. Số đối tượng này tiềm ẩn nguy cơ rất cao phạm tội về ma túy và là nguyên nhân chủ yếu hình thành nên các điểm, tụ điểm mua bán ma túy và sử dụng trái phép chất ma túy¹¹⁰

Từ thực trạng tình hình tội phạm xảy ra trong năm 2024 cho thấy áp lực của Cơ quan CSĐT trong việc tiến hành các hoạt động điều tra thu thập chứng cứ nhằm chứng minh sự thật khách quan của vụ án hình sự. Từ phân tích về thủ đoạn sử dụng công nghệ cao trong quá trình gây án của một số tội phạm nêu

¹¹⁰ *Điển hình*: Ngày 04/4/2024, Công an TP. Hải Phòng triệt phá thành công ổ nhóm sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà riêng, bắt giữ 9 đối tượng, trong đó có cán bộ, chiến sỹ Công an.

trên đặt ra yêu cầu trong việc thu thập nguồn chứng cứ có nguồn là dữ liệu điện tử trong tố tụng hình sự.

II. THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VỀ NGUỒN CHỨNG CỨ LÀ DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ

1. Thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật TTHS về hoạt động thu thập, bảo quản nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử

Pháp luật về TTHS Việt Nam hiện nay không quy định chi tiết và không có văn bản pháp luật hướng dẫn cụ thể về trình tự thu thập nguồn chứng cứ là DLĐT mà chỉ quy định chung chung như các loại chứng cứ thông thường. Tuy nhiên, hiện Việt Nam đã có không ít các buổi hội thảo, hội nghị, tập huấn bồi dưỡng kỹ năng liên quan đến vấn đề thu thập, bảo quản, kiểm tra, đánh giá và sử dụng nguồn chứng cứ là DLĐT trong các vụ án CNTT do các cơ quan THTT phối hợp với các cơ quan trong nước và quốc tế tổ chức.¹¹¹ Các hội thảo, hội nghị đều đã phổ biến khá chi tiết trình tự, thủ tục, nguyên tắc sử dụng chứng cứ là DLĐT. Có thể thấy các bài giảng tập huấn kỹ năng đã cung cấp kiến thức chuyên môn rất chặt chẽ về việc xử lý chứng cứ là DLĐT theo từng giai đoạn, từng loại PTĐT khác nhau cho người THTT. Tuy nhiên, vì các cuộc hội thảo này đều giới hạn thành phần và số lượng tham gia nên không phải tất cả những người có thẩm quyền THTT đều có thể tiếp cận đến những thông tin hữu ích trong các

¹¹¹ Trong đó, có thể kể đến như Hội thảo quốc tế về các biện pháp thu thập, đánh giá DLĐT, chứng cứ kỹ thuật số trong các vụ án sử dụng công nghệ cao để phạm tội do VKSND tối cao Việt Nam phối hợp với Bộ Tư pháp Cộng hòa Liên bang Đức đồng tổ chức; Hội thảo về chứng cứ điện tử trong điều tra và truy tố ngày 18/11/2019 do VKSND tối cao Việt Nam phối hợp với Bộ Tổng chưởng lý Australia tổ chức; Hội nghị tập huấn một số kỹ năng trong hoạt động điều tra của ĐTV, Kiểm sát viên vào ngày 20/11/2018 do VKSND tối cao tổ chức xoay quanh chuyên đề về quy trình thu thập, chuyển hóa DLĐT thành chứng cứ trong điều tra tội phạm sử dụng công nghệ cao của Trung tá Đào Trung Hiếu;...

Nguồn: NTH (2020), “Hội thảo về các biện pháp thu thập, đánh giá DLĐT, chứng cứ kỹ thuật số trong các vụ án sử dụng công nghệ cao để phạm tội”, *Công thông tin điện tử VKSND tối cao*, [<https://vksndtc.gov.vn/tin-hoat-dong-vksnd-toi-cao/hoi-thao-ve-cac-bien-phap-thu-thap-danh-gia-du-lie-d2-t8568.html>] (truy cập ngày 17/04/2021).

Thành Luân (2019), “VKSND tối cao tổ chức Hội thảo về chứng cứ điện tử trong điều tra và truy tố”, *Công thông tin điện tử VKSND tối cao*, [<https://www.vksndtc.gov.vn/tin-tuc/tin-hoat-dong-vksnd-toi-cao/vksnd-toi-cao-to-chuc-hoi-thao-ve-chung-cu-dien-tu-d2-t7200.html>] (truy cập ngày 17/04/2021).

“Chuyên đề quy trình thu thập, chuyển hóa DLĐT thành chứng cứ trong điều tra tội phạm sử dụng công nghệ cao”, *VKSND Tỉnh Bắc Giang*, [<https://vksbacgiang.gov.vn/chuyendephapluat/59/8063>] (truy cập ngày 26/03/2021).

buổi tập huấn, hội thảo. Tại buổi làm việc của VKSND tỉnh Quảng Nam về nội dung “Kinh nghiệm của VKSND tỉnh Quảng Nam trong thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra VAHS”, VKSND tỉnh này cũng nhận định rằng các Kiểm sát viên còn gặp nhiều khó khăn trong việc giải quyết các vụ án đánh bạc qua mạng với trị giá lớn. Và nguyên nhân chính đó là do những người THPTT này chưa được tập huấn và chưa có kinh nghiệm trong việc thu thập nguồn chứng cứ, chứng cứ là DLĐT.¹¹² Điều này dẫn đến việc các cơ quan THPTT, người THPTT gặp rất nhiều khó khăn khi giải quyết các vụ án có liên quan đến nguồn chứng cứ là DLĐT do chưa được trang bị đủ kiến thức. Hơn nữa, nội dung các bài giảng tập huấn trên chỉ mang tính nội bộ, không có các quy tắc bắt buộc chung đối với toàn ngành. Điều này có thể dẫn đến tình trạng mỗi địa phương, mỗi cơ quan hay thậm chí là mỗi người THPTT cũng sẽ có những cách ứng xử khác nhau.

Đối với hệ thống Cơ quan điều tra của CAND, sau quá trình nghiên cứu, để đảm bảo việc thu thập chứng cứ có nguồn là DLĐT đáp ứng được yêu cầu công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trong thời kỳ cách mạng công nghệ 4.0. Ngày ngày 19/7/2024 Cục An ninh điều tra Bộ Công an đã có hướng dẫn số: 19 /HD-BCA-A09 về cách thức, biện pháp thu thập DLĐT từ các PTĐT, trên cơ sở hướng dẫn số: 19 /HD-BCA-A09. Qua trao đổi, tham khảo kinh nghiệm của Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Công an tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, **Bà Rịa Vũng Tàu, Đắk Lắk cho thấy Cơ** quan điều tra Công an các địa phương đã triển khai các hoạt động thu thập DLĐT từ các PTĐT. Cụ thể:

- ***Dữ liệu trong các thiết bị di động***

+ *Điện thoại di động loại thường*

* Phương pháp phát hiện

¹¹² Hồng Hải, “Kinh nghiệm của VKSND tỉnh Quảng Nam trong thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra VAHS”, *VKSND tỉnh Quảng Nam*, [https://vksquangnam.gov.vn/index.php?option=com_content&view=category&id=104&layout=blog&Itemid=172&lang=vi&limitstart=3] (truy cập ngày 28/06/2021).

Dữ liệu tin nhắn điện thoại (đi, đến), cuộc gọi điện thoại (đi, đến, nhỡ), danh bạ,...thông thường được lưu trữ trong bộ nhớ của máy và SIM điện thoại.

*** Phương pháp thu thập**

(i) Để hạn chế việc thông tin, dữ liệu có thể bị thay đổi, mất mát do bị ghi đè (phát sinh cuộc gọi GSM, tin nhắn SMS,...) thì ngay khi phát hiện điện thoại di động liên quan, yêu cầu đối tượng cung cấp mật khẩu mở khóa thiết bị để mở và kiểm tra sơ bộ DLĐT có trong PTĐT. Quá trình kiểm tra, ĐTV có thể tiến hành thu thập ngay DLĐT bằng cách in ra giấy cho đối tượng ký xác nhận, trích xuất, lưu trữ DLĐT vào phương tiện lưu trữ. ĐTV tiến hành thay đổi mật khẩu đăng nhập thiết bị. Việc thay đổi này phải được ghi nhận trong biên bản. Trường hợp đối tượng không cung cấp mật khẩu mở khóa thiết bị thì tiến hành niêm phong, thu giữ thiết bị, cần thực hiện tắt điện thoại hoặc cho vào túi đựng chuyên dùng Faraday nếu có (Faraday là một sản phẩm chuyên dụng giúp ngăn chặn sóng Radio, bao gồm sóng wifi, 3G/4G/5G). Túi này thường được sử dụng trong việc thu thập thiết bị, trích xuất dữ liệu từ các thiết bị di động.

(ii) Ghi nhận lại toàn bộ thông tin liên quan đến điện thoại, như: tên, kiểu máy, nhãn hiệu, màu sắc, số IMEI,...

+ *Điện thoại di động thông minh, máy tính bảng*

*** Phương pháp phát hiện**

(i) Dữ liệu tin nhắn điện thoại (đi, đến), cuộc gọi điện thoại (đi, đến, nhỡ), danh bạ, hình ảnh, video, tài liệu, ghi chú, mạng xã hội,...thông thường được lưu trữ trong bộ nhớ của máy.

(ii) Thông thường, điện thoại thông minh có thể lưu giữ nhiều tin nhắn, lịch sử cuộc gọi, danh bạ, mạng xã hội do loại điện thoại này thường có bộ nhớ của máy rất lớn.

*** Phương pháp thu thập**

(i) Yêu cầu đối tượng cung cấp mật khẩu mở khóa thiết bị và mật khẩu đăng nhập các tài khoản, ứng dụng có trên thiết bị di động (như hộp thư điện

từ, tài khoản mạng xã hội, iCloud,...) để mở và kiểm tra sơ bộ DLĐT có trong PTĐT. Quá trình kiểm tra, ĐTV có thể tiến hành thu thập ngay DLĐT bằng cách in ra giấy cho đối tượng ký xác nhận, trích xuất, lưu trữ DLĐT vào phương tiện lưu trữ. ĐTV tiến hành thay đổi mật khẩu đăng nhập thiết bị, mật khẩu các tài khoản trên các ứng dụng mạng xã hội, Internet mà đối tượng đang sử dụng. Việc thay đổi này phải được ghi nhận trong biên bản. Trường hợp đối tượng không cung cấp mật khẩu mở khóa thiết bị thì tiến hành niêm phong, thu giữ thiết bị. Các hoạt động này phải được ghi nhận vào biên bản, ngắt kết nối mạng (thường được thực hiện bằng cách chuyển trạng thái thiết bị sang chế độ sử dụng trên máy bay), tắt nguồn thiết bị..

(ii) Ghi nhận lại toàn bộ thông tin liên quan đến điện thoại, như: tên, kiểu máy, nhãn hiệu, màu sắc, số IMEI,...

+ Thu giữ PTĐT: Tiến hành niêm phong PTĐT; chú ý niêm phong các khe cắm mở rộng và vị trí kết nối cáp, vị trí kết nối dây nguồn. Việc thu giữ PTĐT cần chú ý thu giữ các phụ kiện đi kèm như: Dây cáp, sạc,... để đảm bảo đồng bộ khi kiểm tra, phục hồi, tìm kiếm, giám định sau này.

- Dữ liệu trong máy vi tính

+ Phương pháp phát hiện

* Máy tính sử dụng hệ điều hành Windows

Máy tính để bàn	Máy tính xách tay	Máy chủ
		

* Máy tính sử dụng hệ điều hành MacOS:

MacBook	iMac
	

* Máy tính sử dụng hệ điều hành Linux

(i) Dữ liệu trong các máy tính thuộc các hệ điều hành khác nhau thông thường được lưu trữ trong ổ cứng của máy.

(ii) Dữ liệu trong máy tính thường có dung lượng khá lớn, thường bị các đối tượng dùng phần mềm để các dữ liệu quan trọng.

+ Phương pháp thu thập

(i) Yêu cầu đối tượng cung cấp mật khẩu mở máy (nếu có) và kiểm tra tình trạng bật, tắt của máy tính bằng cách kiểm tra đèn trạng thái, di chuyển chuột,...

Nếu máy tính đang hoạt động, tiến hành kiểm tra khai thác, thu thập ngay những DLĐT dễ thay đổi hoặc mất khi tắt máy như: Các chương trình đang hoạt động, dữ liệu của các tài khoản đang đăng nhập trực tuyến; thông tin người sử dụng có đăng ký và truy cập; dữ liệu lưu trữ trên bộ nhớ tạm, dữ liệu trong thùng rác; sự tồn tại của phần mềm độc hại,...

Trường hợp máy tính đang bật có các tài khoản trực tuyến của đối tượng đang thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đang soạn thảo, đăng tải bài viết có nội dung chống Nhà nước lên mạng Internet, gửi tài liệu bí mật nhà nước,...) thì ngăn chặn, cách ly đối tượng khỏi PTĐT, không để đối tượng tắt nguồn điện, thoát ra khỏi Internet; tiến hành ngay việc thu thập DLĐT từ tài khoản trực tuyến bằng cách in ra giấy yêu cầu đối tượng ký xác nhận (trường hợp đối tượng không ký thì lập biên bản về việc không ký), trích xuất, lưu trữ DLĐT vào phương tiện lưu trữ,

quay video hoặc chụp ảnh màn hình để củng cố chứng cứ, tránh việc tài khoản sẽ bị khóa sau một khoảng thời gian nhất định. ĐTV tiến hành thay đổi mật khẩu đăng nhập thiết bị, mật khẩu các tài khoản trên các ứng dụng mạng xã hội, Internet mà đối tượng đang sử dụng. Việc thay đổi này phải được ghi nhận trong biên bản.

Trường hợp không thu thập được thông tin, dữ liệu ngay tại hiện trường, mà phải thu giữ máy tính mang về thì cần thu thêm tài thông tin đăng nhập (mật khẩu) và tất cả mật khẩu có liên quan (mật khẩu bitlocker, mật khẩu các tập tin,...) đồng thời chụp màn hình máy tính đang hoạt động, đánh dấu vị trí của từng máy tính và rút nguồn đột ngột.

(ii) Kiểm tra tình trạng kết nối với các thiết bị như: Máy in, điện thoại, máy scan, đầu đọc đĩa, thẻ nhớ, USB,... Vẽ, ghi lại sơ đồ kết nối thiết bị, ghi lại các thông số về thiết bị (nơi sản xuất, model, số serial,...).

(iii) Ngắt các kết nối mạng đến máy tính (mạng có dây, không dây, mạng viễn thông,...); tắt máy tính bằng cách rút điện, rút pin hoặc nhấn giữ phím nguồn để tắt.

+ Trường hợp phát hiện nhiều máy tính tại hiện trường

(i) Khi có nhiều máy tính tại hiện trường, ĐTV phải kiểm tra xác định các máy tính có kết nối với hệ thống mạng hay không (việc nhận diện kết nối có thể thông qua có kết nối dây mạng, kết nối không dây, các thiết bị mạng khác như: Tủ mạng, switch, router,...); nếu không kết nối với nhau thì tiến hành các bước thu thập như đối với máy tính độc lập.

(ii) Nếu nhiều máy tính có kết nối mạng với nhau, trước khi ngắt kết nối với mạng từ bên ngoài (Internet, mạng viễn thông,...) cần tiến hành kiểm tra, thu thập ngay DLĐT từ các tài khoản trực tuyến, DLĐT để thay đổi hoặc mất khi tắt thiết bị hoặc ngắt kết nối mạng bằng cách trích xuất trực tiếp DLĐT từ tài khoản, quay phim hoặc chụp ảnh màn hình, để tránh việc tài khoản sẽ bị khóa, xóa dữ liệu sau một thời gian nhất định.

(iii) Vẽ sơ đồ kết nối giữa các máy tính, giữa máy tính với các thiết bị ngoại vi, các PTĐT và các nguồn kết nối khác; ghi lại các thông số về thiết bị (nơi sản xuất, model, số serial,...). Tiến hành tắt nguồn PTĐT.

+ Thu giữ PTĐT: Thực hiện niêm phong PTĐT; chú ý niêm phong các khe cắm mở rộng và vị trí kết nối cáp, vị trí kết nối dây nguồn điện. Khi thu giữ PTĐT cần thu giữ các phụ kiện đi kèm như: Dây cáp, sạc,... để đảm bảo đồng bộ khi kiểm tra, phục hồi, tìm kiếm, giám định sau này.

- Thu thập dữ liệu điện tử từ hệ thống máy chủ

Hệ thống máy chủ là nơi lưu trữ DLĐT tập trung, có hệ thống, phục vụ hoạt động kinh doanh, quản lý và các hoạt động khác của cơ quan, tổ chức, cá nhân. DLĐT trong trường hợp này có thể tồn tại dưới dạng ứng dụng phần mềm, cơ sở dữ liệu; DLĐT có thể phân tán trên nhiều máy ở một số địa điểm; chỉ sử dụng mạng nội bộ, hoặc kết nối qua mạng Internet. Việc thu thập DLĐT từ hệ thống máy chủ được thực hiện như sau:

+ Yêu cầu đối tượng, người quản trị, vận hành hệ thống cung cấp các thông tin về sơ đồ kết nối, nguyên lý hoạt động, mạng lưới lưu trữ, tài khoản quản trị hệ thống,... để có phương án cách ly, thu giữ DLĐT, PTĐT phù hợp.

+ Kiểm tra, ngắt các kết nối đến các vùng mạng khác (như mạng Internet, trụ sở khác) nhằm tránh việc kết nối để can thiệp, làm thay đổi dữ liệu trên hệ thống máy chủ. Trường hợp các thao tác bật, ngắt kết nối phải do đối tượng, người vận hành, người quản trị trực tiếp thực hiện thì phải có sự giám sát của người có chuyên môn kỹ thuật (ĐTV, cán bộ kỹ thuật hoặc người có chuyên môn kỹ thuật do CQĐT trung dụng), không để đối tượng có điều kiện phá hủy, làm thay đổi dữ liệu trên máy chủ.

+ Thu giữ, niêm phong PTĐT: Trường hợp có thể tiến hành thu giữ máy chủ, ĐTV tiến hành thủ tục thu giữ máy chủ cùng với các PTĐT liên quan. Việc niêm phong, bảo quản được thực hiện như đối với máy tính độc lập.




(i) Trường hợp không thể thu giữ máy chủ, ĐTV chủ trì thực hiện sao lưu DLĐT ra phương tiện lưu trữ chuyên dụng; lập biên bản niêm phong phương tiện lưu trữ này; lập biên bản giao cho cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan bảo quản nguyên trạng hệ thống máy chủ.

(ii) Trường hợp máy chủ đặt tại nước ngoài thì tiến hành ngay việc thu thập DLĐT bằng cách yêu cầu người quản trị truy cập vào máy chủ để tải xuống các dữ liệu. Việc truy cập, tải dữ liệu từ máy chủ phải do ĐTV, cán bộ kỹ thuật, người có chuyên môn thực hiện hoặc giám sát việc thực hiện để tránh việc phá hủy, thay đổi dữ liệu.

- Dữ liệu trong các thiết bị lưu trữ

+ Phương pháp phát hiện




(i) Một số loại ổ đĩa cứng




HDD (Hard Disk Drive)	SSD (Solid State Drive)	PCIe - NVMe
		


(ii) Một số loại ổ cứng di động (HDD Portable)

Loại thường	Loại có Password
	



(iii) Một số loại thẻ nhớ: SD (Secure Digital)/MicroSD, SDHC(Secure Digital High Capacity) /MicroSDHC, SDXC (Secure Digital Extended Capacity)/MicroSDXC

Thẻ nhớ SD/MicroSD				
	Full SD	Mini SD	Micro SD	Dung lượng
SD				đến 2GB


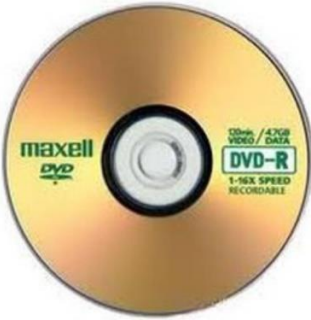
Thẻ nhớ SDHC/MicroSDHC				
SDHC				Dung lượng cao 4GB đến 32GB

Thẻ nhớ SDXC/MicroSDXC				
SDXC				Dung lượng mở rộng trên 32GB đến 2TB

(iii) Một số loại USB (Universal Serial Bus):

USB thường	USB dung lượng đến 2TB
	

(iiii) Một số loại đĩa nhựa CD (Compact Disc), DVD (Digital Versatile Disc/Digital Video Disc)

CD/CD-RW	DVD/DVD-RW
	
CD1: 650MB; CD2: 700MB	DVD5: 4.7GB; DVD9: 8.5GB; DVD10: 9.4GB; DVD18: 17GB

+ *Phương pháp thu thập*: Kiểm tra sơ bộ, xác định chủng loại PTĐT để có cách thức thu thập DLĐT phù hợp tùy theo từng loại PTĐT. Yêu cầu đối tượng hoặc chủ sở hữu PTĐT cung cấp mật khẩu mở khóa (nếu có), phương thức hoạt động, lưu trữ dữ liệu, cách thức kết nối, tài khoản,...

Kiểm tra sơ bộ DLĐT, trường hợp cần thiết có thể thu thập ngay DLĐT bằng cách in ra giấy cho đối tượng ký xác nhận, trích xuất, lưu trữ DLĐT vào phương tiện lưu trữ. Trường hợp không thể kiểm tra được ngay thì tiến hành niêm phong, thu giữ PTĐT để kiểm tra, khai thác, phục hồi, giám định tại CQĐT





hoặc cơ quan chuyên môn. Sử dụng máy tính hoặc các phương tiện kỹ thuật chuyên dùng để trực tiếp khai thác, thu thập dữ liệu trong các thiết bị lưu trữ.

- Dữ liệu camera

+ Đầu ghi hình kỹ thuật số (DVR)/ đầu ghi hình mạng (NVR)/máy chủ camera (Server)

*Phương pháp phát hiện

(i) Đầu ghi hình DVR (Digital Video Recoder)/NVR (Network Video Recoder)

DVR	NVR
	
Mặt sau	Mặt sau
	
Server	
	

(ii) Dữ liệu camera của đầu ghi hình DVR/NVR được lưu trữ trong ổ cứng HDD/SSD gắn bên trong đầu ghi hình.

HDD (Hard Disk Drive)	SSD(Solid State Drive)
	
	

Khoảng thời gian lưu trữ dài hay ngắn phụ thuộc vào:

- (i) Dung lượng ổ cứng (Capacity)
- (ii) Độ phân giải camera (Resolution)
- (iii) Tốc độ khung hình/giây (Frame rate): Là tần số xuất hiện các khung hình riêng lẻ mà camera chụp trong một giây. Đơn vị đếm khung hình là fps - Frame Per Second.
- (iiii) Chuẩn nén hình ảnh (Encoding): H.264 / H.265

(iii) Bitrate (Kbps): Là một thuật ngữ chỉ khối lượng dữ liệu được truyền trong một khoảng thời gian nhất định. Đối với camera, Bitrate là tổng lượng dữ liệu được ghi lại trong mỗi giây mà camera thu được; hay nói cách khác, trong 1 giây camera sẽ ghi được bao nhiêu khung hình. Số khung hình ghi được càng nhiều thì hình ảnh sẽ càng mịn hơn, chất lượng và rõ nét hơn.

Cách tính dung lượng ổ cứng lưu trữ dữ liệu cho camera:

(i) Dung lượng (Gigabyte) = (3600 (số giây trong 1 giờ) x 24 (số giờ trong 1 ngày) x Bitrate của camera (Kbps))/8 (1 byte = 8 bits)/1024 (Megabyte)/1024 (Gigabyte).

Trong đó, Bitrate mặc định của camera IP chuẩn nén H.264 có độ phân giải 720P là 2048Kbps; độ phân giải 1080P (Full HD) là 4096Kbps

+ Ví dụ: Tính dung lượng lưu trữ trong 1 ngày của camera 2.0MP (Full HD - 1080P), chuẩn nén H.264:

$$\text{Dung lượng (GB)} = (((3600 \times 24 \times 4096):8):1024):1024 = 42\text{GB}$$

(ii) Đầu ghi hình DVR/NVR thông thường sử dụng hệ điều hành được phát triển từ dạng hệ điều hành Linux, với các phiên bản phần mềm (firmware) khác nhau. Dữ liệu camera đầu ghi hình DVR/NVR được lưu trữ dưới dạng cấu trúc tổng hợp, không lưu thành từng file riêng lẻ.

+ *Phương pháp thu thập*

(i) Trước khi thu thập dữ liệu, cần thực hiện ngắt kết nối mạng (mạng nội bộ LAN/Wifi, mạng Internet) để đảm bảo an toàn dữ liệu camera (tránh trường hợp đối tượng có thể đăng nhập trong mạng LAN/Wifi hoặc từ xa qua mạng Internet để thực hiện format - xoá hết dữ liệu).

(ii) Ghi nhận lại toàn bộ thông tin liên quan đến hệ thống camera, như: số lượng camera hiển thị; tên, số serial, thời gian hệ thống, thời gian ghi hình của đầu ghi hình, thông tin đăng nhập,...

(iii) Thực hiện trích xuất dữ liệu bằng cách sử dụng thiết bị lưu trữ USB gắn trực tiếp vào đầu ghi hoặc sử dụng máy tính có cài đặt phần mềm chuyên dùng kết nối trực tiếp với đầu ghi thông qua cáp mạng để trích xuất dữ liệu.

(iiii) Trường hợp không thu thập được dữ liệu camera ngay tại hiện trường, mà phải thu giữ đầu ghi hình để mang về thì cần thu thêm tài khoản đăng nhập (Username, Password) và nguồn cung cấp cho đầu ghi (adaptor).

+ Camera IP kết nối với đầu ghi hình DVR/NVR từ xa qua mạng Internet thông qua tên miền DNS (Domain Name System)

* Phương pháp phát hiện

(i) Camera IP hỗ trợ P2P, DNS

Camera IP dome	Camera IP thân
	

(ii) Không có đầu ghi hình tại địa điểm có camera; camera có kết nối với mạng Internet.

(iii) Thông thường, các camera IP thông dụng có chức năng xem từ xa qua mạng Internet qua giao thức P2P (Peer to Peer). Kiểm tra bên trong có phát hiện có tên miền có khả năng kết nối với đầu ghi hình từ xa qua mạng Internet; do đa số đầu ghi hình không hỗ trợ kết nối camera từ xa qua P2P, chỉ hỗ trợ kết nối camera từ xa qua DNS.

(iiii) Dữ liệu camera của loại camera này được lưu trữ trong ổ cứng HDD/SSD của đầu ghi hình DVR/NVR từ xa.

* Phương pháp thu thập

(i) Ghi nhận lại toàn bộ thông tin liên quan đến camera, như: tên, số serial, thời gian hệ thống, DNS/ P2P.

(ii) Yêu cầu cung cấp thông tin liên quan đến đầu ghi hình DVR/NVR từ xa mà camera kết nối đến.



(iii) Thực hiện trích xuất dữ liệu bằng cách sử dụng máy tính có cài đặt phần mềm chuyên dùng kết nối với đầu ghi thông qua mạng Internet để trích xuất dữ liệu.

(iiii) Trường hợp không thu thập được dữ liệu camera ngay tại hiện trường, cần phải thu giữ camera, đầu ghi hình và thu thêm tài khoản đăng nhập (Username, Password) của đầu ghi hình và camera.

+ *Dữ liệu camera điện toán đám mây (cloud - camera IP): Camera IP hoặc đầu ghi hình mạng NVR*

* Phương pháp phát hiện

(i) Camera IP

Camera IP dome	Camera IP thân
	

(ii) Không có đầu ghi hình tại địa điểm có camera; camera không có thẻ nhớ; camera có kết nối với mạng Internet; có thể xem lại dữ liệu camera (playback)

(iii) Dữ liệu camera của các loại camera Cloud được lưu trữ trên môi trường mạng Internet, trên máy chủ của nhà cung cấp dịch vụ.

* Phương pháp thu thập

(i) Ghi nhận lại toàn bộ thông tin liên quan đến camera, như: tên, số serial, thời gian hệ thống, tài khoản đăng nhập, nhà cung cấp dịch vụ,...

(ii) Thực hiện trích xuất dữ liệu bằng cách sử dụng máy tính có cài đặt phần mềm chuyên dùng đăng nhập vào camera cloud để trích xuất dữ liệu.

(iii) Trường hợp không thu thập được dữ liệu camera ngay tại hiện trường, cần phải thu giữ camera và thu thêm tài khoản đăng nhập (Username, Password) của nhà cung cấp dịch vụ và nguồn cung cấp cho đầu ghi (adaptor).


+ Camera thẻ nhớ/camera hành trình trên phương tiện giao thông

* Phương pháp phát hiện

(i) Camera thẻ nhớ và camera hành trình:

Camera thẻ nhớ	Camera hành trình
	

(ii) Đa số dữ liệu camera của các loại camera dạng thẻ nhớ được lưu trữ trong các thẻ nhớ loại MicroSD.

Thẻ nhớ SD


(iii) Khoảng thời gian lưu trữ dài hay ngắn phụ thuộc vào dung lượng thẻ nhớ, loại chuẩn nén camera, độ phân giải camera và các thông số thiết lập, cấu hình của đầu ghi hình.

* Phương pháp thu thập

(i) Do dữ liệu camera được lưu trữ dưới dạng các file nên khi thu thập dữ liệu có thể chỉ cần thu thẻ nhớ và ghi nhận tên, loại, nhãn hiệu, số serial nếu có của camera.

(ii) Tuy nhiên, để đảm bảo việc thu thập đạt hiệu quả, nhanh chóng, khi thu thập nên thu toàn bộ camera, Username và Password và nguồn cung cấp cho đầu ghi (adaptor).

+ *Thiết bị định vị toàn cầu GPS (Global Positioning System)*

* Phương pháp phát hiện

(i) Thiết bị định vị GPS (hộp đen định vị GPS)

GPS	GPS kết hợp camera hành trình
	

(ii) Dữ liệu GPS gồm dữ liệu hành trình, vị trí, thời gian, trạng thái (dừng, đỗ,...), vận tốc,... của phương tiện giao thông được lưu trữ trên môi trường mạng Internet, trên máy chủ của nhà cung cấp dịch vụ.

(iii) Dữ liệu camera được lưu trữ trong thẻ nhớ nếu thiết bị GPS có tích hợp camera hành trình.

* Phương pháp thu thập

(i) Ghi nhận lại toàn bộ thông tin liên quan đến GPS, như: tên thiết bị, model, số serial, thông tin nhà cung cấp dịch vụ, tên miền truy cập, thông tin tài khoản truy cập (Username, Password).

(ii) Sử dụng máy tính có kết nối mạng Internet, đăng nhập trực tiếp vào tên miền để thực hiện trích xuất (download) dữ liệu GPS có liên quan.

(iii) Trường hợp không thu thập được dữ liệu GPS ngay tại hiện trường, mà phải thu giữ GPS để mang về thì cần thu thêm tài khoản đăng nhập (Username, Password) và toàn bộ các loại cáp kết nối có liên quan.

+ Thu thập dữ liệu điện tử từ mạng máy tính, mạng viễn thông, đường truyền.

CQĐT thực hiện thu thập DLĐT từ mạng máy tính, viễn thông, đường truyền thông qua các hoạt động sau:

(i) Yêu cầu cơ quan, tổ chức cung cấp các loại dịch vụ mạng cung cấp bản sao DLĐT do đối tượng sử dụng dịch vụ hình thành, như: dịch vụ lưu trữ dữ liệu (Google Drive, Dropbox,...), thư điện tử, mạng xã hội,...; đồng thời yêu cầu tổ chức quản lý, bảo quản DLĐT.

(ii) Yêu cầu cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ mạng viễn thông cung cấp DLĐT, như: Thông tin chủ thuê bao, lịch sử cuộc gọi, tin nhắn, danh bạ, tọa độ,...

(iii) Yêu cầu cơ quan chuyên trách trong Công an nhân dân thi hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt để thu thập DLĐT.

(iiii) Trường hợp DLĐT là các thông tin được đăng tải trên các trang mạng, báo điện tử, CQĐT tiến hành lập biên bản khai thác, thu thập DLĐT trên các trang mạng, báo điện tử thành các dạng có thể đọc được, nghe được, nhìn thấy được. Quá trình kiểm tra có sự chứng kiến của Kiểm sát viên và cơ quan chức năng nếu xét thấy cần thiết. Kết hợp với việc yêu cầu cơ quan, tổ chức bên thứ ba cung cấp bản sao DLĐT, CQĐT có thể tìm kiếm, khai thác DLĐT trên các thiết bị di động, máy tính,... của đối tượng khi đối tượng sử dụng dịch vụ của bên thứ ba.

+ Thu thập dữ liệu điện tử từ tài khoản mạng xã hội, ứng dụng trên nền tảng Internet.

Việc thu thập DLĐT từ các tài khoản mạng xã hội, ứng dụng trên nền tảng Internet (Facebook, Twitter, Messenger, Zalo, Viber, Wechat, Telegram, WhatsApp, Gmail, Yahoo, YouTube, Tiktok,...) được ĐTV thực hiện ngay The trong quá trình kiểm tra PTĐT của đối tượng, hoặc sử dụng thiết bị điện tử của

CQĐT đăng nhập các tài khoản mạng xã hội, ứng dụng trên nền tảng Internet của đối tượng trong trường hợp đối tượng hợp tác cung cấp mật khẩu đăng nhập.

- Sau khi đăng nhập các tài khoản mạng xã hội, ứng dụng mà đối tượng sử dụng, ĐTV tiến hành tìm kiếm DLĐT như sau:

+ Đối với ứng dụng mạng xã hội như Facebook, Twitter, ... cần kiểm tra các dữ liệu sau: Nội dung trang quản trị; danh sách bạn, nội dung bài đăng tải, số lượng người thích, chia sẻ, bình luận; danh sách hội nhóm mà đối tượng tham gia,...

+ Đối với ứng dụng có chức năng gọi điện, nhắn tin như Zalo, Viber, Telegram, WhatsApp, Messenger,... cần kiểm tra các dữ liệu sau: Danh bạ, danh sách cuộc gọi đi, gọi đến; nội dung tin nhắn, hình ảnh, video, nhật ký, bình luận,... Khi kiểm tra cần chú ý các tính năng xóa, thu hồi, ẩn dữ liệu của ứng dụng để tìm kiếm, ghi nhận nội dung liên quan.

+ Đối với tài khoản thư điện tử như Gmail, Yahoo,... cần kiểm tra các dữ liệu sau: Danh bạ, hộp thư đến, hộp thư đi, hộp thư nháp, thùng rác. Khi phát hiện DLĐT có liên quan đến vụ án, vụ việc, cần ghi nhận đầy đủ các thông tin về người gửi, người nhận, thời gian, nội dung thư, tệp đính kèm,...

+ Đối với tài khoản sử dụng tài nguyên, dịch vụ điện toán đám mây, như dịch vụ lưu trữ, quản trị doanh nghiệp, máy chủ cơ sở dữ liệu, web,...: Tùy theo dịch vụ sử dụng, ĐTV đăng nhập tài khoản, tiến hành tìm kiếm, kiểm tra, thu thập các dữ liệu lưu trữ có liên quan đến vụ án, vụ việc.

+ Thu thập DLĐT: Sau khi xác định DLĐT cần thu thập, ĐTV tiến hành thu thập DLĐT bằng cách in ảnh, in tài liệu ra giấy cho đối tượng ký xác nhận; chụp ảnh màn hình và in ảnh chụp màn hình; trích xuất, lưu trữ DLĐT vào phương tiện lưu trữ.

+ Lập biên bản: Ghi rõ đầy đủ quá trình, diễn biến, kết quả kiểm tra, có đầy đủ chữ ký của các thành phần theo quy định.

Trường hợp đối tượng không cung cấp mật khẩu đăng nhập các tài khoản mạng xã hội, ứng dụng trên nền tảng Internet, không ký xác nhận thì ghi rõ vào

biên bản và tiến hành thu thập DLĐT bằng các biện pháp đã nêu tại mục 2.6 của Hướng dẫn số 19/HD-BCA-A09 .

Hiện nay, hầu hết các tài khoản ứng dụng mạng xã hội, hộp thư điện tử đều sử dụng phương thức xác thực bảo mật 2 lớp (nhập mật khẩu, mã xác nhận thông qua hộp thư điện tử hoặc điện thoại của đương sự). Vì vậy, trong trường hợp cần thiết, để phòng ngừa việc đối tượng yêu cầu đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông cấp đổi SIM mới (giữ nguyên số điện thoại) và sử dụng đăng nhập ứng dụng để xóa dữ liệu, sau khi thu giữ SIM điện thoại của đối tượng, CQĐT gửi văn bản yêu cầu đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông không cấp đổi SIM đối với số điện thoại được sử dụng để xác thực bảo mật. ĐTV tiến hành thay đổi mật khẩu đăng nhập các tài khoản trên các ứng dụng mạng xã hội, Internet mà đối tượng đang sử dụng để ngăn chặn việc dữ liệu bị xóa từ xa. Việc thay đổi này phải được ghi nhận trong biên bản.

Từ phân tích cho thấy việc thu thập DLĐT trong khởi tố, điều tra vụ án hình sự đối với CQĐT của CAND về cơ bản đã có quy trình, đảm bảo giá trị của nguồn chứng cứ là DLĐT. Tuy nhiên, xét trên góc độ pháp lý thì hướng dẫn số: 19 /HD-BCA-A09 ngày 19/7/2024 của Cục An ninh điều tra Bộ Công an về cách thức, biện pháp thu thập DLĐT từ các PTĐT chỉ có giá trị áp dụng trong ngành Công an, không phải là văn bản pháp luật có giá trị áp dụng với Viện kiểm sát và Tòa án, ví dụ: đối tượng nhận tiền của nạn nhân, rồi nhập điểm vào mạng. Khi khôi phục dữ liệu trên máy tính, đối chiếu với lời khai, có quan điểm cho rằng, chứng cứ này chưa có tính thuyết phục vì việc giao nhận tiền không có ký nhận của hai bên, ngoài ra một số biện pháp thu thập bí mật DLĐT hiện chưa có hướng cụ thể, vì vậy trong thực tiễn thu thập DLĐT, giữa CQĐT và Viện kiểm sát và Tòa án còn có những quan điểm chưa thống nhất khi đánh giá về giá trị chứng minh của DLĐT do CQĐT đã thu thập trước đó¹¹³.

¹¹³ Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định về thu thập bí mật dữ liệu điện tử là một biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt (Điều 223) liên quan đến quyền con người, quyền công dân nhưng chưa có văn bản hướng dẫn chi tiết về vấn đề này để các cơ quan thực thi pháp luật thực hiện thống nhất, đúng quy định pháp luật.

Nghiên cứu cho thấy, trong quá trình thu thập DLĐT để chứng minh các cơ quan THTT cũng thường gặp phải rất nhiều những trở ngại khác nhau trong quá trình thu thập DLĐT. Chẳng hạn như đối với các đối tượng phạm tội qua các mạng xã hội như Facebook, Zalo, Whatsapp,..., CQĐT thường gặp khó khăn trong việc xác định nhân thân, địa chỉ thật của người thực hiện hành vi phạm tội vì họ thường sử dụng thông tin giả. Các DLĐT này cũng dễ dàng bị tiêu hủy bởi người quản trị. CQĐT còn phải đối mặt với nhiều vấn đề nan giải trong việc liên kết với các nhà cung cấp dịch vụ mạng ở nước ngoài liên quan đến các trang mạng xã hội này.¹¹⁴ Hơn nữa, các nhà cung cấp dịch vụ mạng, hay các công ty thiết bị điện tử cũng thường sẽ có các chính sách bảo mật thông tin khách hàng. Họ chỉ cung cấp thông tin khi có lệnh của Tòa án nước sở tại, hoặc thậm chí sẵn sàng từ chối hợp tác trong việc cung cấp dữ liệu trong thiết bị điện tử của người thực hiện hành vi phạm tội cho CQĐT.¹¹⁵ Mặt khác, phần lớn các nạn nhân đều không có kiến thức về bảo quản và thu thập dấu vết điện tử phục vụ cho công tác điều tra, nên thường có hành vi làm ảnh hưởng đến sự toàn vẹn của DLĐT như mở máy, tự kiểm tra máy, nhờ người không có chuyên môn kiểm tra, để lây nhiễm vi-rút,...¹¹⁶ Tất cả những vấn đề trên đều đang đặt ra những thách thức nặng nề lên vai của các cơ quan, những người có thẩm quyền THTT trong việc thu thập và xử lý nguồn chứng cứ là DLĐT.

Về phía người bào chữa, mặc dù Bộ luật TTHS 2015 đã cho phép họ quyền được thu thập và tiếp cận với nguồn chứng cứ là DLĐT, song, theo khảo sát mà nhóm tác giả thực hiện lại chỉ ra rằng không phải lúc nào luật sư cũng

¹¹⁴ Doãn Thị Thu (2020), “Xử lý tội phạm sử dụng công nghệ cao để chiếm đoạt tài sản ở địa bàn tỉnh Thái Bình: những khó khăn, vướng mắc và giải pháp thực hiện”, *VKSND tỉnh Thái Bình*, [<http://vksndthaibinh.gov.vn/Article/2575/Xu-ly-toi-pham-su-dung-cong-nghe-cao-de-chiem-doat-tai-san-o-dia-ban-tinh-Thai-Binh-nhung-kho-khan-.html>] (truy cập ngày 28/06/2021).

¹¹⁵ Từ trước đến nay, Apple luôn từ chối việc thực thi pháp luật địa phương và quốc tế liên quan đến việc mở khóa thiết bị. Lý do chính cho điều này là quyền riêng tư của người dùng đối với số lượng lớn khách hàng của hãng. Nguồn: “Apple reportedly refused to Unlock US Navy Base Shooter’s iPhone”, *Gizmochina*, [<https://www.gizmochina.com/2020/01/14/apple-reportedly-refused-to-unlock-us-navy-base-shooters-iphone/>] (truy cập ngày 05/11/2020).

¹¹⁶ Trần Văn Hòa (2015), chú dẫn số 15, tr. 233.

có thể dễ dàng thực hiện các quyền ấy. Thực tế cũng đã cho thấy những hạn chế tương tự, khi có nơi cho sao chụp DLĐT, nơi lại không. Luật sư Trương Anh Tú (Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội) cho biết ông đã tham gia bào chữa cho một số bị can trong VAHS xảy ra ở Thành phố Trà Vinh. Trong vụ án, cơ quan chức năng đã trích xuất camera an ninh để đưa dữ liệu này vào hồ sơ. Tuy nhiên, trong quá trình tiếp cận hồ sơ, luật sư Tú làm đơn yêu cầu được tiếp cận, sao chép dữ liệu này nhưng cơ quan tố tụng tỉnh Trà Vinh không đồng ý. Trái lại, luật sư Trần Bá Học (Đoàn luật sư TPHCM) cho biết ông từng tham gia nhiều vụ án có chứng cứ là video, DLĐT và đều được các cơ quan tố tụng tạo điều kiện cho tiếp cận, sao chép DLĐT.¹¹⁷

Thu thập và tiếp cận được với nguồn chứng cứ là DLĐT đã là một thách thức lớn, nhưng việc khai thác được chúng lại là một vấn đề nan giải không kém khác đối với người bào chữa. Nghiên cứu cho thấy nhiều luật sư đã từng gặp phải tình huống mà họ tiếp cận được với nguồn chứng cứ là DLĐT nhưng không thể khai thác nguồn chứng cứ này do các lý do khách quan. Trong đó, một số lý do được chính các luật sư nêu ra như: tài liệu có liên quan đến bí mật nhà nước, tài liệu mật, chính sách bảo mật của các nhà cung cấp dịch vụ khiến cho luật sư không thể khai thác; đối tượng lưu giữ chứng cứ là DLĐT không cung cấp tài liệu cho luật sư; việc bảo quản các chứng cứ không được đảm bảo khiến cho chứng cứ bị hư hỏng, không thể xem hoặc đọc do thời gian dài;... Ngoài ra, luật sư cũng như những người bào chữa khác cũng thường gặp rất nhiều những khó khăn khác xoay quanh việc khai thác nguồn chứng cứ là DLĐT thu thập được. Khảo sát của nhóm tác giả ghi nhận đến 57,1% luật sư cho rằng rất khó có thể chứng minh DLĐT do người bào chữa tự thu thập có tính khách quan và tính hợp pháp. Một trong những lý do mà các luật sư thường hay đưa ra nhất để giải thích cho vấn đề này là việc khám xét, lập

¹¹⁷ Tuyết Mai (2020), “DLĐT, mỗi nơi ứng xử mỗi kiểu”, *Báo Tuổi trẻ Online*, [<https://tuoitre.vn/du-lieu-dien-tu-moi-noi-ung-xu-moi-kieu-20201013221250923.htm>] (truy cập ngày 17/04/2021).

biên bản, kỹ thuật công nghệ tiên tiến,... của họ không được thuận lợi như CQĐT. Vì vậy để thu thập được DLĐT đã khó, phải chứng minh nguồn gốc và tính toàn vẹn, quy trình thu thập đúng pháp luật càng khó hơn.

- Ngoài ra trong hoạt động thu thập nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử còn một số khó khăn như:

+ Hành vi phạm tội trong lĩnh vực CNTT, mạng viễn thông thường không bị phát hiện ngay sau khi gây án, thậm chí cơ sở dữ liệu bị tấn công, lấy cắp diện rộng, trong thời gian rất phát hiện như vụ APT30, vụ VCCorp, vụ Snowden, dẫn đến không có biện pháp kịp thời tổ chức công tác điều tra như tìm, bảo quản và thu thập dấu vết điện tử về vụ tấn công mạng.

+ Phần lớn nạn nhân không có kiến thức về bảo quản và thu thập dấu vết điện tử phục vụ công tác điều tra nên thường có hành vi làm ảnh hưởng đến sự toàn vẹn của dữ liệu (làm mất dấu vết điện tử chứng minh về thủ phạm và hành vi tấn công) như mở máy, tự kiểm tra máy, nhờ người không có chuyên môn kiểm tra, để lây nhiễm virus...

+ Phần lớn tổ chức và cá nhân là nạn nhân có nhu cầu phải gấp rút khôi phục lại hoạt động của máy tính, hệ thống mạng nên đã nhanh chóng format lại cứng của máy tính, hệ thống máy chủ bị tấn công (mail server, firewall, application server...) để xóa mã độc, dựng lại hệ thống mạng), nhưng đồng thời xóa hết dấu vết điện tử về thủ phạm và nguồn gốc tấn công (logfile, IP, dấu vết máy tấn công, dấu vết lấy cắp dữ liệu, mã độc đã bị cài vào hệ thống. tên miền hoặc thư điện tử nhận dữ liệu lấy cắp...).

+ Nhiều trường hợp, chứng cứ về hành vi phạm tội, nạn nhân, thiệt hại... chỉ tồn tại ở dạng DLĐT trên môi trường mạng, lưu trữ trên máy chủ ở nước ngoài, sau một thời gian nhất định sẽ tự động xóa theo lập trình của hệ thống. Khi có nguy cơ bị lộ, người quản trị chỉ cần vài phút là có thể xóa hết dữ liệu này. Các ISP nước ngoài, thậm chí cả nạn nhân (như ngân hàng, công ty bán hàng qua mạng) chỉ cung cấp thông tin, khi có lệnh (Search Warrant) của Tòa án nước sở tại.

+ Nhiều dữ liệu chỉ tồn tại một lần, phải chặn thu trên đường truyền (sử dụng Proxy gửi dữ liệu lên dịch vụ lưu trữ ở nước ngoài, gọi điện thoại VoIP, dịch vụ OTT, cá độ, mua hàng trên mạng...), dữ liệu về hành vi tấn công mạng, nạn nhân, thiệt hại lưu trên máy chủ ở nước ngoài... chỉ có thể thu thập được trong giai đoạn trinh sát ban đầu. Vì các đối tượng nắm quyền quản trị, nên khi khởi tố vụ án, thông tin bị lộ, lập tức xóa hết cơ sở dữ liệu đang lưu trên máy chủ ở nước ngoài. Lúc đó, ĐTV chỉ có thể sử dụng DLĐT đã thu trong giai đoạn trinh sát và chuyển hóa thành chứng cứ theo thủ tục TTHS.

+ Một nguồn dữ liệu quan trọng là máy tính, USB, điện thoại di động, email... của đối tượng. Tuy nhiên, nếu không bảo đảm được tính bí mật và đồng loạt phá án thì đối tượng chỉ cần vài phút là có thể dễ dàng xóa dữ liệu, tiêu hủy hết tang vật, chứng cứ trước khi khám xét.

+ Dữ liệu điện tử, chứng cứ có liên quan đến hành vi phạm tội và đối tượng gây án thường được lưu trên máy chủ ở nước ngoài: Hacker thường sử dụng thư điện tử miễn phí như Yahoo, G.mail, Hotmail... và sử dụng chat rooms, Facebook, IRC, các diễn đàn (forum), blogs, Proxy server... của các ISP nước ngoài để trao đổi thông tin tội phạm, lưu trữ dữ liệu phạm tội trên các máy chủ đặt tại Hoa Kỳ, châu Âu. Đây là các ISP, trung tâm lưu trữ dữ liệu (hosting) miễn phí, cho phép sử dụng nặc danh, không cần khai báo danh tính thật.

2. Thực tiễn hoạt động giám định, bảo quản, kiểm tra, đánh giá chứng cứ có nguồn là dữ liệu điện tử

- Bảo quản nguồn chứng cứ DLĐT

Như phân tích ở phần lý luận, hiện nay Bộ luật TTHS cũng như các văn bản dưới luật mới chỉ dừng lại ở việc định hướng bảo quản nguồn chứng cứ là DLĐT như vật chứng, chưa có quy định về cách thức và biện pháp bảo quản DLĐT cũng như PTĐT, vì vậy trong thực tiễn áp dụng pháp luật, việc bảo quản nguồn chứng cứ là DLĐT vẫn còn có những khó khăn, hạn chế nhất định. Tuy nhiên, qua nghiên cứu, trao đổi với một số ĐTV đang công tác tại Cơ quan điều

tra ở Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Đắk Lắk..cho thấy việc bảo quản nguồn chứng cứ là DLĐT hiện nay được tiến hành như sau:

- Phương pháp bảo quản các loại phương tiện điện tử

+ *Bảo quản điện thoại di động loại thường*

* Không tự tháo rời các bộ phận như pin, SIM của điện thoại có thể bị hư hỏng do quá trình thao tác hoặc bị mất dữ liệu, thông tin liên quan cuộc gọi.

* Bảo quản điện thoại trong điều kiện môi trường, không gian thoáng, mát; tránh môi trường ẩm ướt, hoặc nhiệt độ quá cao; để trong tủ hút ẩm nếu có.

+ *Bảo quản điện thoại di động thông minh, máy tính bảng*

* Không tự tháo rời các bộ phận như pin, SIM của điện thoại có thể bị hư hỏng do quá trình thao tác hoặc bị mất dữ liệu, thông tin liên quan cuộc gọi.

* Bảo quản điện thoại trong điều kiện môi trường, không gian thoáng, mát; tránh môi trường ẩm ướt, hoặc nhiệt độ quá cao; để trong tủ hút ẩm nếu có.

+ *Bảo quản dữ liệu trong máy vi tính*

* Bảo quản máy tính trong điều kiện môi trường, không gian thoáng, mát; tránh môi trường ẩm ướt, hoặc nhiệt độ quá cao; để trong tủ hút ẩm nếu có.

* Không để máy tính quá lâu có thể dẫn đến hư hỏng hoặc hết Pin CMOS có thể làm thay đổi thông tin dữ liệu.

+ *Bảo quản dữ liệu trong các thiết bị lưu trữ*

* Bảo quản các thiết bị lưu trữ trong điều kiện môi trường, không gian thoáng, mát; tránh môi trường ẩm ướt, hoặc nhiệt độ quá cao; để trong tủ hút ẩm nếu có.

* Đối với các loại đĩa nhựa, không được để trầy, tróc hoặc dính keo, hoá chất có thể làm ảnh hưởng lên bề mặt lưu trữ dữ liệu dẫn đến không đọc được dữ liệu.

* Không gắn các thiết bị ổ cứng, ổ cứng di động, USB, thẻ nhớ vào máy tính nhiễm virus có thể làm thay đổi, hư hỏng, mất mát dữ liệu.

+ *Bảo quản dữ liệu Camrera*

* Bảo quản đầu ghi hình kỹ thuật số (DVR)/ đầu ghi hình mạng (NVR)/máy chủ camera (Server)

(i) Bảo quản đầu ghi hình camera trong điều kiện môi trường, không gian thoáng, mát; tránh môi trường ẩm ướt, hoặc nhiệt độ quá cao; để trong tủ hút ẩm nếu có.

(ii) Không tự tháo rời các bộ phận của đầu ghi hình, nhất là không tháo rời ổ cứng có thể bị hư hỏng do quá trình thao tác.

(iii) Không kết nối ổ cứng của đầu ghi hình vào máy tính có thể làm thay đổi cấu trúc dữ liệu, dẫn đến mất mát, hư hỏng dữ liệu.

(iiii) Đối với một số loại đầu ghi hình đời cũ, cần tắt chức năng ghi hình vì dữ liệu mới và có thể ghi đè lên dữ liệu cũ trong quá trình kiểm tra, trích xuất.

(iiiii) Không tự ý hiệu chỉnh thời gian trong đầu ghi hình có thể làm thay đổi dữ liệu, khó khăn cho việc tìm kiếm, trích xuất, khôi phục hoặc có thể làm mất dữ liệu do bị ghi đè. Không tự ý thay đổi thông tin, cấu hình đã được thiết lập trong đầu ghi hình, camera nếu có.

* Bảo quản camera IP kết nối với đầu ghi hình DVR/NVR từ xa qua mạng Internet thông qua tên miền DNS (Domain Name System)

(i) Bảo quản đầu ghi hình camera trong điều kiện môi trường, không gian thoáng, mát; tránh môi trường ẩm ướt, hoặc nhiệt độ quá cao; để trong tủ hút ẩm nếu có.

(ii) Không tự tháo rời các bộ phận của đầu ghi hình, nhất là không tháo rời ổ cứng có thể bị hư hỏng do quá trình thao tác.

(iii) Không kết nối ổ cứng của đầu ghi hình vào máy tính có thể làm thay đổi cấu trúc dữ liệu, dẫn đến mất mát, hư hỏng dữ liệu.

(iiii) Đối với một số loại đầu ghi hình đời cũ, cần tắt chức năng ghi hình vì dữ liệu mới và có thể ghi đè lên dữ liệu cũ trong quá trình kiểm tra, trích xuất.

(iiiii) Không tự ý hiệu chỉnh thời gian trong đầu ghi hình có thể làm thay đổi dữ liệu, khó khăn cho việc tìm kiếm, trích xuất, khôi phục hoặc có thể làm mất dữ liệu do bị ghi đè. Không tự ý thay đổi thông tin, cấu hình đã được thiết lập trong đầu ghi hình, camera nếu có.

* Bảo quản dữ liệu camera điện toán đám mây (cloud - camera IP):
Camera IP hoặc đầu ghi hình mạng NVR

(i) Bảo quản đầu ghi hình camera trong điều kiện môi trường, không gian thoáng, mát; tránh môi trường ẩm ướt, hoặc nhiệt độ quá cao; để trong tủ hút ẩm nếu có.

(ii) Không tự tháo rời các bộ phận của đầu ghi hình, nhất là không tháo rời ổ cứng có thể bị hư hỏng do quá trình thao tác.

(iii) Không kết nối ổ cứng của đầu ghi hình vào máy tính có thể làm thay đổi cấu trúc dữ liệu, dẫn đến mất mát, hư hỏng dữ liệu.

(iiii) Đối với một số loại đầu ghi hình đời cũ, cần tắt chức năng ghi hình vì dữ liệu mới và có thể ghi đè lên dữ liệu cũ trong quá trình kiểm tra, trích xuất.

(iiiii) Không tự ý hiệu chỉnh thời gian trong đầu ghi hình có thể làm thay đổi dữ liệu, khó khăn cho việc tìm kiếm, trích xuất, khôi phục hoặc có thể làm mất dữ liệu do bị ghi đè. Không tự ý thay đổi thông tin, cấu hình đã được thiết lập trong đầu ghi hình, camera nếu có.

+ *Bảo quản camera thẻ nhớ/camera hành trình trên phương tiện giao thông*

Thực hiện như đối với đầu ghi hình DVR/NVR

+ *Bảo quản thiết bị định vị toàn cầu GPS (Global Positioning System)*

* Bảo quản đầu ghi hình camera trong điều kiện môi trường, không gian thoáng, mát; tránh môi trường ẩm ướt, hoặc nhiệt độ quá cao; để trong tủ hút ẩm nếu có.

* Không tự tháo rời các bộ phận của đầu ghi hình, nhất là không tháo rời ổ cứng có thể bị hư hỏng do quá trình thao tác.

* Không kết nối ổ cứng của đầu ghi hình vào máy tính có thể làm thay đổi cấu trúc dữ liệu, dẫn đến mất mát, hư hỏng dữ liệu.

* Đối với một số loại đầu ghi hình đời cũ, cần tắt chức năng ghi hình vì dữ liệu mới và có thể ghi đè lên dữ liệu cũ trong quá trình kiểm tra, trích xuất.

* Không tự ý hiệu chỉnh thời gian trong đầu ghi hình có thể làm thay đổi dữ liệu, khó khăn cho việc tìm kiếm, trích xuất, khôi phục hoặc có thể làm mất dữ liệu do bị ghi đè.

* Không tự ý thay đổi thông tin, cấu hình đã được thiết lập trong đầu ghi hình, camera nếu có.

Đánh giá về phương pháp bảo quản DLĐT ở trên cho thấy, việc bảo quản DLĐT đã thực hiện theo quy trình nhằm bảo vệ giá trị chứng minh của DLĐT. Tuy nhiên nghiên cứu, đánh giá quy trình bảo quản chứng cứ là DLĐT nêu trên cho thấy vẫn còn một số hạn chế như:

Một là, Bộ luật TTHS không quy định quy trình bảo quản vật chứng của chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp đồ vật, tài sản hoặc chính quyền địa phương, cơ quan, tổ chức nơi có vật chứng. Từ thiếu sót trên, những cá nhân, tổ chức bảo quản PTĐT gốc có thể sẽ không biết bảo quản như thế nào, có được mở nguồn PTĐT đó để làm việc như bình thường không, bảo quản đến khi nào sẽ được xóa,... Đây là một trong những bất cập mà pháp luật tố tụng cần làm rõ để đảm bảo trọn vẹn tính khách quan đối với mọi loại chứng cứ, PTĐT.

Hai là, Pháp luật TTHS Việt Nam quy định PTĐT, DLĐT được bảo quản như vật chứng là không hợp lý. Đối với loại chứng cứ dễ bị hư hại như DLĐT, chỉ một thao tác sai lầm, hoặc ngay cả một tác động điều khiển ở khoảng cách xa cũng sẽ khiến cho nguồn chứng cứ là DLĐT mất đi tính nguyên vẹn và mất giá trị để chứng minh. Chính vì vậy, chứng cứ là DLĐT cần được bảo quản nghiêm ngặt ngay từ trước khi tiến hành thu thập, đồng thời trong bản thân các biện pháp thu thập chứng cứ nói chung và nguồn chứng cứ là DLĐT nói riêng thì luôn bao hàm cả các biện pháp bảo quản đặc biệt.¹¹⁸ Do đó, cần thiết phải tách bạch quy định về bảo quản nguồn chứng cứ thông thường và nguồn chứng cứ là DLĐT để hỗ trợ quá trình giải quyết VAHS, bảo đảm các nguyên tắc của pháp luật và giải quyết được những vấn đề pháp lý đặt ra xoay quanh DLĐT.

- Giám định DLĐT

Trên thực tế, việc trưng cầu giám định DLĐT hoàn toàn dựa trên suy luận của người THPT về việc DLĐT có vấn đề nào cần thiết phải được giám định hay không. Điều này đòi hỏi người THPT ngoài trình độ nghiệp vụ còn

¹¹⁸ Nguyễn Văn Cừ (2005), *Chứng cứ trong luật TTHS Việt Nam*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 180.

phải có một trình độ chuyên môn nhất định trong lĩnh vực giám định có liên quan để có thể tìm ra các vấn đề cũng như có thể đặt ra những yêu cầu giám định một cách phù hợp, cụ thể. Đây là một thách thức không hề nhỏ đối với những người THPT trong việc quyết định trưng cầu giám định DLĐT. Đối với các vụ án phức tạp, đối tượng sử dụng những thủ đoạn tinh vi hơn, dấu vết tội phạm để lại ở dữ liệu mạng máy tính, mạng viễn thông, trên đường truyền và các nguồn điện tử khác đòi hỏi phải tiếp cận nguồn cơ sở dữ liệu đã được mã hóa, chặn thu dữ liệu trên đường truyền, giải mã dữ liệu đã mã hóa,... Đây là những vụ án yêu cầu phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa những người THPT thực hiện việc thu giữ, bảo quản với những chuyên gia thực hiện việc sao chép, tìm kiếm, phục hồi, giám định, chuyển hóa DLĐT, để đảm bảo cho nguồn chứng cứ là DLĐT được bảo đảm tính nguyên trạng, tính toàn vẹn. Tuy nhiên, pháp luật về TTHS và giám định tư pháp tại Việt Nam hiện nay lại đang tách rời và chưa có chế phối hợp giữa cơ quan giám định và các cơ quan THPT, do đó dẫn đến thực trạng là việc sử dụng nguồn chứng cứ là DLĐT vào việc giải quyết VAHS chưa đạt hiệu quả cao.¹¹⁹

Ngoài ra, nền giám định tư pháp Việt Nam đến nay chỉ có các giám định viên được bổ nhiệm trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự, tài chính, ngân hàng, xây dựng, cổ vật, di vật, bản quyền tác giả,... nhưng chưa có giám định pháp y về lĩnh vực DLĐT. Thực tế, hiện vẫn chưa có một lĩnh vực khoa học chuyên môn nào dành cho việc giám định DLĐT, chỉ có khoa học về kỹ thuật hình sự, cụ thể trong đó là lĩnh vực nghiên cứu kỹ thuật số và điện tử. Lĩnh vực khoa học này vẫn chưa đủ bao quát tất cả các kiến thức và phương pháp cần có để giám định DLĐT với tính chất phức tạp của nó. Điều này dẫn đến việc có những vấn đề cần thiết để trưng cầu

¹¹⁹ Doãn Thị Thu (2020), “Xử lý tội phạm sử dụng công nghệ cao để chiếm đoạt tài sản ở địa bàn tỉnh Thái Bình: những khó khăn, vướng mắc và giải pháp thực hiện”, *VKSND tỉnh Thái Bình*, [<http://vksndthai Binh.gov.vn/Article/2575/Xu-ly-toi-pham-su-dung-cong-nghe-cao-de-chiem-doat-tai-san-o-dia-ban-tinh-Thai-Binh-nhung-kho-khan-.html>] (truy cập ngày 28/06/2021).

giám định, nhưng người THPT lại không biết nên trưng cầu cơ quan giám định, giám định viên nào để thực hiện. Hơn nữa, việc nhờ đến những chuyên gia tư nhân bên ngoài các cơ quan thuộc nhà nước để giám định cũng đem đến nhiều rủi ro vì họ rất dễ bị tác động, thâm tóm với mục đích ngụy tạo kết luận giám định, nhằm làm sai lệch sự thật của vụ án hoặc trong một số trường hợp, kết luận giám định của các cơ quan tư nhân này không đảm bảo tính khách quan, tính hợp pháp.

Việc chuyển hóa DLĐT sang các dạng có thể đọc, nghe hoặc nhìn được cũng thường đặt ra nhiều thách thức, như việc chuyển hóa clip thành dạng văn bản có thể đọc được là một trong những bài toán gây khó khăn cho các Cơ quan THPT. Đối với DLĐT được thu thập từ các thiết bị, PTĐT có thể ghi hình và lưu DLĐT dưới dạng tệp video, hiện nay thường sử dụng phương pháp cho người tham gia tổ tụng xem trực tiếp để xác định người, vật và các hoạt động diễn ra trong đoạn video thu được, sau đó tiến hành lập biên bản ghi nhận. Dù vậy, biên bản cho hoạt động này lại không được đề cập đến trong các hoạt động điều tra của Bộ luật TTHS 2015. Ngoài ra, trong trường hợp người xem có sự xác nhận khác, ảnh hưởng đến tính xác thực của hình ảnh thì cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến nhận định, đánh giá của người THPT.¹²⁰

Về hoạt động kiểm tra, đánh giá chứng cứ là DLĐT, hiện nay pháp luật TTHS Việt Nam không có quy định riêng mà được thực hiện theo quy định chung với các chứng cứ khác tại Điều 108 Bộ luật TTHS năm 2015. Như vậy, việc kiểm tra, đánh giá chứng cứ điện tử phụ thuộc rất nhiều vào năng lực, trình độ của người trực tiếp thực hiện. Tuy nhiên, như đã phân tích ở những phần trước, nguồn chứng cứ là DLĐT có những đặc tính khác biệt so với những loại nguồn khác và vì vậy đòi hỏi phải có người có kiến thức và am hiểu nhất định về công nghệ thì

¹²⁰ Võ Minh Tuấn (2021), “Khó khăn, vướng mắc về DLĐT trong Bộ luật TTHS năm 2015”, *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, [<https://tapchitoaan.vn/bai-viet/nguyen-cuu/kho-khan-vuong-mac-ve-du-lieu-dien-tu-trong-bo-luat-to-tung-hinh-su-nam-2015>] (truy cập ngày 26/05/2021).

mới có thể hiểu và phân tích được. Song, Bộ luật TTHS lại không hề quy định về giới hạn trình độ, kỹ năng của những người THPT thực hiện việc kiểm tra, đánh giá DLĐT. Điều này dẫn đến việc mỗi người THPT sẽ có cách nhìn nhận DLĐT theo quan điểm cá nhân tùy thuộc vào trình độ, hiểu biết của họ, có thể có trường hợp gây ra mâu thuẫn trong kết luận về đánh giá chứng cứ. Một trong những minh chứng điển hình là sự thiếu thống nhất giữa CQĐT, Viện kiểm sát và Tòa án trong việc xác định giá trị chứng cứ của DLĐT. Lấy ví dụ đối với hành vi nhận tiền đút lót của nạn nhân để nhập điểm không vào hệ thống mạng trong Tội nhận hối lộ.¹²¹ Khi dữ liệu được khôi phục lại trên máy tính và đối chiếu với lời khai, có nơi nêu ra quan điểm cho rằng, DLĐT này chưa có tính thuyết phục, hay nói đúng hơn là thiếu tính xác thực, vì việc giao nhận tiền trên không có ký nhận của hai bên, nhưng cũng có nơi lại không đồng tình với quan điểm này.¹²²

Bên cạnh đó, các hoạt động xử lý DLĐT như thu thập, bảo quản, giám định, kiểm tra, đánh giá DLĐT được thực hiện bởi các CQĐT bao gồm cả các cơ quan thuộc Cục An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Viện kiểm sát và Tòa án. Tuy nhiên, Viện kiểm sát và Tòa án hiện nay lại chưa có những cơ quan hoặc phòng ban chuyên môn phụ trách các vụ án có liên quan đến DLĐT. Như vậy, việc kiểm tra, đánh giá chứng cứ là DLĐT có thể sẽ không được thực hiện bởi những người THPT có kỹ năng và am hiểu đủ trong lĩnh vực CNTT. Thực tế đưa ra câu trả lời rằng đã có nhiều Thẩm phán, Kiểm sát viên do chưa hiểu rõ lắm về các loại chứng cứ là DLĐT nên thường chọn bác bỏ chúng trong các phiên tòa.

Ngoài ra trong quá trình đánh giá chứng cứ khi điều tra VAHS, có rất nhiều thông tin, tài liệu được thu thập, song không phải tất cả mọi thông tin, tài liệu đều có ý nghĩa trong việc chứng minh tội phạm. Vì vậy, vai trò của hoạt động tư duy trong nghiên cứu, phân tích những thông tin, tài liệu có liên quan đến vụ án có ý

¹²¹ Điều 354 BLHS 2015.

¹²² Trần Văn Hòa (2015), chú dẫn số 15, tr. 235.

nghĩa rất quan trọng. Tuy nhiên, trong thời gian qua, nhiều cán bộ điều tra và ĐTV đã không coi trọng hoạt động này mà chỉ chú ý xem xét tổng thể các chứng cứ đã thu thập được, không phân tích cụ thể chứng cứ nào dùng để chứng minh cho tình tiết nào của vụ án. Chứng cứ được đánh giá không đồng bộ, sử dụng cả những thông tin, tài liệu không phải là chứng cứ của vụ án để chứng minh vụ án. Thêm vào đó, có nhiều lực lượng tham gia vào quá trình đánh giá chứng cứ như ĐTV, kỹ thuật viên, giám định viên, trinh sát viên, nhưng do thiếu sự phối hợp chặt chẽ, cho nên việc thu thập chứng cứ tách rời việc đánh giá chứng cứ.

3. Thực tiễn hoạt động sử dụng chứng cứ có nguồn là dữ liệu điện tử

Trong quá trình chứng minh VAHS thì hoạt động sử dụng chứng cứ gắn liền với hoạt động đánh giá chứng cứ. Đánh giá chứng cứ và sử dụng chứng cứ có quan hệ chặt chẽ không thể tách rời. Đánh giá chứng cứ là điều kiện cho sử dụng chứng cứ. Sử dụng chứng cứ là sự kiểm nghiệm, xác định lại kết quả của hoạt động đánh giá chứng cứ. Đánh giá chứng cứ không đúng tất yếu sẽ sử dụng chứng cứ sai lầm.

Qua quá trình nghiên cứu, nhóm tác giả nhận thấy việc sử dụng chứng cứ có nguồn là DLĐT trong quá trình điều tra VAHS thường tập trung vào các nội dung sau:

- Một là, sử dụng chứng cứ để kết luận điều tra vụ án. Để kết luận điều tra cần phải có đủ chứng cứ để chứng minh tội phạm và người phạm tội cùng những tình tiết có ý nghĩa đối với vụ án, có như vậy vụ án mới được chứng minh làm rõ sự thật, vì vậy trong quá trình điều tra Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an các cấp cùng các ĐTV luôn căn cứ vào chứng cứ của vụ án làm căn cứ để kết luận điều tra nên hầu hết các vụ án sau khi đã kết luận hầu hết đều chính xác và đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Hai là, sử dụng chứng cứ đã có để thu thập thêm chứng cứ mới, mục đích của quá trình giải quyết VAHS là thu thập đầy đủ chứng cứ để chứng minh sự thật khách quan của VAHS, tuy nhiên trong thực tế không phải khi nào Cơ quan THTT

cũng có thể thu thập đầy đủ chứng cứ ngay một lúc để chứng minh mà phải thu thập từng bước, có chứng cứ này để thu thập chứng cứ khác, có như vậy việc chứng minh mới đạt kết quả.

- Ba là, sử dụng chứng cứ để áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người phạm tội hoặc sử dụng chứng cứ để tiến hành hỏi cung bị can, đối chất trong trường hợp cần điều tra làm rõ đồng bọn, lời khai gian dối của các bị can, sử dụng trong hoạt động nhận dạng.

- Bốn là, sử dụng chứng cứ trong việc lập kế hoạch điều tra vụ án và xác định hướng điều tra tiếp theo.

Nội dung trên thể hiện việc sử dụng chứng cứ của CQĐT trong điều tra các VAHS luôn đảm bảo theo quy định của pháp luật, các chứng cứ sử dụng kịp thời, chính xác, góp phần cho quá trình chứng minh VAHS.

Thực tiễn quá trình nghiên cứu và trao đổi với ĐTV thì hoạt động sử dụng chứng cứ có nguồn là DLĐT trong khởi tố, điều tra VAHS đã được chú trọng, các ĐTV đã có sự cân nhắc, tính toán cụ thể khi sử dụng chứng cứ, đảm bảo giá trị chứng minh của các chứng cứ đã thu thập và thu thập thêm những chứng cứ mới làm căn cứ cho việc ra các quyết định tố tụng có căn cứ và hợp pháp. Tuy nhiên bên cạnh những ưu điểm đã đạt được thì hoạt động này cũng bộc lộ một số hạn chế như việc sử dụng chứng cứ chưa linh hoạt, một số ĐTV chưa khai thác và sử dụng triệt để giá trị chứng minh của nguồn chứng cứ DLĐT. Ví dụ đối với hành vi đánh bạc trên không gian mạng, còn thực trạng ĐTV chỉ kiểm tra DLĐT trong lần đánh bạc bị bắt, chưa khôi phục DLĐT trong điện thoại những ngày trước đây hoặc tiến hành sao kê tài khoản ngân hàng của đối tượng để đánh giá giao dịch như thế nào...

4. Nguyên nhân của những khó khăn, hạn chế trong hoạt động thu thập, kiểm tra, đánh giá, sử dụng nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử

- Nguyên nhân từ quy định của pháp luật tố tụng hình sự

Thứ nhất, những quy định liên quan đến nguồn chứng cứ là DLĐT cũng như trình tự, thủ tục thu thập trong Bộ luật TTHS 2015 vẫn chưa thực sự đồng

nhất, thống nhất với nhau. Cụ thể, Bộ luật TTHS 2015 không có sự phân biệt rõ ràng hai khái niệm về “thu thập PTĐT” và “thu giữ PTĐT”. Ngoài ra, mặc dù đã được quy định trong Điều 107 Bộ luật TTHS 2015, Điều 196 của Bộ luật này lại một lần nữa đề cập đến vấn đề thu giữ PTĐT, DLĐT. Việc không có sự thống nhất giữa các quy định cũng như sự đồng nhất trong các khái niệm đã dẫn đến những khó khăn trong thực tế về việc áp dụng pháp luật và gây khó hiểu cho những người nghiên cứu pháp luật.

Thứ hai, việc không quy định trình tự, thủ tục về hoạt động thu thập nguồn chứng cứ là DLĐT của người bào chữa dẫn đến một khiếm khuyết pháp lý trong quá trình đánh giá tính hợp pháp của DLĐT do người bào chữa thu thập. Vấn đề được đặt ra là, nếu không có quy định về trình tự, thủ tục trong hoạt động thu thập nguồn chứng cứ là DLĐT của người bào chữa, thì sẽ không có cơ sở pháp lý rõ ràng để xác định tính hợp pháp của các DLĐT đó. Hệ quả tiêu cực có thể dẫn đến là sự tùy tiện trong việc thu thập nguồn chứng cứ là DLĐT của người bào chữa và sự tùy tiện trong việc xác định tính hợp pháp của các chứng cứ đó của cơ quan có thẩm quyền THTT. Từ đó, dẫn đến việc áp dụng pháp luật TTHS không thống nhất. Điều này cũng có thể dẫn đến khả năng gây tổn hại đến tính khách quan của DLĐT, khiến đường lối giải quyết vụ án có thể bị sai lầm.¹²³

Thứ ba, các quy định trong Bộ luật tths 2015 về trình tự, thủ tục khi xử lý các loại nguồn chứng cứ DLĐT chỉ là những nguyên tắc chung, chưa có một văn bản pháp luật nào hướng dẫn thống nhất về các bước thực hiện. Mặc dù trên thực tế Việt Nam cũng đã có nhiều buổi hội thảo, hội nghị, tập huấn nhằm đưa ra các quy trình xử lý nguồn chứng cứ là DLĐT một cách khá cụ thể, song việc không có được một văn bản pháp luật hướng dẫn thống nhất đã gây ra nhiều mâu thuẫn cho người THTT khi áp dụng pháp luật.

¹²³ Võ Minh Kỳ, Nguyễn Phương Anh (2019), chú dẫn số 71, tr. 54–59.

Thứ tư, các quy định về nguyên tắc chung trong việc xử lý DLĐT của Bộ luật TTHS 2015 vẫn còn thiếu một số nội dung liên quan đến trách nhiệm của người THTT khi xử lý DLĐT. Đầu tiên, phải kể đến việc khoản 1 Điều 375 BLHS 2015 chỉ có quy định về hình thức xử lý đối với những hành vi thêm, bớt, sửa đổi, đánh tráo, huỷ hoặc làm hư hỏng với đối tượng là các tài liệu, vật chứng mà không đề cập đến DLĐT. Tiếp theo đó là việc pháp luật TTHS cũng không có quy định về trách nhiệm của người THTT trong việc làm lộ thông tin riêng tư từ DLĐT thu thập được, đặc biệt là trong tình trạng Bộ luật TTHS hiện hành lại vừa ghi nhận biện pháp thu thập bí mật DLĐT cũng như các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt khác. Việc pháp luật TTHS Việt Nam trao quá nhiều quyền cho các chủ thể THTT khi không có các quy định chặt chẽ, cụ thể về trình tự, thủ tục thu thập, bảo quản, kiểm tra, đánh giá DLĐT, nhưng lại không đặt một trách nhiệm pháp lý rõ ràng, sẽ dễ dẫn đến việc lơ là trong nhiệm vụ hoặc thậm chí là lạm quyền vì mục đích cá nhân, gây ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình giải quyết VAHS.

- Nguyên nhân từ thực tiễn

Thứ nhất, trình độ chuyên môn trong việc xử lý các vụ án có chứa nguồn chứng cứ là DLĐT của cơ quan và người có thẩm quyền THTT còn hạn chế, nhiều trường hợp không đủ khả năng để bắt kịp sự tiến bộ và phát triển của khoa học công nghệ hiện đại.¹²⁴ Trong khi đó, tình hình tội phạm có liên quan đến nguồn chứng cứ là DLĐT thì đang không ngừng chạy đua với làn sóng công nghệ và ngày càng diễn biến phức tạp. Trong cuộc khảo sát về kinh nghiệm thực tiễn của người THTT cho thấy rằng, một trong những khó khăn

¹²⁴ Theo Báo cáo tổng kết công tác năm 2019 và nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2020 của các tòa án của Tòa án nhân dân tối cao, vẫn còn một số Thẩm phán, công chức Tòa án thiếu trách nhiệm, thiếu kinh nghiệm, không thường xuyên rèn luyện, tu dưỡng nên có vi phạm và hiệu quả công tác chưa tốt.

Nguồn: Tòa án Nhân dân Tối cao (2020), “Báo cáo tổng kết công tác năm 2019 và nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2020 của các Tòa án”, *Công thông tin điện tử Tòa án Nhân dân tối cao*, [<https://www.toaan.gov.vn/webcenter/portal/tatc/chi-tiet-chi-dao-dieu-hanh?dDocName=TAND098091>] (truy cập ngày 23/06/2021).

lớn nhất trong quá trình giải quyết vụ án có liên quan đến nguồn chứng cứ là DLĐT đó là việc những buổi tập huấn kỹ năng và bồi dưỡng kiến thức về CNTT không đủ đáp ứng được nhu cầu thực tiễn của những người THPT. Mà theo đó, có 92,3% người THPT đánh giá việc cần thiết phải có thêm những khóa học để bổ sung, cập nhật những kiến thức về CNTT phục vụ cho công tác chuyên môn liên quan đến nguồn chứng cứ là DLĐT. Những người có thể tham gia khóa bồi dưỡng sẽ về phổ biến lại kiến thức cho những người còn lại, điều này khó tránh khỏi sự bỏ sót thông tin hoặc phổ biến thông tin thiếu chính xác. Trong khi làm việc với DLĐT lại là một loại công việc đòi hỏi tính chính xác và trình độ chuyên môn rất cao. Hơn thế nữa, việc thiếu hiểu biết sâu sắc về các nguyên tắc thu thập, bảo quản, xử lý DLĐT còn dẫn đến tình trạng mỗi cơ quan tố tụng sẽ có cách ứng xử khác nhau trong việc giải quyết các VAHS. Theo đánh giá của Tòa án nhân dân tối cao, trình độ của cán bộ tố tụng và trang thiết bị của các cơ quan pháp luật còn chưa được trang bị đầy đủ và phù hợp để xử lý các loại nguồn chứng cứ là DLĐT. Trong khi đây là loại nguồn chứng cứ mới, quan trọng, rất phức tạp, các hoạt động phạm tội có sử dụng nguồn chứng cứ là DLĐT thường rất khó phát hiện, đòi hỏi ĐTV, Kiểm sát viên và Thẩm phán phải chuyên nghiệp, có kiến thức chuyên ngành về CNTT. Bên cạnh đó, kinh nghiệm phòng chống tội phạm công nghệ cao của Cảnh sát Việt Nam còn ít trong khi tình hình tội phạm công nghệ cao thì lại đang phát triển rất nhanh.¹²⁵ Ngoài nhận thức và hiểu biết về CNTT của cán bộ tố tụng còn hạn chế, các quy định của Bộ luật TTHS cũng còn quá chung chung, mang tính nguyên tắc.

Tội phạm công nghệ cao là những đối tượng có trình độ CNTT chuyên sâu, có phạm vi hoạt động rộng, có thể gây án ở nhiều nơi trong một quốc gia hoặc xuyên quốc gia, dễ câu kết với nhau, thủ đoạn phạm tội rất tinh vi, xảo quyệt. Tại Việt Nam, Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng

¹²⁵ Trần Đoàn Hạnh (2016), chú dẫn số 10, tr. 108–109.

công nghệ cao được thành lập ngày 10/08/2018. Tuy nhiên, đến ngày 12/01/2021 Công an TPHCM công bố triển khai, thành lập Phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao¹²⁶; ngày 23/02/2021, Công an Tỉnh Quảng Bình mới công bố quyết định thành lập Phòng An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao;¹²⁷ ngày 18/03/2021, Công an tỉnh Bắc Ninh tổ chức lễ công bố quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an về việc thành lập phòng An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao;¹²⁸ ngày 15/04/2021, Công an Thành phố Cần Thơ quyết định thành lập Phòng An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao.¹²⁹ Có thể thấy các tổ chức về phòng chống tội phạm công nghệ cao cấp địa phương mới được thành lập không lâu, lực lượng còn non trẻ nên việc phát hiện và ngăn chặn tội phạm công nghệ cao là rất khó khăn. Đặc biệt, hành lang pháp luật liên quan đến vấn đề này vẫn còn thiếu cũng là nguyên nhân chính khiến nhiều cơ quan tổ tụng lúng túng khi xử lý những vụ việc này.

Thứ hai, chưa có đủ cơ sở hạ tầng, phương tiện, công cụ phục vụ cho công tác điều tra các vụ án trong lĩnh vực CNTT. CQĐT tại Việt Nam hiện nay được trang bị nhiều thiết bị để phục vụ cho quá trình điều tra các vụ án liên quan đến tội phạm truyền thông nói chung và tội phạm CNTT nói riêng. Cụ thể ngày 03/02/2021, Thủ tướng Chính phủ ký quyết định phê duyệt đề án “Đầu tư lắp đặt camera giám sát, chỉ huy điều hành giao thông phục vụ an ninh trật tự

¹²⁶ Long Hồ (2021), “Thành lập Phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao thuộc Công an Thành phố Hồ Chí Minh”, *Trang điện tử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh*, [https://hcmcpv.org.vn/tin-tuc/thanh-lap-phong-an-ninh-mang-va-phong-chong-toi-pham-su-dung-cong-nghe-cao-thuoc-cong-an-tphcm-14-91873492] (truy cập ngày 19/04/2021).

¹²⁷ Sông Lam, Oanh Hùng (2021), “Thành lập phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao Công an Quảng Bình”, *Báo Công an Nhân dân Online*, [http://cand.com.vn/Hoat-dong-LL-CAND/Thanh-lap-phong-An-ninh-mang-va-phong-chong-toi-pham-su-dung-cong-nghe-cao-Cong-an-Quang-Binh-631718/] (truy cập ngày 19/04/2021).

¹²⁸ Phòng Công tác Đảng và Công tác chính trị (2021), “Thành lập phòng An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao thuộc Công an tỉnh”, *Cổng thông tin điện tử Công an Tỉnh Bắc Ninh*, [http://congan-bacninh.vn/pages/news/5393/Thanh-lap-phong-An-ninh-mang-va-phong-chong-toi-pham-su-dung-cong-nghe-cao-thuoc-Cong-an-tinh.html] (truy cập ngày 19/04/2021).

¹²⁹ Nguyễn Nhân (2021), “Thành lập Phòng An ninh mạng thuộc Công an TP. Cần Thơ”, *Công an Thành phố Hồ Chí Minh*, [http://congan.com.vn/tin-chinh/thanh-lap-phong-an-ninh-mang-va-phong-chong-toi-pham-su-dung-cong-nghe-cao_110517.html] (truy cập ngày 19/04/2021).

và xử lý vi phạm hành chính” từ năm 2021 đến năm 2025.¹³⁰ Ngày 27/12/2018, tại Viện Khoa học hình sự (Bộ Công an) đã diễn ra Lễ bàn giao trang thiết bị giám định ADN thuộc dự án “Nâng cao năng lực Khoa học hình sự cho Bộ Công an Việt Nam” do Hàn Quốc tài trợ.¹³¹ Ngày 22/3/2019, đại diện Công an quận Thủ Đức cho biết đơn vị đã tiếp nhận 30 máy tính bảng, để trang bị cho các đội nghiệp vụ và công an 12 phường trên địa bàn, phục vụ cho công tác phòng chống tội phạm, bảo vệ an ninh trật tự.¹³² Sáng ngày 04/03, tại trụ sở Công an tỉnh Hà Tĩnh, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Bộ Công an và Cơ quan phòng, chống ma túy và tội phạm Liên hiệp quốc (UNODC) đã tổ chức lễ bàn giao thiết bị, phương tiện cho văn phòng liên lạc qua biên giới (BLO) Hà Tĩnh.¹³³ Có thể thấy, nguồn vốn ODA đã hỗ trợ rất nhiều trong việc trang bị các công cụ cần thiết phục vụ cho công tác điều tra.

¹³⁰ Dự án thứ nhất là đầu tư xây dựng Trung tâm dữ liệu dùng chung, phục vụ cho việc kết nối, chia sẻ dữ liệu camera với kinh phí khoảng 850 tỷ đồng. Dự án thứ hai là nâng cấp Trung tâm thông tin chỉ huy và lắp đặt hệ thống camera giám sát, chỉ huy điều hành giao thông phục vụ an ninh trật tự, xử lý vi phạm cho Phòng Cảnh sát giao thông, Công an thành phố Hà Nội với kinh phí đầu tư khoảng 650 tỷ đồng. Chủ đầu tư là Công an thành phố Hà Nội. Dự án thứ ba là nâng cấp Trung tâm thông tin chỉ huy và lắp đặt hệ thống camera giám sát, chỉ huy điều hành giao thông phục vụ an ninh trật tự, xử lý vi phạm cho Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Công an TPHCM, với kinh phí khoảng 650 tỷ đồng. Chủ đầu tư là Công an TPHCM.

Nguồn: Danh Trọng (2021), “Đầu tư 2,150 tỉ lắp camera giám sát, chỉ huy điều hành giao thông”, *Báo Tuổi Trẻ Online*, [https://tuoitre.vn/dau-tu-2-150-ti-lap-camera-giam-sat-chi-huy-dieu-hanh-giao-thong-20210203221930352.ht] (truy cập ngày 19/04/2021).

¹³¹ Viện đã tiếp Đoàn cán bộ Hàn Quốc sang trao đổi về hệ thống tìm kiếm dấu vân tay, vân chân (AFIS). Trong nhiều năm qua, Cơ quan Cảnh sát quốc gia Hàn Quốc đã hợp tác chặt chẽ với Bộ Công an Việt Nam trên lĩnh vực khoa học hình sự, điển hình là Dự án Nâng cao năng lực khoa học hình sự giai đoạn 1 (2017-2019), trị giá 5,4 triệu USD, tập trung xây dựng Phòng thí nghiệm giám định dấu vết đường vân và các trang thiết bị phục vụ giám định ADN hiện đại góp phần giúp cho Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an nâng cao năng lực và giải quyết được nhiều vụ việc khó. Hiện nay, Hàn Quốc tiếp tục viện trợ cho Bộ Công an Việt Nam Dự án giai đoạn 2 (2020-2022), trị giá khoảng 3 triệu USD nhằm nâng cao năng lực cho lực lượng Cảnh sát Việt Nam, đặc biệt là lực lượng chuyên gia khoa học hình sự.

Nguồn: M. Hiền (2018), “Bàn giao trang thiết bị giám định ADN hiện đại của cơ quan Cảnh sát Hàn Quốc”, *Báo Công an Nhân dân Online*, [http://cand.com.vn/Hoat-dong-LL-CAND/Ban-giao-trang-thiet-bi-giam-dinh-ADN-hien-dai-cua-co-quan-Canh-sat-Han-Quoc526598/?fbclid=IwAR0QubWsJletTLf7K3GdtF78GN5XaIPEZGWq04Yi_hunsOlf_w7igG7ToU0] (truy cập ngày 19/04/2021).

Quang Minh (2020), “Bộ Công an tham dự Hội nghị quốc tế trực tuyến về khoa học hình sự”, *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, [https://dangcongsan.vn/quoc-phong-an-ninh/bo-cong-an-tham-du-hoi-nghi-quoc-te-truc-tuyen-ve-khoa-hoc-hinh-su-566306.html] (truy cập ngày 19/04/2021).

¹³² Kiều Phong (2019), “Cấp máy tính bảng cho công an để phòng chống tội phạm”, *Sài Gòn giải phóng Online*, [https://www.sggp.org.vn/cap-may-tinh-bang-cho-cong-an-de-phong-chong-toi-pham-582676.html?fbclid=IwAR06gJmlc_i4Xi8iHi8CFw0Dqyme5kZS9pBChE-aJMq8K9uFdc1cMeFZ1kg] (truy cập ngày 19/04/2021).

¹³³ Thiết bị được bàn giao cho Công an Hà Tĩnh gồm 01 máy tính xách tay, 01 máy tính để bàn, 01 máy in đa năng, 03 ống nhòm, 01 ống nhòm đêm, 02 đầu dò video, 02 bộ thử ma túy, 02 bộ thử tiền chất, 01 xe máy, 03

Qua những số liệu trên, có thể thấy các CQĐT đã được trang bị công cụ phục vụ cho quá trình xử lý VAHS. Tuy nhiên, các thiết bị không được nâng cấp qua các năm, dự án xây dựng cơ sở hạ tầng lại kéo dài qua nhiều năm không tránh khỏi các thiết bị trở nên lỗi thời, không còn phù hợp để đối phó với tình hình tội phạm đang diễn ra ngày càng phức tạp.¹³⁴ Trong khảo sát được nhóm tác giả thực hiện, 61,5% người có thẩm quyền THPT từng gặp khó khăn trong quá trình thu giữ DLĐT vì sự hạn chế của các thiết bị, công cụ hỗ trợ (do không có thiết bị, công cụ phù hợp; thiết bị, công cụ lỗi thời...).¹³⁵ Thêm vào đó, các thiết bị hiện đại chỉ được trang bị cho CQĐT của một số thành phố lớn, trong khi đó các vụ án có chứa nguồn chứng cứ là DLĐT thì có thể xảy ra ở bất kì nơi đâu. Việc trang bị cơ sở hạ tầng không đồng đều này sẽ làm cho khả năng giải quyết vụ án ở các địa phương có sự chênh lệch. Đối với các vụ án có mức độ phức tạp cao, các địa phương nhỏ lẻ sẽ mất thời gian trong việc chuyển vụ án đến các thành phố lớn có đủ cơ sở hạ tầng công cụ. Nghiêm trọng hơn, khi các địa phương không đủ cơ sở hạ tầng để kiểm soát an ninh trật tự, người thực hiện hành vi phạm tội có thể lợi dụng điểm sơ hở này để di chuyển địa bàn phạm tội đến các địa phương nhỏ lẻ nhằm mục đích thực hiện hành vi phạm tội được dễ dàng hơn.

Thứ ba, chưa có các biện pháp tuyên truyền cho người dân về ý thức bảo vệ DLĐT của cá nhân nhằm giúp CQTHPT dễ dàng hơn trong việc bảo toàn tính nguyên trạng, tính khách quan của DLĐT. Theo các chuyên gia về CNTT, thực trạng an toàn thông tin tại Việt Nam đang tiềm ẩn nhiều nguy cơ. Vấn đề

đèn pin chống nước, 01 máy photocopy, 01 máy ảnh kỹ thuật số, 03 đèn pin UV cực tím, 01 thiết bị định vị, 03 máy quay mini, 01 máy scan kim loại cầm tay.

Nguồn: Hoàng Linh, Sỹ Quý (2020), “Bàn giao thiết bị phục vụ công tác đấu tranh phòng chống tội phạm ma túy”, *Cổng thông tin điện tử Công an Tỉnh Hà Tĩnh*, [https://congan.hatinh.gov.vn/bai-viet/ban-giao-thiet-bi-phuc-vu-cong-tac-dau-tranh-phong-chong-toi-pham-ma-tuy_1583292573.caht?fbclid=IwAR0xI0nvDtnkmWBs1WtnNjngb4YmGblTHfaVoUmiir4] (truy cập ngày 19/04/2021). PL_70PQq7fmOSf-

¹³⁴ Theo Báo cáo tổng kết công tác năm 2019 và nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2020 của các tòa án của Tòa án nhân dân tối cao, hiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, điều kiện, phương tiện làm việc vẫn còn thiếu.

Nguồn: Tòa án Nhân dân Tối cao (2020), “Báo cáo tổng kết công tác năm 2019 và nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2020 của các Tòa án”, *Cổng thông tin điện tử Tòa án Nhân dân tối cao*, [<https://www.toaan.gov.vn/webcenter/portal/tatc/chi-tiet-chi-dao-dieu-hanh?dDocName=TAND098091>] (truy cập ngày 23/06/2021).

¹³⁵ Xem thêm Phụ lục II.

an ninh trên không gian mạng vẫn chưa thực sự được quan tâm tại các cơ quan, doanh nghiệp. Hầu hết các cơ quan, doanh nghiệp của Việt Nam chưa bố trí được nhân sự phụ trách an ninh trên không gian mạng hoặc năng lực và nhận thức của đội ngũ này chưa tương xứng với tình hình thực tế. Thực tế cho thấy, hầu như các cuộc tấn công đều gây bất ngờ cho các bên bị hại, thậm chí có nhiều cuộc tấn công xâm nhập vào hệ thống mà vài tháng sau mới bị phát hiện. Để đảm bảo cho một hệ thống được an toàn, cần phải có các yếu tố công nghệ, quy trình và con người. Tuy nhiên, hiện nay, các cơ quan, doanh nghiệp của Việt Nam gần như không có đầy đủ các yếu tố này khiến xuất hiện rất nhiều lỗ hổng để tin tặc khai thác, lợi dụng.

Bộ Thông tin và Truyền thông công bố bảng xếp hạng an toàn thông tin mạng của các cơ quan, tổ chức nhà nước năm 2019 được tiến hành đối với 26 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo kết quả, chỉ 4% các bộ, ngành, địa phương đã được xếp hạng A, là quan tâm triển khai an toàn thông tin ở mức tốt; 52% đã được xếp hạng B tức là quan tâm triển khai an toàn thông tin ở mức khá; 36% cơ quan được đánh giá triển khai an toàn thông tin ở mức trung bình và 8% cơ quan dừng ở mức D, tức là mới bắt đầu quan tâm đến an toàn thông tin.¹³⁶

Việc lơ là cảnh giác bảo mật thông tin vừa tạo điều kiện cho tội phạm CNTT phát triển, vừa gây khó khăn cho các cơ quan THTT trong việc thu thập các dữ liệu để phục vụ cho quá trình điều tra vụ án. Bởi lẽ, người thực hiện hành vi phạm tội có thể từ một nơi khác thực hiện các thao tác làm thay đổi, xóa đi dấu vết phạm tội của mình. Nguồn chứng cứ là DLĐT là một nguồn cực kỳ quan trọng để xác định tội phạm trong các vụ án CNTT và những VAHS khác, nếu các chứng cứ không đầy đủ do DLĐT không đảm bảo các thuộc tính của chứng

¹³⁶ Cục ATTT (2020), “Công bố xếp hạng an toàn thông tin mạng của các cơ quan, tổ chức nhà nước năm 2019”, *Bộ Thông tin và Truyền thông - An toàn thông tin*, [https://mic.gov.vn/atantt/Pages/TinTuc/144816/Cong-bo-xep-hang-an-toan-thong-tin-mang-cua-cac-co-quan--to-chuc-nha-nuoc-nam-2019.html] (truy cập ngày 21/04/2021).

cứ thì rất dễ bỏ lọt tội phạm. Do đó, tất cả mọi người, dù đã là nạn nhân của các tội phạm CNTT hay chưa thì đều nên phải thật cẩn trọng, bảo mật kỹ lưỡng thông tin của chính mình, trước tiên là bảo vệ bản thân, sau đó là tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan có thẩm quyền ngăn chặn, xử lý loại tội phạm tinh vi này.

Tóm lại, có nhiều nguyên nhân khiến cho tình hình đấu tranh phòng chống tội phạm CNTT ở Việt Nam gặp nhiều khó khăn. Hệ thống pháp luật của nước ta trong lĩnh vực đấu tranh, xử lý tội phạm sử dụng công nghệ cao chưa đầy đủ và chưa theo kịp diễn biến tình hình thực tế. Lực lượng chuyên trách phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao còn chưa đáp ứng yêu cầu về số lượng. Đội ngũ cán bộ cảnh sát phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao đa số còn trẻ, chưa được đào tạo chuyên sâu về chuyên môn, kỹ thuật và nghiệp vụ, thiếu kinh nghiệm thực tế. Trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật mặc dù đã được quan tâm đầu tư, nhưng vẫn còn thiếu, lạc hậu chưa theo kịp sự thay đổi liên tục của lĩnh vực công nghệ dẫn đến gặp nhiều khó khăn trong triển khai các biện pháp nghiệp vụ để phát hiện, thu thập, bảo quản tài liệu, chứng cứ.¹³⁷

III. KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT TTHS VIỆT NAM VỀ NGUỒN CHỨNG CỨ LÀ DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ

1. Kiến nghị hoàn thiện quy định của Bộ luật TTHS 2015 về nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử

- Thu thập dữ liệu điện tử

Thứ nhất, Bộ luật TTHS 2015 nên có sự thay đổi từ “thu giữ” thành từ “thu thập” tại đoạn một của Khoản 1 Điều 107. Cụ thể, quy định này nên là: “*PTĐT phải được thu thập kịp thời, đầy đủ, mô tả đúng thực trạng và niêm phong ngay sau khi thu thập [...]*”.¹³⁸ Sự thay đổi trên là cần thiết, bởi khái niệm thu giữ hẹp

¹³⁷ Hồ Thế Hòe (2012), “Giải pháp nâng cao hiệu quả đấu tranh với tội phạm sử dụng công nghệ cao trong bối cảnh toàn cầu hóa”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, 6(243), tr. 16–20.

¹³⁸ Khoản 1 Điều 107 Bộ luật TTHS 2015 hiện đang quy định như sau: “*1. PTĐT phải được thu giữ kịp thời, đầy đủ, mô tả đúng thực trạng và niêm phong ngay sau khi thu giữ. Việc niêm phong, mở niêm phong được tiến hành theo quy định của pháp luật.*”.

hơn so với thu thập. Việc giới hạn quy định đối với PTĐT ở hoạt động thu giữ nhằm thu thập DLĐT sẽ bó buộc cách nhìn nhận PTĐT của các cơ quan THTT dưới hình thức là chủ thể chứa đựng DLĐT. Điều này là bất hợp lý bởi trong nhiều vụ án, bản thân PTĐT cũng là một nguồn chứng cứ (vật chứng) quan trọng chứ không đơn thuần là vật chứa chứng cứ là DLĐT.

Thứ hai, như đã phân tích tại nội dung thu thập DLĐT của pháp luật TTHS Việt Nam tại Chương 2, nên tách bạch nội dung về thu giữ PTĐT, DLĐT tại Điều 107 sang Điều 196, cụ thể là nội dung “*Trường hợp không thể thu giữ phương tiện lưu trữ DLĐT thì cơ quan có thẩm quyền THTT sao lưu DLĐT đó vào PTĐT...*”. Nên có sự phân biệt rõ ràng giữa việc thu thập chứng cứ và thu giữ nhằm phục vụ cho việc thu thập chứng cứ. Việc đánh đồng hai khái niệm này sẽ gây ra nhầm lẫn trong hoạt động giải quyết vụ án của cơ quan THTT.

Thứ ba, nên có quy định nhằm đảm bảo bí mật cá nhân và ngăn chặn việc làm lộ các thông tin. Cụ thể, các chủ thể có thẩm quyền có thể thiết lập, xác định một số dạng thông tin cần bảo vệ như: (1) bất kỳ thông tin nào có thể được sử dụng để phân biệt hoặc theo dõi danh tính của một cá nhân, chẳng hạn như họ tên, số căn cước nhân dân, ngày, tháng, năm và nơi sinh, hồ sơ sinh trắc học hay (2) bất kỳ thông tin nào khác được liên kết hoặc có thể liên kết với một cá nhân, chẳng hạn như thông tin y tế, giáo dục, tài chính và công việc bên cạnh các thông tin cá nhân đã được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra, việc quy định về trách nhiệm của những chủ thể làm lộ thông tin trong các vụ án có nguồn chứng cứ là DLĐT cũng sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu trên. Thông tin thu được từ nguồn chứng cứ là DLĐT được sử dụng làm chứng cứ cần đảm bảo ba thuộc tính: tính khách quan, tính liên quan và tính hợp pháp. Việc làm lộ thông tin của các chủ sở hữu nguồn chứng cứ là DLĐT sẽ làm cho chứng cứ không đảm bảo được tính khách quan. Thậm chí tính hợp pháp trong trường hợp này cũng sẽ bị ảnh hưởng. Cụ thể, điều này sẽ làm vi phạm nghiêm trọng đến quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, một quyền được thừa

nhận và bảo vệ bởi Hiến pháp năm 2013.¹³⁹ Theo kết quả nghiên cứu mà nhóm tác giả thu thập, nhiều ý kiến cho rằng những vụ án liên quan mật thiết đến nguồn chứng cứ là DLĐT thường rất phức tạp, khó thu thập và lưu trữ. Khi thông tin thu thập được từ nguồn chứng cứ là DLĐT bị lộ sẽ dẫn đến nguy cơ gây khó khăn cho quá trình thu thập các chứng cứ tiếp theo của quá trình chứng minh. Do đó, việc quy định nhằm đảm bảo bí mật cá nhân và ngăn chặn việc làm lộ thông tin cũng như quy định về trách nhiệm của những người THPT làm lộ thông tin trong các vụ án có nguồn chứng cứ là DLĐT là một việc cần thiết.

Thứ tư, nên có quy định về việc phải có lệnh để truy cập vào PTĐT nhằm thu thập DLĐT. Trong quá trình giải quyết vụ án, PTĐT không chỉ đóng vai trò là chứng cứ mà còn đóng vai trò là phương tiện chứa đựng chứng cứ là DLĐT. Do đó, bên cạnh việc thu thập chứng cứ là PTĐT, trong một số trường hợp, các cơ quan THPT còn phải tiến hành mở và truy cập vào PTĐT nhằm thu thập DLĐT. Điều này tiềm ẩn nhiều nguy cơ xâm phạm đến quyền riêng tư của chủ sở hữu PTĐT. Bởi bên cạnh những thông tin liên quan đến vụ án, những phương tiện này còn chứa đựng nhiều thông tin, dữ liệu cá nhân của chủ sở hữu. Do đó, nhóm tác giả kiến nghị nên quy định thêm về lệnh truy cập vào PTĐT, bên cạnh lệnh thu giữ PTĐT nhằm đảm bảo quyền riêng tư của công dân.

Thứ năm, nhằm đảm bảo quyền bào chữa của người bào chữa trong việc tiếp cận DLĐT có trong hồ sơ vụ án, cần quy định thêm quyền sao lưu đối với quá trình thu thập chứng cứ của người bào chữa đối với nguồn chứng cứ là DLĐT bởi việc sao chép, sao chụp từ các biên bản trong hồ sơ vụ án sẽ không đảm bảo được toàn vẹn những nội dung của DLĐT.

Thứ sáu, cần có những quy định cho phép ứng dụng linh hoạt giữa việc giám định, kiểm tra, đánh giá DLĐT trên bản chính hoặc bản sao tùy theo đặc tính của từng loại chứng cứ để xử lý. Trên thực tế, đối với một số nguồn chứng

¹³⁹ Điều 21 Hiến pháp năm 2013.

cứ là DLĐT, việc sao lưu bản sao gần như là không thể thực hiện được do quá trình sao lưu dễ làm thay đổi chứng cứ hoặc nhiều lý do khác như chứng cứ có dung lượng quá lớn, cần phần mềm đặc biệt,... Do đó, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình thực hiện công tác phục hồi, tìm kiếm, giám định nguồn chứng cứ là DLĐT nhóm tác giả kiến nghị nên thay đổi nội dung “*Việc phục hồi, tìm kiếm, giám định DLĐT chỉ được thực hiện trên bản sao...*” được quy định tại Điều 107 Bộ luật TTHS 2015 thành được thực hiện trên cả bản chính và bản sao. Trong đó, ưu tiên thực hiện trên bản sao và chỉ thực hiện trên bản chính trong trường hợp không thể thực hiện công tác giám định, kiểm tra, đánh giá trên bản sao. Đồng thời, nên quy định về việc sao chép DLĐT ít nhất thành 02 bản sao (để thực hiện việc giám định và lưu hồ sơ vụ án) nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình giải quyết vụ án, hạn chế việc lãng phí thời gian vào các thủ tục niêm phong và mở niêm phong chứng cứ, lập biên bản...

- Bảo quản dữ liệu điện tử

Đối với vấn đề bảo quản nguồn chứng cứ là DLĐT, hiện nay Bộ luật TTHS vẫn chưa có quy định riêng về vấn đề này mà vẫn còn sử dụng lồng ghép với các quy định chung về bảo quản vật chứng. Tuy nhiên, bởi tính mới; dễ sửa đổi, xóa bỏ, cắt ghép và cần thiết phải có những phương tiện, công nghệ đặc biệt nhằm phục vụ cho quá trình xử lý chứng cứ, nguồn chứng cứ là DLĐT không thể được đồng nhất với vật chứng. Do đó, việc lồng ghép quy định như trên được nhóm tác giả đánh giá là không phù hợp với những đặc điểm và tính chất khác biệt của loại nguồn chứng cứ này. Vì vậy, nhóm tác giả kiến nghị nên xây dựng một điều luật riêng điều chỉnh vấn đề này và đảm bảo những nội dung như sau:

Thứ nhất, về nguyên tắc chung, PTĐT, DLĐT phải được đảm bảo duy trì tình trạng nguyên vẹn của các PTĐT cũng như đảm bảo giá trị chứng minh, tạo điều kiện thuận lợi cho các Cơ quan THTT trong việc kiểm tra, đánh giá chứng cứ điện tử trong quá trình giải quyết vụ án.

Thứ hai, về thẩm quyền bảo quản nên được tách riêng thành hai nội dung bao gồm thẩm quyền bảo quản và thẩm quyền tiếp cận. Bộ luật TTHS nên quy định cả thẩm quyền về việc tiếp cận bên cạnh thẩm quyền bảo quản, theo hướng chọn lọc những người có đủ tiêu chuẩn cũng như trình độ chuyên môn, am hiểu về PTĐT, DLĐT nhằm đảm bảo tính nguyên vẹn của chứng cứ. Cụ thể, những người được quyền tiếp cận chứng cứ trong quá trình bảo quản chỉ nên là những người được phân công trực thuộc những bộ phận chuyên trách về lĩnh vực CNTT và đã vượt qua những tiêu chuẩn được đề ra đối với nghiệp vụ chuyên môn. Đối với những trường hợp người THPT không thuộc những bộ phận trên cần tiếp cận chứng cứ để phục vụ cho quá trình giải quyết vụ án, cần thiết phải quy định sự có mặt của những người đủ chuyên môn thuộc những bộ phận chuyên trách trên nhằm đảm bảo quá trình tiếp cận được diễn ra suôn sẻ, không làm thay đổi hiện trạng của chứng cứ.

Thứ ba, đối với trách nhiệm bảo quản PTĐT, DLĐT trong trường hợp không thể đưa về cơ quan có thẩm quyền THPT để bảo quản. Hiện tại, nội dung này đang được quy định tương tự như với vật chứng, tức giao cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp đồ vật, tài sản hoặc người thân thích của họ hoặc chính quyền địa phương, cơ quan, tổ chức bảo quản. Theo nhóm tác giả, nội dung này đã được xây dựng trong đối hợp lý nhằm đảm bảo tính linh hoạt trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, bởi nguồn chứng cứ này rất dễ bị hư hỏng, sửa chữa, cắt xén, thay đổi so với hiện trạng nên rất cần được đặt dưới sự giám sát của cơ quan có thẩm quyền. Cụ thể, nhóm tác giả kiến nghị nên bổ sung cơ chế giám sát của cơ quan THPT đối với những trường hợp không thể đưa nguồn chứng cứ là DLĐT về cơ quan THPT để bảo quản. Cơ chế này nên được thực hiện với những hướng dẫn cụ thể đối với những người bảo quản trong trường hợp không thể đưa về cơ quan và được giám sát một cách chặt chẽ bởi những người THPT trực thuộc những bộ phận chuyên trách về nguồn chứng cứ là DLĐT nhằm đảm bảo cả tính linh hoạt lẫn hiệu quả trong quá trình giải quyết vụ án.

Thứ tư, nên quy định trách nhiệm đối với những cá nhân, tổ chức có hành vi để mất mát, hư hỏng, phá hủy niêm phong, tiêu dùng, sử dụng trái phép, chuyển nhượng, đánh tráo, cất giấu, hủy hoại nguồn chứng cứ là DLĐT của vụ án tùy theo tính chất, mức độ vi phạm theo quy định của pháp luật. Cụ thể, trách nhiệm này nên được quy định xuyên suốt, từ những giai đoạn đầu của quá trình giải quyết vụ án đến giai đoạn xét xử. Bởi lẽ, vấn đề bảo quản là một vấn đề cốt yếu trong việc đảm bảo tính nguyên vẹn của chứng cứ. Do đó, để đảm bảo sự chặt chẽ cũng như ý thức của người THPT và những cá nhân, tổ chức khác có tham gia vào quá trình giải quyết vụ án, trách nhiệm này cần được quy định xuyên suốt trong mọi giai đoạn tố tụng.

- Giám định, kiểm tra, đánh giá dữ liệu điện tử

Đối với hoạt động giám định chứng cứ, hiện Bộ luật TTHS 2015 chưa có quy định nào về tiêu chuẩn của người THPT khi xử lý nguồn chứng cứ này và quy định về những điều kiện để đánh giá tính nguyên vẹn của DLĐT. Xét thấy, giám định là một khâu rất quan trọng và thiết yếu đối với việc chứng minh tính hợp pháp cũng như tính khách quan, bởi tính chất của nguồn chứng cứ này là dễ dàng bị thay đổi, bị sửa chữa, ngụy tạo. Hoạt động này đòi hỏi người THPT phải có trình độ chuyên môn cao về công nghệ thì mới có thể phân tích và đánh giá một cách đúng đắn nhất. Do đó, BỘ LUẬT TTHS 2015 nên có thêm quy định về hoạt động giám định tính nguyên vẹn của DLĐT vào trong những trường hợp bắt buộc trung cầu giám định tại Điều 206 nhằm đảm bảo tối đa tính khách quan và tính hợp pháp của của loại chứng cứ này.

Đối với hoạt động kiểm tra, đánh giá chứng cứ, đây là hoạt động tư duy logic của người có thẩm quyền để xác định giá trị chứng minh của chứng cứ, nguồn chứng cứ. Mỗi một loại chứng cứ, nguồn chứng cứ khác nhau sẽ có cách thức kiểm tra, đánh giá khác nhau tùy thuộc vào bản chất của chúng cũng như là vai trò của chứng cứ, nguồn chứng cứ trong toàn bộ vụ án. Do đó, BỘ LUẬT TTHS không cần thiết phải quy định cụ thể và chi tiết về thủ tục kiểm tra, đánh

giá mà chỉ nên quy định về chủ thể và nguyên tắc chung định hướng cho hoạt động này như những gì đã được quy định tại Điều 108. Thay vào đó, nên tập trung vào kỹ năng kiểm tra, đánh giá nguồn chứng cứ của người có thẩm quyền liên quan đến đảm bảo thực hiện quy định pháp luật TTHS Việt Nam về nguồn chứng cứ là DLĐT.

2. Kiến nghị xây dựng Thông tư liên tịch hướng dẫn chi tiết một số quy định của Bộ luật TTHS đối với nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử

Bên cạnh việc hoàn thiện những quy định tại Bộ luật TTHS 2015, nhóm tác giả cho rằng nên xây dựng một văn bản riêng biệt quy định về nguồn chứng cứ là DLĐT vì đây là vấn đề vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tiễn và sẽ rất khó để có thể quy định hết tất cả nội dung về vấn đề này trong Bộ luật TTHS. Ngoài ra, đây còn là những hướng dẫn quan trọng trong thực tiễn hỗ trợ đắc lực cho quá trình giải quyết vụ án. Do đó, cần quy định cụ thể, rõ ràng để tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan THTT trong công tác thực tiễn.

Nhằm đảm bảo tính thống nhất trong quá trình giải quyết VAHS, cũng như đáp ứng nhu cầu về một văn bản giải thích, hướng dẫn thực hiện một cách chi tiết, cụ thể những nội dung liên quan đến nguồn chứng cứ là DLĐT. Nhóm tác giả kiến nghị nên xây dựng Thông tư liên tịch giữa Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Bộ Thông tin và Truyền thông, VKSND tối cao, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn chi tiết trình tự, thủ tục đối với nguồn chứng cứ là DLĐT.

- Thu thập dữ liệu điện tử

Đối với vấn đề thu thập DLĐT, cần quy định những nội dung cụ thể về trình độ chuyên môn cần có của người trực tiếp thực hiện việc thu thập chứng cứ. Tiêu chuẩn về trình độ của ĐTV cần phải được nâng cao. Những người có thẩm quyền THTT chưa đạt trình độ như quy định phải thực hiện nâng cao trình độ theo lộ trình. Theo đó, trình độ chuẩn mà nhóm tác giả kiến nghị có thể là các chứng chỉ liên quan đến lĩnh vực CNTT được thừa nhận rộng rãi như CISSP,

CEH, CCNA, MCITP,...¹⁴⁰ hay có trình độ bậc trung cấp, đại học ở các lĩnh vực liên quan.

Bên cạnh đó, cần quy định cụ thể về quy trình, thủ tục khi tiến hành khám xét hiện trường, thu giữ PTĐT, DLĐT. Xây dựng bộ khung gồm những tiêu chí cần đảm bảo cho quá trình thu thập nhằm đảm bảo và đề cao quyền riêng tư của công dân, tính nguyên vẹn của chứng cứ cũng như đảm bảo hiệu quả cho quá trình tìm kiếm chứng cứ và xử lý vụ án.

- Bảo quản dữ liệu điện tử

Để có thể đáp ứng những yêu cầu cũng như điều kiện bảo quản riêng biệt của từng giai đoạn trong quá trình xử lý chứng cứ. Các nhà làm luật nên quy định 3 quy trình bảo quản riêng biệt phù hợp với 3 giai đoạn gồm đóng gói (tại hiện trường), vận chuyển và lưu trữ. Một số kiến nghị có thể bao gồm:

+ Giai đoạn đóng gói tại hiện trường vụ án: Ngay khi đến hiện trường vụ án, ĐTV cần phải: (i) Phong tỏa khu vực có chứa thiết bị, không sử dụng các thiết bị điện tử trong khu vực bảo vệ; (ii) Kiểm tra sơ bộ, ngắt tất cả các kết nối của các thiết bị đó; (iii) Kiểm tra ngay ở gần khu vực đó có máy tính hoặc thiết bị không dây nào khác đang hoạt động hay không.

Sau khi thực hiện quá trình khám xét hiện trường, để tiến hành thu giữ PTĐT, ĐTV cần (i) Đóng gói tất cả chứng cứ điện tử trong bao bì chống tĩnh điện; (ii) Cách thức đóng gói cần đảm bảo cho DLĐT không bị bẻ cong, trầy xước hoặc bị biến dạng; (iii) Tiến hành phân loại, dán nhãn; (iv) Đóng gói thiết bị di động, thiết bị thu phát sóng bằng các vật liệu chặn tín hiệu.

+ Giai đoạn vận chuyển: Quy trình vận chuyển nguồn chứng cứ là DLĐT phải được thực hiện tránh xa những tác nhân gây ảnh hưởng đến tính nguyên vẹn của chứng cứ như từ trường, nhiệt độ, độ ẩm,... Cần đảm bảo quá trình

¹⁴⁰ CISSP viết tắt cho Certified Information Systems Security Professional (Chứng chỉ Bảo mật hệ thống thông tin chuyên nghiệp); CEH viết tắt cho Certified Ethical Hacker (Chứng chỉ Hacker Mũ trắng); CCNA viết tắt cho Cisco Certified Network Associate (Chứng chỉ Cisco); MCITP viết tắt cho Microsoft Certified IT Professional (Chứng chỉ Microsoft quốc tế về quản trị mạng cao cấp).

đóng gói cẩn thận để tránh bị hư hại do va đập và chấn động. Đồng thời, lập biên bản quá trình vận chuyển nguồn chứng cứ là DLĐT và duy trì xuyên suốt quá trình ghi nhận, lập biên bản đó đối với toàn bộ các DLĐT được vận chuyển. Cần đảm bảo rằng chứng cứ được vận chuyển đúng quy trình và vẫn nguyên vẹn sau quá trình vận chuyển.

+ Giai đoạn lưu trữ: Sau quá trình vận chuyển, khi tiến hành lưu trữ, cần đảm bảo rằng chứng cứ điện tử được lưu trữ ở môi trường, khu vực an toàn không tiếp xúc với từ trường, độ ẩm, bụi, chấn động, chất gây hại hay bất kỳ yếu tố nào khác có thể làm hư hại, phá hủy nó.

Đặc biệt, lưu ý kiểm tra định kỳ các phương tiện, DLĐT có khả năng hỏng hóc, thay đổi hay thậm chí là mất qua thời gian. Bên cạnh đó, do DLĐT rất đa dạng về chủng loại và có những đặc điểm hoàn toàn khác nhau. Ví dụ, những dữ liệu được lưu trữ trên không gian mạng sẽ có những đặc điểm hoàn toàn khác với những dữ liệu được lưu trữ trong những thiết bị điện tử. Từ đó, cách thức tồn tại, hoạt động của từng loại DLĐT cũng sẽ khác nhau. Do đó, nên có quy định về cách bảo quản riêng đối với một số loại PTĐT khác nhau tùy theo đặc điểm của mỗi loại.

Đối với công tác bảo quản PTĐT, DLĐT trong trường hợp không thể đưa về cơ quan có thẩm quyền THPT để bảo quản, có thể áp dụng một số phương thức giám sát có thể kể đến như:

+ Đối với những trường hợp cần giám sát DLĐT được lưu trữ trên PTĐT, cần thiết lập hoạt động theo dõi hoạt động của PTĐT từ các máy chủ tại cơ quan có thẩm quyền THPT bằng các phần mềm hỗ trợ cho công tác quản lý như: Network LookOut Administrator, Argos Monitoring, Arrow,...

+ Đối với những trường hợp cần giám sát PTĐT không bị bất kỳ ai tiếp cận, cần thiết lập hệ thống camera an ninh giám sát, ghi hình toàn bộ quá trình lưu giữ, bảo quản chứng cứ tại địa điểm lưu giữ.

+ Đối với những trường hợp cần giám sát DLĐT được lưu trữ trên hệ thống điện toán đám mây, cần linh hoạt thực hiện công tác hoặc liên hệ với bên cung cấp dịch vụ lưu trữ nhằm khóa, niêm phong và thay đổi mật khẩu tài khoản lưu trữ DLĐT sao cho phù hợp với từng trường hợp cụ thể.

- Giám định, kiểm tra, đánh giá, sử dụng dữ liệu điện tử

Thứ nhất, Thông tư này nên có những quy định hướng dẫn chi tiết về việc giám định DLĐT, cụ thể là việc DLĐT có những vấn đề gì có thể được giám định, những vấn đề đó là do người giám định trong lĩnh vực nào thực hiện.¹⁴¹ Trong đó, nội dung cơ bản mà nhóm tác giả cho rằng cần thiết phải tiến hành giám định bắt buộc chính là giám định tính nguyên vẹn của chứng cứ DLĐT.

Thứ hai, nhóm tác giả kiến nghị bên cạnh việc cho phép giám định trên bản chính, trong trường hợp không thể giám định trên bản sao, cần xây dựng một cơ chế kiểm tra, giám sát nghiêm ngặt quá trình giám định trên bản chính. Sau khi hoàn thành công tác giám định trên bản chính, cần thiết có thêm cơ chế thẩm định lại tính nguyên vẹn của bản chính sau khi được sử dụng để giám định.

Thứ ba, nên có quy định tiêu chuẩn về người THPT có nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá DLĐT tương tự như với người THPT có nhiệm vụ thu thập, bảo quản DLĐT vì DLĐT là loại nguồn chứng cứ đòi hỏi phải có chuyên môn cao, hiểu biết rộng trong các lĩnh vực khoa học công nghệ thì mới có khả năng hiểu và phân tích một cách đúng đắn và khách quan nhất. Bên cạnh đó, trong trường hợp không có người THPT nào đáp ứng được tiêu chuẩn trong quá trình xử lý vụ án, có thể linh hoạt áp dụng những biện pháp như có sự tham gia của những người THPT đáp ứng được tiêu chuẩn từ những cơ quan THPT khác, có thể từ cùng cấp tại một địa phương khác hoặc từ cơ quan cấp trên điều động để hỗ trợ cho quá trình xử lý vụ án.

¹⁴¹ Trong 10 lĩnh vực về giám định kỹ thuật hình sự, thông thường là 03 lĩnh vực giám định kỹ thuật, giám định âm thanh, giám định kỹ thuật số và hình sự.

Thứ tư, trong việc sử dụng DLĐT cần xác định rõ điều kiện, phương pháp sử dụng DLĐT trong từng giai đoạn tố tụng như thế nào, quan hệ giữa các cơ quan THTT trong quá trình sử dụng DLĐT, việc sử dụng DLĐT trong quá trình xét xử của Tòa án..

3. Kiến nghị đảm bảo thực hiện quy định pháp luật TTHS Việt Nam về nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử

Sau nhiều năm, với sự nỗ lực trong xây dựng và hoàn thiện pháp luật, đến nay Việt Nam đã có một hệ thống pháp luật cơ bản đầy đủ về nguồn chứng cứ là DLĐT. Tuy nhiên, để đảm bảo pháp luật có thể trở thành nguồn động lực phát triển cũng như củng cố vấn đề an ninh đất nước thì những vấn đề phục vụ cho việc áp dụng pháp luật vào thực tế sao cho hiệu quả cũng rất cần được quan tâm chú trọng.

- Đầu tư cơ sở vật chất cần thiết cho quá trình thu thập, giám định, bảo quản, kiểm tra, đánh giá, sử dụng nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử

Đầu tiên, mỗi loại thiết bị điện tử đều có những đặc điểm cụ thể riêng, đòi hỏi phải áp dụng các quy trình chính xác và phù hợp. Cụ thể, nhằm đảm bảo quá trình giải quyết vụ án đạt được kết quả tốt nhất, cần xây dựng những phòng giám định pháp y kỹ thuật số chuyên dụng phục vụ cho công tác thu thập, bảo quản, giám định, kiểm tra, đánh giá nguồn chứng cứ là DLĐT. Những phòng chuyên trách này cung cấp các bộ dụng cụ pháp y di động để kiểm tra tại hiện trường, hỗ trợ người THTT khi tiếp cận trực tiếp với hiện trường vụ án có thể dễ dàng tiến hành thu thập chứng cứ một cách hiệu quả. Trong đó, những công cụ như vật liệu che chắn tần số vô tuyến hoặc túi chống xung điện Faraday, giấy bạc để bọc điện thoại di động, điện thoại thông minh và các thiết bị truyền thông tin di động khác sau khi chúng bị thu giữ. Do đó, nhằm đảm bảo cho những kiến nghị của nhóm tác giả đối với nội dung hoàn thiện pháp luật đạt được hiệu quả cao nhất, nhóm tác giả cho rằng việc đầu tư vào cơ sở vật chất liên quan đến quá trình xử lý DLĐT là quan trọng để đảm bảo tính toàn vẹn và đầy đủ của DLĐT.

Trong đó, trước hết chúng ta cần đầu tư phát triển những phòng giám định pháp y kỹ thuật số. Đồng thời, nâng cao năng lực của những cán bộ công tác tại các Phòng An ninh mạng và Phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao thông qua việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Thực tế cho thấy, dù các cơ quan THTT trong thời gian gần đây đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật, tuy nhiên tổ chức lực lượng kỹ thuật tại các cơ quan THTT các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương vẫn chưa đồng đều, nhiều địa phương chưa thành lập và triển khai lực lượng chuyên trách; phương tiện kỹ thuật phục vụ cho quá trình giải quyết vụ án chưa được trang bị đầy đủ, thiếu hiện đại và chưa đồng bộ; nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của công tác kỹ thuật của những người THTT cũng chưa toàn diện, đúng đắn.¹⁴² Thực tiễn cho thấy có rất nhiều người THTT gặp khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án bởi các lý do liên quan đến sự hạn chế của các thiết bị, công cụ hỗ trợ. Bên cạnh đó, nhóm tác giả cũng kiến nghị nên thành lập một bộ phận những người THTT chuyên trách có tính chuyên môn cao nhằm phục vụ cho các công tác quản lý, thu thập nguồn chứng cứ là DLĐT. Từ những phân tích trên, nhu cầu về những cơ sở chuyên trách có tính chuyên môn cao nhằm phục vụ cho quá trình xử lý vụ án là một nhu cầu cấp thiết và xuất phát từ thực tế công tác của những người THTT. Vì vậy, nếu nhận được sự đầu tư tương xứng, đây chắc chắn sẽ trở thành những cơ sở nền tảng phục vụ đắc lực cho quá trình giải quyết vụ án.

Bên cạnh việc xây dựng và phát triển các phòng ban chuyên trách các vấn đề về DLĐT, việc đầu tư vào các công cụ, thiết bị phục vụ cho quá trình xử lý vụ án là hết sức quan trọng.

¹⁴² Minh Hiền (2018), “Biện pháp kỹ thuật phòng, chống tội phạm trong tình hình mới”, *Báo Công an Nhân dân Online*, [<http://cand.com.vn/Hoat-dong-LL-CAND/Bien-phap-ky-thuat-phong-chong-toi-pham-trong-tinh-hinh-moi-518521/>] (truy cập ngày 12/05/2021).

Thứ nhất, đối với các hệ thống máy tính phục vụ cho quá trình xử lý nguồn chứng cứ là DLĐT cần được nâng cấp và cập nhật phần mềm, cũng như là cài đặt tường lửa và các phần mềm chống vi-rút. Không sử dụng các máy tính cài hệ điều hành Windows XP Internet Explorer 6 để kết nối Internet;¹⁴³ hạn chế sử dụng các máy tính cài hệ điều hành Windows XP, Office 2003 để soạn thảo, lưu trữ tài liệu liên quan đến bí mật nhà nước. Bên cạnh đó, khi đầu tư mua sắm mới các hệ thống máy tính phải sử dụng các hệ điều hành, các phần mềm phiên bản mới của các nhà cung cấp có uy tín, đạt tiêu chuẩn cao về vấn đề bảo mật, tuyệt đối không sử dụng các hệ điều hành và phiên bản phần mềm không rõ nguồn gốc.

Thứ hai, đối với các công cụ phục vụ cho quá trình thu thập, bảo quản nguồn chứng cứ là DLĐT, cần đầu tư trang bị đại trà và thống nhất những công cụ thiết yếu đảm bảo cho sự nguyên vẹn của PTĐT, DLĐT như vật liệu che chắn tann số vô tuyến hoặc túi chống xung điện Faraday, giấy bạc, ... Bên cạnh đó, tùy theo điều kiện phát triển cũng như tình hình tội phạm tại từng địa phương, xem xét học hỏi kinh nghiệm từ các nước trên thế giới trong việc trang bị những bộ công cụ chuyên dụng cho quá trình thu thập PTĐT, DLĐT.

Thứ ba, tiếp tục đầu tư phát triển mạng lưới các công cụ hỗ trợ cho công tác phát hiện và xử lý tội phạm. Điển hình là việc phát triển các hệ thống quản lý thông tin công dân và mạng lưới hệ thống các camera an ninh (CCTV). Những công cụ này sẽ giúp các cơ quan THTT thúc đẩy quá trình điều tra, mau chóng xác định thông tin tội phạm cũng như là mau chóng xác định dấu vết của những tội phạm trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội và lẩn trốn.¹⁴⁴

¹⁴³ Kể từ năm 2014, các máy tính chạy hệ điều hành Windows XP và các phần mềm Internet Explorer 6, Microsoft Office 2003 sẽ không còn được Microsoft cung cấp các bản cập nhật bảo mật, bản vá lỗi dẫn tới hệ thống máy tính sử dụng hệ điều hành này dễ bị tấn công xâm nhập, làm gia tăng nguy cơ mất an ninh, an toàn hệ thống và bảo mật dữ liệu. Nguồn: “Nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng khi sử dụng hệ điều hành Windows XP sau thời điểm Microsoft kết thúc các dịch vụ hỗ trợ hệ điều hành này”, *VKSND Thành phố Đà Nẵng*, [https://vksdanang.gov.vn/fr/tin-tuc/dm-kiem-sat-vien-viet/chi-tiet?id=29806&c=71,87,88,89] (truy cập ngày 12/05/2021).

¹⁴⁴ Ghi nhận về tính hiệu quả của hệ thống camera an ninh trên địa bàn thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, sau hơn 01 năm triển khai, hệ thống camera giám sát đã phát huy hiệu quả rõ rệt, góp phần tích cực trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn. Nhiều VAHS, tai nạn giao thông, nhờ trích xuất dữ liệu từ camera đã giúp cho lực lượng chức năng nhanh chóng làm sáng tỏ

- Nâng cao năng lực tiến hành các hoạt động tố tụng liên quan đến nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử của người tiến hành tố tụng

Người THPT có kỹ năng tốt và kiến thức, trình độ chuyên môn vững vàng sẽ đóng vai trò quyết định trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, bên cạnh việc phát triển cơ sở vật chất phục vụ cho quá trình công tác của người THPT, vấn đề nâng cao năng lực của những đối tượng này cũng vô cùng quan trọng.

Thứ nhất, để thực hiện nội dung này, các cơ quan THPT cần tiếp tục tổ chức thêm những buổi tập huấn, tọa đàm và các khóa huấn luyện về những kỹ năng và nghiệp vụ đối với chứng cứ là DLĐT nhằm nâng cao năng lực của những người THPT. Hơn nữa, công tác đào tạo chuyên sâu và biên chế những cá nhân chuyên trách về nguồn chứng cứ là DLĐT từ lực lượng sẵn có tại các cơ quan THPT cũng vô cùng cần thiết. Xét thấy, việc ngay lập tức xây dựng những cơ quan chuyên trách về nguồn chứng cứ là DLĐT sẽ vô cùng tốn kém và thiếu hiệu quả. Việc phân bổ những cơ quan này sao cho phù hợp với điều kiện kinh tế cũng như là tình hình an ninh trật tự xã hội là một quá trình cần nhiều thời gian nghiên cứu, thử nghiệm. Do đó, việc duy trì một lực lượng từ ba đến bốn người phụ trách riêng về nguồn chứng cứ là DLĐT tại các cơ quan THPT bên cạnh những cơ quan chuyên trách về vấn đề này sẽ giúp cải thiện tình trạng hiện tại trong quá trình xử lý chứng cứ một cách hiệu quả. Đây là một giải pháp mà nhóm tác giả nhận thấy rất phù hợp với điều kiện đất nước vào thời điểm hiện tại, bởi lẽ, giải pháp trên sẽ có thể được áp dụng trong thời gian ngắn, mau chóng giải quyết được bài toán khó mà các cơ quan THPT đang gặp phải.

vụ việc, xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đặc biệt, một số vụ cướp giật tài sản, trộm cắp tài sản, qua xem lại dữ liệu từ camera đã giúp lực lượng Công an nhận diện được đặc điểm đối tượng, phương tiện gây án, hướng bỏ chạy, từ đó xác định được đối tượng gây án. Chỉ riêng 06 tháng đầu năm 2019, hệ thống camera giám sát đã cung cấp hình ảnh, video giúp lực lượng chức năng xử lý 30 vụ việc liên quan đến tình hình an ninh trật tự và an toàn giao thông.

Nguồn: Không Minh Phương (2019), “Hệ thống camera giám sát góp phần giữ vững ổn định tình hình an ninh trật tự”, *Báo Công an nhân dân Online*, [<http://cand.com.vn/Hoat-dong-LL-CAND/He-thong-camera-giam-sat-gop-phan-giu-vung-on-dinh-tinh-hinh-an-ninh-trat-tu-549860/>] (truy cập ngày 23/06/2021).

Thứ hai, chính sách tiền lương của người THPT hiện nay không tương xứng với chuyên môn và khối lượng các nhiệm vụ mà họ thực hiện. Điều này dẫn đến thực tế rằng mức lương hiện hành vẫn chưa tạo được động lực làm việc, cống hiến của họ nên dễ dẫn đến tình trạng tiêu cực khi tham gia công tác. Các chuyên gia cho rằng, tiền lương của cán bộ, công chức, viên chức cần được điều chỉnh để thu hút nhân tài vào môi trường Nhà nước, để công chức tận tâm và có trách nhiệm trong công việc. Tuy nhiên, nếu tăng lương lên cao quá, sẽ gây áp lực lớn cho ngân sách.¹⁴⁵ Do đó, nhằm hạn chế tối thiểu những hiện tượng tiêu cực cũng như là tạo động lực cho họ tự hoàn thiện, nâng cao trình độ nhằm mang lại hiệu quả tốt nhất cho công việc. Nhóm tác giả kiến nghị nên xem xét về mức lương của những người THPT sao cho phù hợp với mức độ thực hiện công việc của họ, đồng thời phù hợp với điều kiện kinh tế của đất nước.

Thứ ba, cần chú trọng việc nghiên cứu học tập kinh nghiệm từ những nước phát triển nhằm xây dựng một hệ thống khoa học về pháp y kỹ thuật số và đưa nó trở thành một môn học được đào tạo chuyên môn, bài bản trong các cơ sở đào tạo trọng điểm về an ninh, tổ tụng và an toàn thông tin. Việc xây dựng nền tảng nghiệp vụ vững chắc ngay từ những bước đầu sẽ giúp đảm bảo năng lực của những người THPT tham gia giải quyết vụ án có nguồn chứng cứ là DLĐT trong tương lai. Từ đó, đảm bảo khắc phục những thiếu sót trong quá trình công tác của thế hệ đi trước một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, chúng ta cũng cần chú trọng việc tích hợp những kinh nghiệm rút ra được từ thực tiễn công tác vào chương trình đào tạo, nhằm giúp những thế hệ kế cận phát triển kỹ năng và tri thức một cách toàn diện.

Thứ tư, bởi tính chất xuyên quốc gia của nguồn chứng cứ là DLĐT, sự tăng cường hợp tác quốc tế giữa các quốc gia trên thế giới trong công tác phòng

¹⁴⁵ Phúc Quân (2018), “Khi đồng lương công chức thấp”, *Báo Nhân dân điện tử*, [https://nhandan.com.vn/tin-tuc-xa-hoi/khi-dong-luong-cong-chuc-thap-315404] (truy cập ngày 12/05/2021).

chống và đấu tranh đối với tội phạm có liên quan đến DLĐT là việc làm cần thiết. Đối với những VAHS xuyên quốc gia, việc hợp tác chặt chẽ với những cơ quan THPTT quốc tế trong các hoạt động thu thập, bảo quản, giám định, kiểm tra, đánh giá nguồn chứng cứ là DLĐT sẽ đóng vai trò then chốt trong quá trình giải quyết vụ án. Kinh nghiệm đi trước trong việc phòng chống tội phạm liên quan đến vấn đề này của các quốc gia khác đặc biệt là Hoa Kỳ đã, đang và chắc chắn sẽ tiếp tục hỗ trợ đắc lực cho quá trình nâng cao năng lực của người THPTT. Bên cạnh đó, những tiến bộ về trình độ khoa học kỹ thuật của họ cũng sẽ hỗ trợ chúng ta trong quá trình giải quyết vụ án, bởi trên thực tế, trong một số vụ án phức tạp, tiềm lực hiện có của những cơ quan THPTT Việt Nam vẫn chưa thực sự đáp ứng được những nhu cầu đề ra. Vì vậy, việc hợp tác với các cơ quan THPTT quốc tế trong quá trình công tác, học hỏi, giao lưu và trao đổi kinh nghiệm sẽ vô cùng cần thiết.

- Nâng cao ý thức của công dân trong việc bảo quản nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử trong giai đoạn tiền tố tụng

Bên cạnh đó, cần mở rộng các hoạt động tuyên truyền đến xã hội nhằm xây dựng ý thức chủ động trong vấn đề đảm bảo tính nguyên vẹn của chứng cứ. Trong thực tế, nhiều trường hợp người bào chữa trong quá trình thu thập chứng cứ thường không đảm bảo được tình trạng nguyên vẹn chứng cứ. Thực tiễn cho thấy, có nhiều ý kiến của luật sư cho rằng “Rất khó để chứng minh DLĐT do người bào chữa tự thu thập có tính khách quan và tính hợp pháp”. Nguyên nhân dẫn đến việc này là do DLĐT rất dễ tạo ra, bị thay đổi, sửa chữa và dễ bị nguy tạo để làm chứng cứ. Do đó, việc chứng minh sự tồn tại khách quan của DLĐT là một điều kiện tiên quyết để xem xét tính khách quan của chúng.

Một số giải pháp mà nhóm tác giả kiến nghị nhằm giải quyết vấn đề này bao gồm: nâng cao năng lực của chính những người trực tiếp tiến hành thu thập nhằm đảm bảo tính nguyên vẹn của DLĐT, thực hiện ghi âm ghi hình quá trình thu thập DLĐT và liên hệ các cơ sở Thừa phát lại lập vi bằng việc trích xuất,

niêm phong, sao lưu, thu thập DLĐT trước khi giao nộp đến các cơ quan THTT. Bên cạnh đó, những người chủ sở hữu PTĐT, DLĐT là những người trực tiếp lưu trữ, quản lý nguồn chứng cứ là DLĐT trước khi cơ quan THTT thực hiện công tác thu thập. Vì thế, cần phải chú trọng việc xây dựng ý thức chủ động trong công tác bảo quản tính nguyên vẹn của chứng cứ trong giai đoạn tiền thu thập qua các hoạt động tuyên truyền, các buổi hướng dẫn tại địa phương hay nhắc nhở qua các kênh truyền thông như tin nhắn điện thoại, truyền hình,... Việc này sẽ giúp tăng tính hiệu quả của quá trình giải quyết vụ án, đồng thời hỗ trợ củng cố sự ổn định tình hình an ninh xã hội. Ngoài ra, việc này còn giúp các cơ quan THTT thiết lập một mặt trận phòng chống tội phạm trên phạm vi toàn xã hội và trở thành động lực phát triển cho đất nước.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh Việt Nam từng bước tiến hành các chuyển đổi số quan trọng, nguồn chứng cứ là DLĐT là chế định phức tạp nhằm chứng minh và làm rõ những tình tiết có ý nghĩa đối với việc giải quyết VAHS. Vai trò chủ chốt của DLĐT được thể hiện xuyên suốt để làm rõ những tình tiết khách quan, phủ định những gì không xảy ra trong hiện thực cũng như phác họa bức tranh toàn cảnh để làm bật lên nhiệm vụ của từng giai đoạn tố tụng. DLĐT do có những đặc điểm riêng biệt nên quá trình xử lý chứng cứ cần có những quy định riêng để điều chỉnh một cách phù hợp. Vì vậy, việc Bộ luật TTHS đã kịp thời quy định về nguồn chứng cứ là DLĐT là hoàn toàn phù hợp. Dù Bộ luật TTHS đã có những quy định về nguồn chứng cứ là DLĐT nhưng vẫn còn chưa cụ thể, gây nên một số khó khăn trong thực tế. Theo đó, thực tiễn áp dụng những quy định pháp luật cũng còn nhiều mặt hạn chế, chưa thống nhất dẫn đến nhiều hệ lụy như vấn đề bảo mật thông tin, vấn đề xâm phạm quyền riêng tư,.. của công dân trong thời đại số hiện nay cũng cần thiết được xem xét.

Thông qua nội dung sách tham khảo, nhóm tác giả đã nghiên cứu hành lang pháp lý vững chắc cho những quy định về nguồn chứng cứ là DLĐT thông qua những kiến nghị về việc hoàn thiện các quy định trong Bộ luật TTHS và những kiến nghị đảm bảo thực hiện các quy định pháp luật và xây dựng những nội dung mà một Thông tư liên tịch có thể bao quát nhằm triển khai các quy định trên trên thực tế. Từ những lý luận và thực trạng của việc xử lý DLĐT tại Việt Nam, nhóm tác giả đã nhìn nhận, đánh giá các quy định pháp luật Việt Nam về DLĐT trên cơ sở so sánh, đối chiếu, học hỏi kinh nghiệm với từ những quy định pháp luật của các nước để đưa ra những kiến nghị phù hợp góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam nhằm tạo ra một hành lang pháp lý vững chắc./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. VĂN BẢN PHÁP LUẬT

I. Pháp luật quốc tế

1. *United Nations Convention against Corruption*, opened for signature 09 December 2003, UNCAC (entered into force 14 December 2003).
2. *United Nations Convention against Transnational Organized Crime*, opened for signature 12 December 2000, UNTOC (entered into force 29 September 2003).
3. *Europe Convention on Cybercrime*, opened for signature 23 November 2001, CET 185 (entered into force 01 July 2004).
4. Australian Criminal Procedure Act.
5. Australian Cybercrime Act.
6. France Criminal Procedure Code.
7. Japanese Code of Criminal Procedure.
8. Japanese Act on Prohibition of Unauthorized Computer Access.
9. Criminal Procedure Act of the Republic of Korea.
10. Singapore Evidence Act.
11. Malaysia Evidence Act.
12. Philippine Cybercrime Prevention Act.
13. United Kingdom Police and Criminal Evidence Act.
14. United States Constitution.
15. United States Federal Rules of Criminal Procedure (FRCP).
16. United States Federal Rules of Evidence (FRE).
17. *Riley v. California*, 573 U.S. (2014).
18. *Murray v. United States*, 487 U.S. 533 (1988).
19. *Segura v. United States*, 468 U.S. 796 (1984).

20. Nix v. Williams, 467 U.S. 431 (1984).
21. United States Department of Justice (2008), “Searching and Seizing Computers and Obtaining Electronic Evidence in Criminal Investigations”.
22. National Institute of Justice (2020), “Digital Evidence: Policies and Procedures Manual”.
23. National Institute of Justice (2015), “Support for Forensic Science Research: Improving the Scientific Role of the National Institute of Justice”.
24. National Institute of Justice (2014), “Forensic Examination of Digital Evidence: A Guide for Law Enforcement (2nd edition)”.
25. National Institute of Standard and Technology (2010), “Guide to Protecting the Confidentiality of Personally Identifiable Information (PII)”.
26. National Institute of Justice (2010), “Law 101: Legal Guide for the Forensic Expert”.
27. National Institute of Justice (2008), “Electronic Crime Scene Investigation: A First Guide for First Responders (2nd edition)”.
28. National Forensic Science Technology Center (2007), “A Simplified Guide To Digital Evidence”.
29. National Institute of Justice (2001), “Electronic Crime Scene Investigation: A First Guide for First Responders (1st edition)”.
30. Scientific Working Group on Digital Evidence (2020), “SWGDE Best Practices for Archiving Digital and Multimedia Evidence”.
31. Scientific Working Group on Digital Evidence (2020), “SWGDE Best Practices for Mobile Device Evidence Collection & Preservation, Handling, and Acquisition”.

II. Pháp luật Việt Nam

Luật, văn bản dưới luật

1. Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 28 tháng 11

năm 2013.

2. Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 (sửa đổi, bổ sung ngày 20 tháng 06 năm 2017).
3. Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 ngày 22 tháng 07 năm 2015.
4. Bộ luật Tố tụng hình sự số 19/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003.
5. Bộ luật Hình sự số 15/1999/QH10 ngày 21 tháng 12 năm 1999.
6. Bộ luật Hình sự số 17-LCT/HĐNN7 ngày 27 tháng 06 năm 1985.
7. Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14 ngày 12 tháng 06 năm 2018.
8. Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 29/2018/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2018.
9. Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 ngày 19 tháng 11 năm 2015.
10. Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2013.
11. Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13 ngày 29 tháng 06 năm 2012.
12. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 59/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.
13. Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009.
14. Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009.
15. Luật Công nghệ thông tin 67/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006.
16. Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005.
17. Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam năm 1992.
18. Quyết định số 950/2009/QĐ-CTN ngày 30 tháng 06 năm 2009 Về việc phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về Chống tham nhũng.
19. Nghị định số 127/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 về Quy định chi tiết việc niêm phong, mở niêm phong vật chứng.
20. Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 04 năm 2014 về Quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao.
21. Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 04 năm 2007 về Ứng dụng

công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước.

22. Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07 tháng 04 năm 2010 Về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng.
23. Thông tư số 46/2019/TT-BCA ngày 10 tháng 10 năm 2019 Quy định trách nhiệm của lực lượng Công an Nhân dân trong việc thực hiện các quy định của bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 liên quan đến bảo đảm quyền bào chữa của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang hoặc theo quyết định truy nã, người bị tạm giữ, bị can; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố.
24. Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP ngày 13 tháng 12 năm 2017 Quy định những trường hợp cần thiết phải trưng cầu giám định tư pháp trong giải quyết vụ án, vụ việc về tham nhũng, kinh tế.
25. Thông tư số 09/2013/TT-BTT&TT ngày 08 tháng 04 năm 2013 về Ban hành danh mục sản phẩm phần mềm và phần cứng, điện tử.
26. Thông tư liên tịch số 10/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BTT&TT-VKSNDTC -TANDTC ngày 10 tháng 09 năm 2012 Hướng dẫn áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự về tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông.

Dự thảo luật

27. Dự thảo 2 năm 2017 về xây dựng Thông tư liên tịch Hướng dẫn về một số hoạt động giám định tư pháp trong tố tụng hình sự.

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tiếng Anh

1. Anthony T. S. Ho, Shujun Li (2015), *Handbook of Digital Forensics of Multimedia data and devices*, John Wiley & Sons Ltd, Anh Quốc.
2. Discovery Services (2007), *Lorraine v. Markel: Electronic Evidence 101*, LexisNexis, Hoa Kỳ.
3. John W. Rittinghouse, William M. Hancock (2003), *Cybersecurity Operations Handbook*, Elsevier Digital Press, Hoa Kỳ.

4. Judy Hails (2009), *Criminal Evidence*, Wadsworth Cengage Learning, Canada.
5. Richard P. Mislán, Eoghan Casey, Gary C. Kessler (2010), “The Growing Need for On-Scene Triage of Mobile Devices”, *Digital Investigation*, 6(3-4).
6. Robert Moore (2005), *Cybercrime: Investigating High-Technology Computer Crime*, Anderson Publishing, Hoa Kỳ.
7. Sean E. Goodison, Robert C. Davis, Brian A. Jackson (2015), *Digital Evidence and the U.S. Criminal Justice System*, RAND Corporation, Hoa Kỳ.
8. National Institute of Justice (2003), “CCTV: Constant Cameras Track Violators”, *NIJ Journal*, (249).

II. Tiếng Việt

1. Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ (2004), *Khái quát hệ thống pháp luật của Hoa Kỳ*, Ấn phẩm của Chương trình Thông tin Quốc tế.
2. Đại học Kiểm sát Hà Nội (2019), *Giáo trình Giám định tư pháp hình sự*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
3. Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2020), *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam (tái bản có sửa đổi, bổ sung)*, NXB Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Hoàng Việt Quỳnh (2016), “Một số trao đổi về tội phạm sử dụng Công nghệ cao theo quy định của pháp luật Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục Cảnh sát nhân dân*, 08/2016.
5. Hồ Thế Hòe (2012), “Giải pháp nâng cao hiệu quả đấu tranh với tội phạm sử dụng công nghệ cao trong bối cảnh toàn cầu hóa”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, 6(243).
6. Lê Nguyên Thanh (2014), *Chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự Việt Nam – Đánh giá ở góc độ quyền con người*, Đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp cơ sở, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Lý Thị Mỹ Dung, Nguyễn Đức Phúc (2020), “Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin của một số quốc gia và kinh nghiệm đối với Việt

Nam”, *Tạp chí Tổ chức Nhà nước*, 11/2020.

8. Nguyễn Hòa Bình (2016), *Những nội dung mới trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Nguyễn Phương Thảo, “Quy định về nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử trong bộ luật tố tụng hình sự 2015”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học về “Những điểm mới của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015”*, do Khoa Luật Hình sự Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức ngày 21/04/2016 tại Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.
10. Nguyễn Thanh Thủy (2017), “Kinh nghiệm thu giữ, khai thác chứng cứ điện tử”, *Tạp chí Kiểm sát*, 21/2017.
11. Nguyễn Thị Lan Anh, Đào Thị Thanh Hà, Nguyễn Trần Anh Ngọc (2018), *Nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Công trình dự thi nghiên cứu khoa học sinh viên cấp trường lần thứ XXII, năm học 2017 – 2018, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.
12. Nguyễn Thị Hà Phương, Phạm Nguyễn Thanh Quốc, Đỗ Ngọc Quyên, Lê Thị Kim Tuyền (2018 – 2019), *Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*, Công trình dự thi nghiên cứu khoa học sinh viên cấp trường lần thứ XXIII, năm học 2018 – 2019, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.
13. Nguyễn Văn Cừ (2005), *Chứng cứ trong luật Tố tụng Hình sự Việt Nam*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
14. Nguyễn Văn Cương (2016), “Vài nét về giải thích hiến pháp ở Hoa Kỳ”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, 17(321).
15. Phan Xuân Tân (2017), *Nguồn chứng cứ điện tử trong tố tụng hình sự Việt Nam – Lý luận và thực tiễn*, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Luật Hình sự và Tố tụng hình sự, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.
16. Thống kê thụ lý và giải quyết các vụ án hình sự sơ thẩm của Tòa án Nhân dân Tối cao từ năm 2000 đến năm 2009.
17. Trần Đoàn Hạnh (2016), “Những vướng mắc trong đấu tranh, xử lý vi phạm pháp luật về tội phạm công nghệ cao”, *Tạp chí Nghiên cứu lập*

pháp, 2+3(306+307).

18. Trần Quang Tiệp (2009), *Chế định chứng cứ trong Luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
19. Trần Văn Hòa (2015), “Vấn đề chứng cứ điện tử”, *Tạp chí Kiểm sát*, 09/2015.
20. Trịnh Tiến Việt (2006), “Về chứng cứ và nguồn chứng cứ quy định tại Điều 64 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003”, *Tạp chí Nghề luật*, 02/2006.
21. Viện Ngôn ngữ học (2005), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng - Trung tâm từ điển học, Đà Nẵng.
22. Võ Minh Kỳ, Nguyễn Phương Anh (2019), “Bàn về tính hợp pháp của chứng cứ được thu thập bởi người bào chữa”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, 9(330).

C. TÀI LIỆU ĐIỆN TỬ

I. Tiếng Anh

1. “A brief history of cybercrime”, *Florida Tech*, [<https://www.floridatechonline.com/blog/information-technology/a-brief-history-of-cyber-crime/>].
2. “About NIJ”, *NIJ*, [<https://nij.ojp.gov/about-nij>].
3. “About SWGDE”, *SWGDE*, [<https://www.swgde.org/>].
4. “Apple reportedly refused to Unlock US Navy Base Shooter’s iPhone”, *Gizmochina*, [<https://www.gizmochina.com/2020/01/14/apple-reportedly-refused-to-unlock-us-navy-base-shooters-iphone/>].
5. “Good Faith Exception to Exclusionary Rule”, *Cornell Law School*, [https://www.law.cornell.edu/wex/good_faith_exception_to_exclusionary_rule].
6. Janell Blanco, “Inevitable Discovery: Rule, Doctrine & Exception”, [<https://study.com/academy/lesson/inevitable-discovery-rule-doctrine-exception.html>].
7. National Institute of Standard and Technology, “Digital Evidence”, *NIST*, [<https://www.nist.gov/digital-evidence#>].

8. “NIST General Information”, *NIST*, [<https://www.nist.gov/director/pao/nist-general-information>].
9. Oxford Reference (2002), “The Oxford Essential Dictionary of the U.S. Military”, *Oxford University Press*, [<https://www.oxfordreference.com/view/10.1093/acref/9780199891580.001.0001/acref-9780199891580-e-2620>].
10. Stephanie Jurkowski (2017), “Exclusionary Rule”, *Cornell Law School*, [https://www.law.cornell.edu/wex/exclusionary_rule#].
11. Sumit Kumar Suman, CNLU (2015), “The Concept and Historical Background of the Evidence Law”, *Article on Legal Issues*, [<https://www.lawctopus.com/academike/concept-historical-background-evidence/>].
12. “The Computer System”, *Peda*, [<https://peda.net/kenya/ass/subjects2/computer-studies/form-1/the-computer-system>].
13. The National Court Rules Committee (2021), “Federal Rules of Evidence (2021 Edition)”, *Rules of Evidence*, [<https://www.rulesofevidence.org/>].
14. *Từ điển ComputerHope*, [<https://www.computerhope.com/>].
15. *Từ điển Oxford*, [<http://www.oxforddictionaries.com>].
16. *Từ điển TechTerms*, [<https://techterms.com>].
17. United States Federal Bureau of Investigation (2000), “Digital Evidence: Standards and Principles - Scientific Working Group on Digital Evidence (SWGDE) International Organization on Digital Evidence (IOCE)”, *Forensic Science Communications*, [<https://archives.fbi.gov/archives/about-us/lab/forensic-science-communications/fsc/april2000/swgde.htm>].
18. “What is a Fax Machine?”, *Fax Authority*, [<https://faxauthority.com/glossary/fax-machine/>].

II. Tiếng Việt

19. “Chuyên đề quy trình thu thập, chuyên hóa dữ liệu điện tử thành chứng

cứ trong điều tra tội phạm sử dụng công nghệ cao”, *Viện kiểm sát Nhân dân Tỉnh Bắc Giang*, [<https://vksbacgiang.gov.vn/chuyende-phapluat/59/8063>].

20. Bộ Công an(2024), tài liệu Hội nghị tổng kết công tác Cảnh sát điều tra năm 2024, Hà Nội, 2024;
21. Cục ATTT (2020), “Công bố xếp hạng an toàn thông tin mạng của các cơ quan, tổ chức nhà nước năm 2019”, *Bộ Thông tin và Truyền thông - An toàn thông tin*, [<https://mic.gov.vn/atantt/Pages/TinTuc/144816/Cong-bo-xep-hang-an-toan--thong-tin-mang-cua-cac-co-quan--to-chuc-nha-nuoc-nam-2019.html>].
22. Danh Trọng (2021), “Đầu tư 2,150 tỉ lắp camera giám sát, chỉ huy điều hành giao thông”, *Báo Tuổi Trẻ Online*, [<https://tuoitre.vn/dau-tu-2-150-ti-lap-camera-giam-sat-chi-huy-dieu-hanh-giao-thong-20210203221930352.htm>].
23. Doãn Thị Thu (2020), “Xử lý tội phạm sử dụng công nghệ cao để chiếm đoạt tài sản ở địa bàn tỉnh Thái Bình: Những khó khăn, vướng mắc và giải pháp thực hiện”, *Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Thái Bình*, [<http://vksndthaibinh.gov.vn/Article/2575/Xu-ly-toi-pham-su-dung-cong-nghe-cao-de-chiem-doat-tai-san-o-dia-ban-tinh-Thai-Binh-nhung-kho-khan.html>].
24. Định Thế Hưng, Lê Thị Hồng Xuân (2021), “Tội phạm công nghệ cao trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng ở Việt Nam hiện nay”, *Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam*, [<https://vass.gov.vn/nghien-cuu-khoa-hoc-xa-hoi-va-nhan-van/Toi-pham-cong-nghe-cao-trong-linh-vuc-tai-chinh-124>].
25. Hoàng Linh, Sỹ Quý (2020), “Bàn giao thiết bị phục vụ công tác đấu tranh phòng chống tội phạm ma túy”, *Cổng thông tin điện tử Công an Tỉnh Hà Tĩnh*, [https://congan.hatinh.gov.vn/bai-viet/ban-giao-thiet-bi-phuc-vu-cong-tac-dau-tranh-phong-chong-toi-pham-ma-tuy_1583292573.caht?fbclid=IwAR0xI0nvDt_nkmWBs1WtnPL_70PQq7fmOSf-Njngb4YmGblTHfaVoUmiir4].
26. Hoàng Thị Thu Hằng (2018), “Giới thiệu về NIST và một số tiêu chuẩn về bảo mật, an toàn thông tin”, *Tạp chí An toàn thông tin*,

[<http://antoanthongtin.gov.vn/an-toan-thong-tin/gioi-thieu-ve-nist-va-mot-so-tieu-chuan-ve-bao-mat-an-toan-thong-tin-105026>].

27. Hồng Hải, “Kinh nghiệm của VKSND tỉnh Quảng Nam trong thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra vụ án hình sự”, *Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Quảng Nam*, [https://vksquangnam.gov.vn/index.php?option=com_content&view=category&id=104&layout=blog&Itemid=172&lang=vi&limitstart=3].
28. Hương Nguyên (2009), “Hội thảo Pháp ngữ về thách thức pháp lý trong phát triển công nghệ thông tin và truyền thông”, *Báo Nhân dân Điện tử*, [<https://nhandan.com.vn/thong-tin-so/Hoi-thao-Phap-ngu-ve-thach-thuc-phap-ly-trong-phat-trien-CNTT-va-truyen-thong-556920/>].
29. Khổng Minh Phương (2019), “Hệ thống camera giám sát góp phần giữ vững ổn định tình hình an ninh trật tự”, *Báo Công an Nhân dân Online*, [<http://cand.com.vn/Hoat-dong-LL-CAND/He-thong-camera-giam-sat-gop-phan-giu-vung-on-dinh-tinh-hinh-an-ninh-trat-tu-549860/>].
30. Võ Minh Tuấn (2021), “Khó khăn, vướng mắc về dữ liệu điện tử trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015”, *Tạp chí Tòa án Nhân dân điện tử*, [<https://tapchitoaan.vn/bai-viet/nguyen-cuu/kho-khan-vuong-mac-ve-du-lieu-dien-tu-trong-bo-luat-to-tung-hinh-su-nam-2015>].
31. Kiều Phong (2019), “Cấp máy tính bảng cho công an để phòng chống tội phạm”, *Sài Gòn giải phóng Online*, [https://www.sggp.org.vn/cap-may-tinh-bang-cho-cong-an-de-phong-chong-toi-pham-582676.html?fbclid=IwAR06gJmlc_i4Xi8iHi8CFw0Dqyme5kZS9pBChE-aJMQ8K9uFdC1cMeFZ1kg].
32. Long Hồ (2021), “Thành lập Phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao thuộc Công an TPHCM”, *Trang điện tử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh*, [<https://hcmcpv.org.vn/tin-tuc/thanh-lap-phong-an-ninh-mang-va-phong-chong-toi-pham-su-dung-cong-nghe-cao-thuoc-cong-an-tphcm-1491873492>].
33. M. Hiền (2018), “Bàn giao trang thiết bị giám định ADN hiện đại của cơ quan Cảnh sát Hàn Quốc”, *Báo Công an Nhân dân Online*, [<http://cand.com.vn/Hoat-dong-LL-CAND/Ban-giao-trang-thiet-bi-giam-dinh-ADN-hien-dai>].

526598/?fbclid=IwAR0QuWsJletTLf7K3GdtF78GN5XaI
PEZGWq04Yi_hunsOlf_w7igG7ToU0].

34. Minh Hiền (2018), “Biện pháp kỹ thuật phòng, chống tội phạm trong tình hình mới”, *Báo Công an Nhân dân Online*, [<http://bocongan.gov.vn/tintuc/Pages/lists.aspx?ItemID=24093>].
35. “Nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng khi sử dụng hệ điều hành Windows XP sau thời điểm Microsoft kết thúc các dịch vụ hỗ trợ hệ điều hành này”, *Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Đà Nẵng*, [https://vksdanang.gov.vn/fr/tin-tuc/dm-kiem-sat-vien-viet/chi-tiet?id=29806&_c=71,87,88,89].
36. Nguyễn Công Sơn, Nguyễn Hương Sen (2016), “Tội phạm mạng sẽ ngày càng nguy hiểm”, *Báo Nhân dân điện tử*, [<https://nhandan.com.vn/hangthang/toi-pham-mang-se-ngay-cang-nguy-hiem-281653/>].
37. Nguyễn Nhân (2021), “Thành lập Phòng An ninh mạng thuộc Công an TP. Cần Thơ”, *Công an Thành phố Hồ Chí Minh*, [http://congan.com.vn/tin-chinh/thanh-lap-phong-an-ninh-mang-va-phong-chong-toi-pham-su-dung-cong-nghe-cao_110517.html].
38. NTH (2020), “Hội thảo về các biện pháp thu thập, đánh giá dữ liệu điện tử, chứng cứ kỹ thuật số trong các vụ án sử dụng công nghệ cao để phạm tội”, *Cổng thông tin điện tử Viện kiểm sát Nhân dân tối cao* [<https://vksndtc.gov.vn/tin-hoat-dong-vksnd-toi-cao/hoi-thao-ve-cac-bien-phap-thu-thap-danh-gia-du-lie-d2-t8568.html>].
39. P. Thảo (2018), “Bộ trưởng Công an “điểm tên” tội phạm công nghệ cao”, *Báo điện tử Dân trí*, [<https://dantri.com.vn/chinh-tri/bo-truong-cong-an-diem-ten-toi-pham-cong-nghe-cao-20180813131119824.ht>].
40. Phòng Công tác đảng và công tác chính trị (2021), “Thành lập phòng An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao thuộc Công an tỉnh”, *Cổng thông tin điện tử Công an Tỉnh Bắc Ninh*, [<http://conganbacninh.vn/pages/news/5393/Thanh-lap-phong-An-ninh-mang-va-phong-chong-toi-pham-su-dung-cong-nghe-cao-thuoc-Cong-an->

tin.html].

41. Phúc Quân (2018), “Khi đồng lương công chức thấp”, *Báo Nhân dân Điện tử*, [https://nhandan.com.vn/tin-tuc-xa-hoi/khi-dong-luong-cong-chuc-thap-315404].
42. Quang Minh (2020), “Bộ Công an tham dự Hội nghị quốc tế trực tuyến về khoa học hình sự”, *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, [https://dangcongsan.vn /quoc-phong-an-ninh/bo-cong-an-tham-du-hoi-nghi-quoc-te-truc-tuyen-ve-khoa -hoc-hinh-su-566306.html].
43. Sông Lam, Oanh Hùng (2021), “Thành lập phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao Công an Quảng Bình”, *Báo Công an Nhân dân Online*, [http://cand.com.vn/Hoat-dong-LL-CAND/Thanh-lap- phong-An-ninh-mang-va-phong-chong-toi-pham-su-dung-cong-nghe-cao-Cong-an-Quang-Binh -631718/].
44. Tòa án Nhân dân Tối cao (2020), “Báo cáo tổng kết công tác năm 2019 và nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2020 của các Tòa án”, *Cổng thông tin điện tử Tòa án Nhân dân tối cao*, [https://www.toaan.gov.vn/webcenter/portal/tatc/chi-tiet-chi-dao-dieu-hanh?dDocName=TAND098091].
45. Tạ Diễm, “Có nên quy định người bào chữa có quyền thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ là dữ liệu điện tử trong Tố tụng Hình sự”, *Cổng thông tin điện tử Bộ Công an - Hệ thống văn bản*, [http://bocongan.gov.vn/vanban/Pages /van-ban-moi.aspx?ItemID=227].
46. Thành Luân (2019), “VKSND tối cao tổ chức Hội thảo về chứng cứ điện tử trong điều tra và truy tố”, *Cổng thông tin điện tử Viện kiểm sát Nhân dân tối cao*, [https://www.vksndtc.gov.vn/tin-tuc/tin-hoat-dong-vksnd-toi-cao/vksnd-toi-cao -to-chuc-hoi-thao-ve-chung-cu-dien-tu-d2-t7200.html].
47. “Thiết bị ngoại vi’ là gì?”, *Từ điển VTudien*, [https://vtudien.com/viet-viet/dictionary/nghia-cua-tu-thi%E1%BA%BFt%20b%E1%BB%8B%20ngo%E1%BA%A1i%20vi].
48. Tiên Thành (2019), “Tội phạm trên mạng xã hội, Internet: Nâng cao

cảnh giác, chủ động phòng ngừa”, *Báo Hà Nội mới*, [<http://www.hanoimoi.com.vn/tin-tuc/Phap-luat/937105/toi-pham-tren-mang-xa-hoi-internet-nang-cao-canh-giac-chu-dong-phong-ngua>].

49. Trần Linh (2021), “Tội phạm công nghệ cao: Thủ đoạn cũ, nạn nhân mới”, *Báo Công an Nhân dân Online*, [<http://cand.com.vn/Phap-luat/Toi-pham-cong-nghe-cao-Thu-doan-cu-nan-nhan-moi-627769/>].
50. Tuyết Mai (2020), “Dữ liệu điện tử, mỗi nơi ứng xử mỗi kiểu”, *Báo Tuổi trẻ Online*, [<https://tuoitre.vn/du-lieu-dien-tu-moi-noi-ung-xu-moi-kieu-202010132-21250923.htm>].
51. Việt Dũng (2021), “Camera an ninh - “mắt thần” phòng chống tội phạm”, *Báo Lao động*, [<https://laodong.vn/phap-luat/camera-an-ninh-mat-than-phong-chong-toi-pham-883986.ldo>].
52. “Xóa, bật và quản lý cookie trong Chrome”, [<https://support.google.com/chrome/answer/95647?co=GENIE.Platform%3DDesktop&hl=vi>].